



NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

LÊ XUÂN ĐỨC

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

vn

Mục lục

Lời Tác Giả

Bài Thơ Đề Từ

Khai Quyển Mở Đầu Tập Nhật Ký

Thế Lộ Nan - Đường Đồi Hiểm Trở

Vãn - Chiều Hôm

Đỗ Phạm - Tù Cờ Bạc

Nạn Hữu Mạc Mỗ - Bạn Tù Họ Mạc

Điền Đông

Sơ Đáo Thiên Bảo Ngục - Mới Đến Nhà Lao Thiên Bảo

Quả Đức Ngục - Nhà Ngục Quả Đức

Long An Lưu Sở Trường - Sở Trường Long An Họ Lưu

Đồng Chính

Nạn Hữu Đích Chi Bị - Chiếc Chăn Giấy Của Người Bạn Tù

Long An - Đồng Chính

Nhai Thượng - Trên Đương Phố

Trưng Bình Gia Quyển- Gia Quyển Người Bị Bắt Lính

Giải Trào - Pha Trò

Vãng Nam Ninh - Đi Nam Ninh

Điệt Lạc Hụt - Chân Ngã

Nam Ninh Ngục - Nhà Ngục Nam Ninh

Nạp Muộn - Buồn Bực

Nhất Cá Đỗ Phạm “Ngạnh” Liễu - Một Người Tù Cờ Bạc “Chết Cứng”

Cấm Yên - Cấm Hút Thuốc

Dạ Bán Vãn Khốc Phụ - Nửa Đêm Nghe Tiếng Khóc Chờng

Công Kim - Tiền Công

Thế Nạn Hữu Mẫn Tả Báo Cáo - Viết Hộ Báo Cáo Cho Bạn Tù

Lại Sang - Ghé Lở

Song Thập Nhất - Ngày 11 Tháng 11

Cảnh Báo (Thập Nhất Nguyệt Thập Nhị Nhật) - Báo Động (Ngày 12 Tháng 11)

“Lữ Quán” - “Quán Trợ”

Tảo Tinh - Năng Sớm

Việt Hữu Tao Động Ung Báo, Xích Đạo Tấn 14.11

Anh Phóng Hoa Đoàn - Đoàn Đại Biểu Anh Sang Thăm Trung Hoa

Giải Vãng Vũ Minh (Thập Nhất Nguyệt Thập Bát Nhật) - Giải Đi Vũ Minh

(Ngày 18 Tháng 11)

Bào Hương Cầu Nhục Thịch - Chó Ở Bào Hương

Đặng Quang Phí - Tiền Đền

Ngục Trung Sinh Hoạt - Sinh Hoạt Trong Tù

Quách Tiên Sinh - Tiên Sinh Họ Quách

Thiên Giang Ngục - Ngục Thiên Giang

Tháp Hỏa Xa Vãng Lai Tân - Đạp Xe Lửa Đi Lai Tân

Tha Tướng Đào - Anh Ấy Muốn Trốn

Đảo Liễu Châu - Đến Liễu Châu

Cựu Bất Đệ Giải - Giam Lâu Không Được Chuyển

Liễu Châu Ngục - Nhà Ngục Liễu Châu

Đảo Trường Quan Bộ - Đến Dinh Trường Quan

Đảo Quế Lâm - Đến Quế Lâm

Nhập Lung Tiên - Tiên Vào Nhà Giam

Chấm Hối Chấm Than

Chấm Hối

Đảo Đệ Tứ Chiến Khu Chính Trị Bộ - Đến Cục Chính Trị Chiến Khu Iv

Chính Trị Bộ Cấm Bế Thất - Nhà Giam Cửa Cục Chính Trị

Mông Ưu Đãi - Được Ưu Đãi

Triêu Cảnh - Cảnh Buổi Sớm

Ngũ Khoa Trường, Hoàng Khoa Viên - Khoa Trường Họ Ngũ, Khoa Viên Họ

Hoàng

Hạn Chế

Cửu Vũ - Mưa Lâu

Tích Quang Âm - Tiệc Ngày Giờ

Độc Tướng Công Huấn Từ - Đọc Lời Giáo Huấn Của Ông Tướng

Lương Hoa Thịnh Tướng Quân Thăng Nhậm Phó Tư Lệnh

Tặng Tiểu Hầu (Hải) - Tặng Chú Hầu (Hải)

Thu Cầm

Nhân Đổ Ngã - Nhân Lúc Đói Bụng

Trần Khoa Viên Lai Thám - Khoa Viên Họ Trần Tới Thăm

Hầu Chủ Nhiệm Ân Tặng Nhất Bộ Thư - Chủ Nhiệm Họ Hầu Tặng Một Bộ

Sách

Mông Thượng Lệnh Chuẩn Xuất Lung Hoạt Động

Thu Dạ - Đêm Thu

Tình Thiên

Khán “Thiên Gia Thi” Hữu Cảm - Cảm Tưởng Đọc “Thiên Gia Thi”

Tức Cảnh

Kết Luận “Ngục Trung Nhật Ký”

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Lời Tác Giả

Năm 1960, lần đầu tiên Viện Văn học dịch và xuất bản tập thơ Nhật ký trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh với 113 bài thơ. Năm 1990, kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Bác Hồ, Viện Văn học công bố Nhật ký trong tù có 135 bài thơ, trong đó bài Đề từ được đánh số 1, cộng với bài Mới ra tù, tập leo núi. Năm 1991, NXB Khoa học xã hội cho in Nhật ký trong tù với 133 bài thơ theo trình tự, số thứ tự các bài đúng như trong nguyên tác.

Hiện nay bản gốc Nhật ký trong tù - Ngục trung nhật ký được lưu giữ ở Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam có số hiệu BTCM6689 - G9, đó là một cuốn sổ tay khổ 9,5x12,5cm gồm 80 trang giấy dó.

Nhật ký trong tù là tập nhật ký được ghi bằng thơ. Sự kiện xảy ra khi Bác Hồ từ Việt Bắc sang Trung Quốc với tư cách là người lãnh đạo Việt Nam độc lập đồng minh hội trong tổ chức Đồng minh Quốc tế chống phát xít để gặp yếu nhân ở Trùng Khánh thì bị chính quyền Trung Hoa dân quốc bắt giam trên đường đi tại Túc Vinh ngày 29-8-1942. Trải qua 377 ngày bị giải đi giải lại và bị giam tại 30 nhà tù ở tỉnh Quảng Tây, đến ngày 10-9-1943 Bác mới được trả tự do.

Qua Mười bốn trăng tê tái gông cùm (Tố Hữu) ấy, không kể lời đề từ đứng độc lập, không đánh số, Bác đã ghi nhật ký bằng 133 bài thơ với 2700 chữ, trong đó có 125 bài tứ tuyệt, 8 bài thuộc các thể loại khác, gồm:

4 bài ngũ ngôn, 2 bài thất ngôn bát cú, 1 bài tứ tuyệt liên hoàn, 1 bài chỉ có đầu đề - bài thứ 100 Liễu Châu ngục.

Tập thơ Nhật ký trong tù ra đời đã trở thành một hiện tượng văn học đặc biệt. Đến nay tập thơ đã được tái bản nhiều lần, được dịch và phổ biến ở một số nước. Nhiều công trình nghiên cứu, phân tích, tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau với những cách thức khác nhau của các tác giả trong và ngoài nước, đều cùng một mục đích: tìm hiểu, khám phá cái hay, cái đẹp, cái độc đáo của thơ Bác; khẳng định những đóng góp to lớn của Nhật ký trong tù trong gia tài thơ ca Việt Nam; rút ra những bài học bổ ích cho cuộc sống hiện tại. Tất cả đều chung một nhận định: Tập thơ Nhật ký trong tù bất hủ mãi mãi sống cùng thời gian năm tháng.

Riêng về bình giảng, phân tích các bài thơ trong tập Nhật ký trong tù, theo thống kê của chúng tôi, trên các sách báo Trung ương và địa phương đã bình, phân tích 39 bài, một số bài thơ khác được trích dẫn và bình luận trong các công trình nghiên cứu, tiểu luận, bài viết về Nhật ký trong tù và về thơ ca của Bác.

Với niềm đam mê thơ Bác, chúng tôi đã chuyên tâm nghiên cứu và thẩm bình thơ Bác từ năm 1973 đến năm 2013 này, tròn 40 năm, và đã hoàn thành việc thẩm bình toàn bộ 133 bài thơ của Nhật ký trong tù.

Trong tập sách Nhật ký trong tù và lời bình này, chúng tôi không đưa vào sách 39 bài thơ đã bình và một số bài bình khác chúng tôi đã in trên các sách báo mà chỉ đưa những bài bình các bài thơ chưa ai bình và chọn một số bài thể hiện tư tưởng chính của Nhật ký trong tù để thấy sự nhất quán của cả tập thơ. Về thẩm bình toàn bộ Nhật ký trong tù chúng tôi sẽ công bố thời gian tới.

Bình thơ Bác có cái dễ và cái khó. Dễ vì thơ Bác giản dị, dễ hiểu; khó vì thơ Bác hàm súc, tinh tế, ẩn nhiều ý tưởng, lung linh nhiều mặt, nhiều chiều của thực tế đời sống và tư tưởng tình cảm, tâm hồn tác giả. Cho nên bình thơ phải cố gắng tìm cho được cái thần của bài thơ. Lại nữa, cách tiếp cận thơ cũng đa dạng, phong phú nên chúng tôi rất mong nhận được ý kiến

phê bình của độc giả, vì đây là khám phá lần đầu, khi tái bản sẽ sửa chữa, bổ sung, chính lý hoàn thiện hơn.

LÊ XUÂN ĐỨC

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Bài Thơ Đề Từ

身体在獄中

精神在獄外

欲成大事業

精神更要大

Dịch âm Hán Việt:

Thân thể tại ngục trung,

Tinh thần tại ngục ngoại;

Dục thành đại sự nghiệp.

Tinh thần cánh yếu đại.

Dịch nghĩa:

Thân thể ở trong ngục,

Tinh thần ở ngoài ngục;

Muốn nên sự nghiệp lớn,

Tinh thần càng phải cao.

Dịch thơ: Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao;

Muốn nên sự nghiệp lớn

Tinh thần càng phải cao (1)

(1) Bản dịch của Trần Đắc Thọ:

Thân thể ở trong ngục

Tinh thần ở ngoài ngục

Sự nghiệp lớn muốn thành

Tinh thần cao tột bậc.

NAM TRÂN dịch

Trên trang bìa tập thơ Ngục trung nhật ký có hình vẽ hai nắm tay cùng bốn câu thơ:

Thân thể tại ngục trung,

Tinh thần tại ngục ngoại;

Dục thành đại sự nghiệp.

Tinh thần cánh yếu đại.

Có lẽ bốn câu thơ này Bác Hồ coi như lời đề từ cho tập thơ. Bốn câu thơ không đánh số như các bài thơ khác trong tập thơ và cũng không có đầu đề. Nhà xuất bản Văn hoá xuất bản lần đầu tiên (1960) tập thơ Ngục trung

nhật ký đã lấy đầu đề tập thơ làm đầu đề bài thơ. Nhà xuất bản Văn học, in Ngục trung nhật ký lần thứ ba (1983) đã theo nguyên bản không có đầu đề.

Bốn câu thơ có ý nghĩa đề từ mang tinh thần cảm hứng của cả tập thơ.

Bài thơ bốn câu, mỗi câu năm từ, lời ít mà ý nhiều.

1- Hai câu đầu:

Thân thể tại ngục trung,

Tinh thần tại ngục ngoại;

(Thân thể ở trong ngục

Tinh thần ở ngoài ngục)

nổi lên: một hoàn cảnh, một con người. Hoàn cảnh thì đen tối nặng nề. Con người thì muốn thoát hoàn cảnh, vượt tình thế.

Hai câu thơ đối lập xuất phát từ sự thật đối ngược, cái cách ngăn, phân chia ngục trung và ngục ngoại, thân thể và tinh thần chính là bức tường nhà tù. Bác nói một sự thực: chấp nhận một thực tại đọa đày thân thể (Thân thể tại ngục trung) nhưng lại hoàn toàn chủ động về tinh thần (Tinh thần tại ngục ngoại).

Hai mối quan hệ được đặt ra từ hai câu thơ: quan hệ giữa nhà tù và người tù; quan hệ giữa thân thể và tinh thần trong bản thân người tù. Nhà tù có giam hãm được bản thân người tù không? Về bề ngoài, về danh nghĩa, người tù đã bị tù, nhưng chỉ là bị tù thân thể còn thực chất người tù đã vượt tù. Kiểu vượt tù tinh thần ấy, Ngục trung nhật ký có nhiều.

Người tù bị tù, nhưng chính người tù ấy lại tự giải phóng tinh thần mình khỏi nhà tù. Tinh thần người tù vẫn tự do, không gì giam hãm được.

Bác Hồ của chúng ta là thế. Các chiến sĩ cách mạng do Người đào luyện cũng thế:

Thân dầu lao tù lâm cảnh hiểm

Chí còn theo dõi buổi tung hoành.

(Hoàng Văn Thụ)

Xà lim không thể khóa hồn người.

(Tố Hữu)

Đế quốc tù ta, ta chẳng tù

Ta còn bộ óc ta không lo.

(Xuân Thuỷ)

Những câu thơ mạnh, thể hiện tâm hồn, ý chí bản lĩnh của người cách mạng vì nước, vì dân. Bản lĩnh này nổi bật trong mọi hoàn cảnh, nhất là khi người cách mạng đứng ở mũi nhọn cuộc chiến đấu, hoặc khi bị sa vào chốn lao tù. Yếu tố tinh thần - một khi nắm được quy luật của nó, biết phát huy nó thì có sức mạnh như sức mạnh vật chất. Từ chỗ nắm được quy luật vận động phát triển của xã hội, của lịch sử ... lại luôn luôn ở tư thế chủ động cách mạng tiến công, cho nên người cách mạng hoàn toàn làm chủ được tinh thần, mài sắc vũ khí tinh thần để thực hiện sự nghiệp lớn.

2- Bước chân vào nhà tù, cái đầu tiên Bác quan tâm không phải là nhà tù. Lao lung, đầy đọa đang ập đến, Bác không hề để ý. Cái choán hết tâm trí Bác là đại sự nghiệp. Chính vì sự nghiệp lớn mà Bác không quản gian lao để hoạt động hơn ba mươi năm trời trước đó. Chính vì sự nghiệp lớn nên Bác mới chịu cảnh tù đầy này. Và cũng chính vì sự nghiệp lớn mà tinh thần Bác càng cao sáng lạ thường:

Dục thành đại sự nghiệp,

Tinh thần cánh yếu đại.

(Muốn thành sự nghiệp lớn

Tinh thần càng phải lớn).

Nếu như hai câu đầu đối lập, thì hai câu thơ sau hoà hợp, bổ sung cho nhau, thống nhất chặt chẽ trong mối tương quan nhân-quả: muốn làm nên sự nghiệp lớn phải có tinh thần lớn. Tinh thần lớn sẽ làm nên sự nghiệp lớn. Trong đại sự nghiệp và tinh thần cánh yếu đại, chữ đại sau chông lên chữ đại trước (Lê Trí Viễn). Một đòi hỏi, một quyết tâm, một khẳng định, một sự vươn cao. Câu thơ Bác tự dặn mình, nhưng cũng lại là bài học lớn cho chúng ta, cho tất cả mọi người. Ở hai câu thơ này, một lần nữa, hai chữ tinh thần lại được Bác nhắc lại và nhấn mạnh. Cái tinh thần ban đầu phải tự giải phóng thì bây giờ càng phải cao. Càng phải cao để chiến thắng kẻ thù, chiến thắng ngục tù, mà hiện tại phải chiến thắng sự bức bối, sự phẫn nộ bùng bột chốc lát trong con người mình để mưu cầu sự nghiệp lớn cho cách mạng.

Bốn câu thơ như đúc thành một khối chắc nịch, một phương châm hành động, một ứng xử vạn năng, một tuyên ngôn. Lời ít, ý rõ, đồng dặc dứt khoát. Văn trắc với ba thanh trắc, đặc biệt là ba dấu nặng (ngoại, nghiệp, đại) ở ba câu thơ 2, 3, 4 như chiếc cọc đóng sâu, vững chắc. Ở bản dịch tiếng Việt, cái thể này bị đảo ngược trở nên thanh thoát nhẹ nhàng bởi văn bằng với ba thanh bằng cao không dấu (lao, lao, cao) và một thanh trắc cao dấu sắc (lớn). Phan Nhuận, khi dịch bài thơ ra tiếng Pháp, đã phải dịch bằng 13 cách mà chẳng cách nào vừa lòng cả. Ông có cảm nghĩ: Bài thơ đó đáng khắc vào bia đá.

3- Và, một hiện tượng kỳ diệu, đọc bài thơ, ta không còn thấy người tù bị cầm tù nữa. Tâm vóc của Bác đã vượt khỏi những giới hạn chật hẹp và

ngăn cách của nhà tù. Nếu đem so sánh bài thơ của Bác với một số bài thơ của các anh hùng làm khi bị cầm tù mà lịch sử thi ca còn ghi, chúng ta thấy ánh sáng tinh thần càng lung linh và giá trị của bài thơ cũng được hiểu sâu hơn: Ví như bài Chim trong lồng (2) tương truyền của Quận He Nguyễn Hữu Cầu (3). Bài thơ kết thúc bằng mấy câu:

Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán,

Phá vòng vây làm bạn với kim ô

Giang sơn khách diệc chi hồ?

(2) Nguyễn văn bài Chim trong lồng:

Nhất lung thiên địa tàng thiên tiểu,

Vạn lý phong vân cử mục tần.

Hỏi sao sao luy cô trần?

Bận tài bay nhảy, xót thân tang bồng

Nào khi vỗ cánh rìa lông.

Hót câu thiên túng trong vòng lao lung.

Chim oanh nọ vẫy vùng giậu bắc

Đàn loan kia túc tắc càn nam

Mặc bay đông ngữ tây đàm

Chờ khi phong tiện đứt dàm vân lung

Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán,

Phá vòng vây làm bạn với kim ô

Giang sơn khách diệc chi hồ?

(3) Nguyễn Hữu Cầu là một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa đầu thế kỷ XVIII, đã từng làm cho quân tướng triều đình Vua Lê chúa Trịnh nhiều phen phải thất điên bát đảo. Khi bị giam trong ngục, người anh hùng nông dân viết bài thơ Chim trong lồng tỏ chí khí tự do ngang tàng của mình

Hơi thơ hào hùng, mạch thơ chảy mạnh, tứ thơ bay cao nhưng lời thơ thì hơi ồn ào. Câu kết là một cái lắc đầu kiêu hãnh:

Giang sơn khách diệc chi hồ?

(Khách tang bồng cung kiếm ở núi sông

đất nước này ai là người biết được ý chí của ta?)

Đúng là khẩu khí của một anh hùng đậm màu sắc cá nhân. Tác giả tự ví mình như một con chim bị giam trong cái lồng trời đất chật hẹp; nhưng đôi mắt của nó luôn giương nhìn thấu suốt nghìn dặm gió mây, coi thường mọi xiềng xích gông cùm, mọi thế lực đen tối.

Đặt bài thơ Chim trong lồng bên cạnh bài thơ Đề từ, ta thấy rõ tư tưởng, mục đích, ý chí của hai người anh hùng ở hai thời đại, khác nhau quá rõ. Nguyễn Hữu Cầu khao khát bầu trời tự do, mong ước có ngày phá tan cái khuôn khổ chật hẹp, chế độ áp bức bóc lột đày đọa con người để vẫy vùng cho phỉ sức (trước hết là sức cá nhân, còn theo hướng nào thì vẫn chưa rõ). Bác Hồ của chúng ta, sống trong ngục mà vẫn ung dung, điềm đạm, vẫn thấy tinh thần mình hoàn toàn tự do và không ngừng rèn luyện tinh thần để làm nên sự nghiệp lớn: Cứu nước, cứu dân. Thơ Bác giản dị, chữ nghĩa toát ra một tinh thần cao sáng; những gì là phần nộ bị nén xuống;

những gì ngậm ngùi bị xua đi; còn lại một sự tỉnh táo, một ý chí mạnh, một thể đứng vững.

Không phải ngẫu nhiên trong tập thơ Ngục trung nhật ký, Tinh thần tại ngục ngoại lại toát ra từ nhiều bài thơ. Và cũng không phải ngẫu nhiên, trong một tập thơ, Bác nói đến 13 lần chữ tự do: tự do nhân, tự do cảnh, tự do do nhật, tự do thiên, tự do thì, tự do quyền, tự do lăm thương v.v...

Tự do đã khiến người tù chủ động vượt tù về tinh thần. Tinh thần người tù ở ngoài nhà tù. Nằm trong nhà tù, người tù vẫn hướng ra bên ngoài:

Khuy song, bắc đấu dĩ hoành thiên.

(Nhòm song, bắc đấu đã nằm ngang)

(Dạ lãnh)

Và:

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt.

(Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ)

(Vọng nguyệt)

hay khi lắng sâu vào nội tâm thì cũng hoàn toàn tự do:

Nội thương Việt địa cựu sơn hà.

(Nội thương đất Việt cảnh lăm than)

(Bệnh trọng)

Hoặc:

Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tiêm tinh.

(Sao vàng cánh mộng hồn quanh)

(Thụy bất trước)

Tự do đến đỉnh cao: Khách thần tiên trên trời tự do có biết chẳng là trong nhà lao cũng có khách tiên:

Tự do thiên thượng thần tiên khách

Tri phủ lung trung dã hữu tiên.

(Ngọ hậu)

Bác khẳng định:

Mặc như thất khước tự do quyền

(Cay đắng chi bằng mất tự do)

(Cảnh binh đảm trư đồng hành)

cho nên phải vững tinh thần, phải rèn luyện. Ngục trung nhật ký có nhiều bài nói đến sức mạnh của yếu tố tinh thần. Bác nhấn mạnh, càng trải nhiều tai ương, tinh thần càng được rèn luyện:

Tai ương bả ngã lai đoàn luyện

Sử ngã tinh thần cánh khẩn trương.

(Nghĩ mình trong bước gian truân

Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng)

(Tự miễn)

và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải giữ vững tinh thần:

Trì cửu hòa nhẫn nại

Bất kháng thoái nhất phân

Vật chất tuy thống khổ

Bất động dao tinh thần.

(Kiên trì và nhẫn nại

Không chịu lùi một phân

Vật chất tuy đau khổ

Không nao núng tinh thần)

(Tứ cá nguyệt liễu)

Con người có hoài bão lớn, phấn đấu cho một sự nghiệp lớn phải có tinh thần cao; có tinh thần cao sẽ tạo ra sức mạnh phi thường, sức mạnh cấp số nhân. Đó là chìa khoá tinh thần của vĩ nhân.

Bài thơ đề từ, bài thơ ý chí, bài thơ của tự do, bài thơ của một tinh thần. Tinh thần tại ngục ngoại và Tinh thần cánh yếu đại là cảm hứng chủ đạo của tập thơ. Bài thơ xứng đáng ở vị trí đề từ cho cả tập Ngục trung nhật ký bất hủ.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Khai Quyển Mở Đầu Tập Nhật Ký

開卷

老夫原不愛吟詩

因為囚中無所為

聊借吟詩消永日

且吟且待自由時

Dịch âm Hán Việt:

Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,

Nhân vị tù trung vô sở vi;

Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật,

Thả ngâm thả đãi tự do thì.

Dịch nghĩa:

Già này vốn không thích ngâm thơ,

Nhân vì trong ngục không có gì làm;

Hãy mượn việc ngâm thơ cho qua ngày dài,

Vừa ngâm vừa đợi ngày tự do.

Dịch thơ:

Ngâm thơ ta vốn không ham

Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;

Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,

Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do. (1)

NAM TRÂN dịch

(1) Bản dịch của Quách Tấn:

Ngâm vịnh già đây vốn chẳng ham.

Trong lao không có việc chi làm

Ngày dài ngâm ngợi cho khuây khỏa

Ngâm đợi chờ khi thoát buộc dàm.

Bản dịch của Trần Đắc Thọ:

Ngâm thơ, già này chẳng ham chi

Trong tù còn có việc gì làm đây

Ngày dài ngâm vịnh cho khuây

Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

Bản dịch của Đinh Chương Dương:

Già này vốn chẳng thích ngâm thơ

Nhân ở trong tù chẳng việc chi

Mượn thú ngâm thơ khuây lúc rỗi

Vừa ngâm vừa đợi tự do thì

VỪA NGÂM VỪA ĐỢI ĐẾN NGÀY TỰ DO

Sau bốn câu thơ được coi là lời Đề từ là bài Khai quyển (Mở đầu tập nhật ký). Thông thường trong một tác phẩm bài khai quyển chiếm một vị trí đặc biệt và có ý nghĩa lớn vì nó chứa đựng những ý tưởng, tình cảm, cách thức của tác giả được thể hiện xuyên suốt, nhất quán trong toàn bộ tác phẩm. Khai quyển của tập Ngục trung nhật ký là một bài thơ tứ tuyệt, Bác nói rõ về lý do làm thơ, hoàn cảnh sáng tác thơ và quan hệ giữa Bác với thơ:

Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,

Nhân vị tù trung vô sở vi;

Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật,

Thả ngâm thả đãi tự do thì.

Đây là lời tự bạch chân thực, chân thành, trong sáng. Lão phu nguyên bất ái ngâm thi, Bác mượn câu thơ của Nghiêu Phu đời Thanh Trung Quốc để nói về mình; mình đúng là như vậy: Già này vốn không ham thích ngâm thơ. Bác vốn không có chủ định làm thơ và không có ý định trở thành nhà thơ, không ham cái việc tìm hứng, chọn tứ, lọc chữ, gieo vần, vốn là công việc của các nhà thơ. Bác có một ham muốn và ham muốn tốt bậc là giải phóng đất nước, giành độc lập, tự do cho dân tộc, mọi người dân được ấm no, hạnh phúc, được học hành. Bác đang thực hiện cái ham muốn đó thì bị

vào tù. Trong tù không biết làm gì, đành Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật (Tạm mượn việc ngâm thơ cho qua ngày dài), ấy vậy mà kết quả của việc Ngâm thi tiêu vĩnh nhật đã để lại 133 bài thơ làm nên tập thơ Ngục trung nhật ký bất hủ.

Bác nói: Tạm mượn việc ngâm thơ cho qua ngày dài, cũng như sau này Bác nói trong Vừa đi đường vừa kể chuyện: Mười mấy tháng bị nhốt trong cái phòng u ám và hiu quạnh, một hình một bóng, không được nói chuyện với ai, không có việc gì làm. Muốn “du lịch” thì đi dọc chỉ năm bước, đi ngang bốn bước. Để “tiêu khiển” ngày giờ, chỉ có cách ngêu ngao vắn tắt ghi lại sinh hoạt của người tù cho khuây khỏa thế thôi. Cũng như khi Bác nói với Paven Antôxcônxxki (Người dịch Ngục trung nhật ký ra tiếng Nga): “Tôi viết những bài thơ ấy để làm gì? Chỉ vì lý do ở trong tù tôi không thể làm gì khác. Họ tước đoạt của tôi hết tất cả... và buồn...”. Thế là Bác đã nói khá rõ hoàn cảnh làm thơ (hoàn cảnh sáng tác thơ) của Bác lúc ấy. Lý do để có thơ, để làm thơ rất đơn giản: Cho qua ngày dài, cho khuây khỏa. Nhưng cái ngày dài đang là một áp lực lớn đè nặng lên Bác, đang là một thử thách ghê gớm sức chịu đựng và ý chí của Bác. Cái ngày dài trong tù là cái ngày dồn nén, đông đặc Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại (Một ngày ở trong tù bằng nghìn thu ở ngoài). Ở trong tù, Bác từng phút, từng giây phải đối mặt với cái khổ cực, cái tàn bạo vô lý vô nhân của chế độ nhà tù; đồng thời, cùng một lúc phải đối diện với chính mình, phải vượt mình, thắng mình. Trong hoàn cảnh căng thẳng như vậy đã nảy sinh những ý nghĩ, những suy tư, những cảm xúc và Bác đã ghi lại bằng thơ. Hồn thơ lớn Hồ Chí Minh đã bộc lộ ở đây, ở nơi tù ngục này.

Như vậy thơ có được là do sự tác động của đối tượng, đồng thời cũng do sự thôi thúc tự bên trong tâm hồn, tình cảm, ý muốn của người làm thơ. Đã nhiều lần Bác nói: viết để làm gì? và Viết cho ai? Toàn bộ trước tác của Bác đều sáng rõ về yêu cầu, mục đích viết để làm gì, viết cho ai. Còn ở bài Khai quyển và tập Ngục trung nhật ký, Bác viết để làm gì? thì Bác đã nói cho qua ngày dài, cho khuây khỏa, để tiêu khiển. Và viết cho ai? cho bản

thân mình, một mình mình đọc, vừa ngâm vừa đợi... Rõ ràng, Bác viết không nhằm cho ai, cho bất cứ người đọc nào, hoàn toàn khác những bài thơ trước đây và sau này kể cả thơ tiếng Việt và thơ chữ Hán nhằm mục đích để cho người khác đọc, để tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục. Chính vì thế, Bác đã bỏ quên không nhớ nữa, nếu như không có ai đó đã nhắc.

Có một thời, người ta ngại nói đến việc làm thơ về mình, cho bản thân mình, ngại nói đến chức năng tiêu khiển, giải trí mà chỉ nhấn mạnh chức năng nhận thức, chức năng giáo dục của văn học. Nhưng ở đây, trường hợp làm thơ về mình, cho mình, mình tâm sự, mình giải bày, mình động viên, mình tự khuyên mình lại là trường hợp Bác Hồ với tập Ngục trung nhật ký. Bị giam cầm trong bốn bức tường u ám của nhà tù, những tư tưởng lớn, những suy nghĩ cao rộng, những tình cảm sâu sắc chẳng có ai mà trao đổi, bàn bạc. Bác phải sống một mình, cảm xúc một mình và ghi lại bằng thơ những dòng nhật ký về mình, cho mình. Tất cả đều hướng về cái bên trong con người, bộc lộ tâm tư, tình cảm, tâm hồn, trí tuệ, ý chí của một con người - con người tự ý thức, tự nhận thức để trau dồi bản thân mình. Con người phải vượt lên mọi hoàn cảnh, tự chủ và làm chủ, biến hoàn cảnh thành môi trường rèn luyện: Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do - Thả ngâm thả đãi tự do thì. Như vậy nhà tù chỉ có thể giam cầm được thân thể người tù chứ không thể giam cầm được tinh thần người tù. Trong cái mất tự do về thân thể Bác tìm cho mình một sự tự do nội tâm, một sự tự do tinh thần và tin tưởng nhất định cái tất thắng sẽ thuộc về mình. Do đó ở tù mà vẫn thấy mình là khách tự do, là khách tiên; ở tù mà vẫn có thơ. Một bản lĩnh phi thường - bản lĩnh văn hoá lớn.

Tù ngục là điều bất hạnh lớn đối với con người, nhưng tù ngục cũng là nơi thử thách với những con người chân chính, những tâm hồn trác việt. Trên đỉnh cao của tâm hồn, ở Bác, nhà cách mạng và nhà thơ là một, hay nói một cách chính xác hơn đã có sự hoà nhập giữa nhà cách mạng và nhà thơ trong Bác. Vì vậy mà vốn không ham ngâm thơ mà vẫn có thơ, vốn

không có ý định trở thành nhà thơ mà hiển nhiên là nhà thơ. Thơ đến với Bác và chuyện Bác làm thơ là rất tự nhiên như là một sự ngẫu nhiên mà lại tất nhiên vậy.

Bài thơ Khai quyển đem đến cho chúng ta một số nhận thức về quan niệm thơ của Bác Hồ. Đây cũng là bài thơ đầu tiên Bác nói đến hai chữ tự do. Hai chữ tự do là tinh thần cơ bản, là cảm hứng chủ đạo. Có thể coi Ngục trung nhật ký là tập thơ nhật ký của tự do. Bài Khai quyển cùng với bài Khán “Thiên gia thi” hữu cảm và một số bài thơ khác được coi như là một tuyên ngôn về thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Thế Lộ Nan - Đường Đời Hiểm Trở

世路難

走遍高山與峻岩

那知平路更難堪

高山遇虎終無恙

平路逢人卻被監

余原代表越南民

擬到中華見要人

無奈風波平地起

送余入獄作嘉賓

忠誠我本無心疚

卻被嫌疑做漢奸

處世原來非易易

而今處世更難難

Dịch âm Hán Việt:

Tầu biển cao sơn dữ tuấn nham,
Na tri bình lộ cánh nam kham;
Cao sơn ngô hồ chung vô dạng,
Bình lệ phùng nhân khước bị giam
Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân,
Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân;
Vô nại phong ba bình địa khởi,
Tống dư nhập ngục tác gia tân.
Trung thành, ngã bản vô tâm cứu,
Khước bị hiềm nghi tổ Hán gian;
Xử thế nguyên lai nghi dị dị,
Nhi kim xử thế cánh nan nan!
Dịch nghĩa:
Đi khắp non cao và núi hiểm,
Nào ngờ đường phẳng lại khó qua;
Núi cao gặp hồ rút cục vẫn không việc gì,
Đường phẳng gặp người lại bị bắt!
Ta vốn là đại biểu của dân Việt Nam,
Định đến Trung Hoa gặp nhân vật trọng yếu;

Không dưng đất bằng nổi sóng gió,
Đưa ta vào làm “khách quý” trong tù.
Vốn trung thực thành thật,
ta không có điều gì thẹn với lòng,
Thế mà bị tình nghi là Hán gian;
Việc xử thế vốn không phải là dễ,
Lúc này, xử thế càng khó khăn hơn.

Dịch thơ:

Đi khắp non cao và núi hiểm,
Nào ngờ đường phẳng lại lao đao;
Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tống lao.
Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngờ đất bằng gây sóng gió;
Phải làm khách quý tại nhà giam
Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian;
Xử thế xưa nay không phải dễ;

Mà nay, xử thế khó khăn hơn. (1)

NAM TRÂN dịch

(1) Bản dịch bài 5 của Trần Đắc Thọ:

Ta nguyên đại biểu dân nước Việt

Định gặp yếu nhân của đất Hoa

Sóng gió bất ngờ đâu bỗng nổi

Phải làm “khách quý” tại nhà pha.

Bản dịch bài 6 của Quách Tấn:

Xưa nay một tấm trung thành

Hiềm nghi chi lại gọi mình Hán gian

Ở đời vốn chẳng dễ dàng

Nay thêm thấy rõ muôn vàn khó khăn.

AI NGỜ ĐẤT BẰNG GÂY SÓNG GIÓ

Chỉ mới đọc đầu đề thôi Thế lộ nan (Đường đời hiểm trở) đã chắc chắn đây là bài thơ luận giải về đường đời.

Quả đúng như vậy, bài thơ có ba khổ, ngay khổ đầu đã luận rồi, mà luận này được rút ra từ cái nghịch cảnh, nghịch lý mà chính bản thân mình đã trải qua và nghiệm thấy rành rành. Cách luận lại rất nhẹ nhàng bằng liên tưởng, so sánh: non cao, núi hiểm với đường phẳng; gặp hổ với gặp người hậu quả trái ngược nhau.

Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,

Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!

Núi cao gặp hồ mà vô sự,

Đường phẳng gặp người bị tống lao.

Câu thơ dịch Núi cao gặp hồ mà vô sự, nguyên câu thơ chữ Hán là Cao sơn ngộ hồ chung vô dạng. Nếu dịch vô dạng là vô sự thì chưa chính xác. Trước tai họa gặp hồ mà nói là vô sự, gặp sự nguy hiểm rồi đấy chứ. Có nhà nghiên cứu cho biết vô dạng là lời người xưa hỏi thăm người gặp nguy hiểm nhưng được yên lành không có chuyện gì xảy ra, nên vô dạng có nghĩa là bình yên, yên ổn và đề nghị dịch là: Non cao gặp hồ mà yên ổn.

Nhà ngôn ngữ học Đào Thản có một nhận xét những câu thơ trên "được cấu trúc giống như thể cách trình bày một quy tắc tam xuất kép nghịch biến, có giá trị ghi nhận một thực tế éo le nhưng lại có tính quy luật, một hiện tượng ad hoc (2) hiếm thấy trên đời". Cái hiện tượng trái khoáy, éo le, tương phản này vào thơ rất tự nhiên, nó phản ánh một thực tế ngoài đời và cái thực tế này cứ được lặp đi lặp lại khi mà trật tự pháp luật bị bỏ qua, công lý bị phớt lờ chỉ còn tồn tại mỗi một: tự ý và tùy ý của kẻ cầm quyền.

(2) Ad hoc có nghĩa là: chỉ riêng cho một trường hợp, một việc cụ thể đó mà thôi (thuật ngữ mới du nhập vào từ ngữ tiếng Việt).

Luận là như thế đấy. Luận từ thực tế, từ sự thực. Còn Giải thì sao? Giải cũng từ thực tế, từ sự thực 100%.

Ta là đại biểu dân Việt Nam,

Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;

Ai ngỡ đất bằng gậy sóng gió,

Phải làm "khách quý" tại nhà giam!

Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng.

Lại bị tình nghi làm Hán gian;

Khổ thơ thứ hai và hai câu thơ đầu của khổ thơ thứ ba là giải bày cái sự trái khoáy, éo le, tương phản, minh chứng cụ thể cho phần luận ở trên. Một người ngay thẳng, sáng trong mang một sứ mệnh lớn tìm đến nước bạn mà phải làm "khách quý" tại nhà giam thì rõ ràng đất bằng gậy sóng gió. Thực tại ấy không thể chấp nhận được, xã hội ấy hỗn độn đảo điên đến vô cùng rồi, không còn phân biệt được đâu là người ngay, đâu là kẻ gian, thế nào là tốt - xấu, phải - trái, đúng - sai. Đối tượng bị bắt đã nói rõ ràng mục đích, vị thế của mình và xuất trình những giấy tờ, những căn cứ đảm bảo, chứng minh là người lương thiện đang thực hiện những trọng trách vậy mà vẫn bị bác bỏ thì trời đất này không còn gì để nói nữa. Câu thơ Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân (3) (Định đến Trung Hoa gặp nhân vật trọng yếu), Nam Trân dịch thơ: Tìm đến Trung hoa để hội đàm thì xa ý. Sau này Trần Đắc Thọ dịch là: Định gặp yếu nhân của đất Hoa tuy sát ý hơn nhưng lại yếu chất thơ. Còn câu thơ Khước bị hiềm nghi tố Hán gian (Thế mà bị tình nghi là Hán gian) cùng với câu thơ Gián điệp hiềm nghi không niết tạo (bày đặt ra trò tình nghi là gián điệp) trong bài thơ Bị bắt ở phố Túc Vinh thì Hán gian hay Gián điệp là hoàn toàn do chính quyền Trung Hoa dân quốc Tưởng Giới Thạch áp đặt, vu cáo, lập cứ để bắt, để giam đã hoàn toàn bị bác bỏ.

(3) Giáo sư Hoàng Tranh, Phó Viện trưởng Viện Khoa học xã hội Quảng Tây, Trung Quốc cho rằng: Câu "Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu

nhân" chỉ rõ mục đích chuyến đi Trung Quốc lần này của Hồ Chí Minh. Mục đích thực sự của chuyến đi này là đến Trùng Khánh gặp đoàn đại biểu Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc do Chu Ân Lai dẫn đầu (Chu Ân Lai là bạn cũ của Hồ Chí Minh khi còn ở Pari đầu những năm 20 của thế kỷ XX. Trong thời kỳ đại cách mạng của Trung Quốc, Hồ Chí Minh và Chu Ân Lai lại gặp nhau và cùng công tác ở Quảng Châu) để trao đổi ý kiến về thời cuộc. Qua bài thơ Hồ Chí Minh đã công khai nói rõ mục đích của chuyến đi là đến Trùng Khánh gặp các nhân vật quan trọng của Chính phủ Trung Hoa Dân quốc. Trong giới thiệu của phân hội Việt Nam Hiệp hội quốc tế chống xâm lược có ghi rõ: "Nay cử Hồ Chí Minh đến yết kiến Chính phủ Trung Quốc, mong được sự giúp đỡ trên lộ trình, không gây khó dễ".

Từ việc bị bắt, bị giam trở trêu này đã dẫn đến phải nghĩ, phải ngẫm đến cách xử thế mà hai câu kết bài thơ đã thể hiện:

Xử thế từ xưa không phải dễ,

Mà nay, xử thế khó khăn hơn.

Đã có nhà nghiên cứu cho rằng bài thơ Thế lộ nan (Đường đời hiểm trở) có giá trị tố cáo. Hồ Chí Minh đã lớn tiếng tố cáo chế độ Tưởng Giới Thạch. Thiết nghĩ dụng ý tố cáo không phải là chủ đề bài thơ, không phải ý tưởng nhà thơ. Mà, có lẽ trước cái thực tế nghịch lý, nghịch cảnh mà mình đang chịu đựng, Bác Hồ ngẫm nghĩ đến cách ứng xử đúng với vị thế của mình, bảo vệ được mình và làm sao cho nhà cầm quyền phải nhận rõ và trả lại tự do cho mình. Bài thơ có chút hài hước, có chút u-mua và có giải bày sự thực để rút ra cách ứng xử, còn khách quan bài thơ có ý tố cáo hay không lại là chuyện khác.

Từ luận đến giải rồi ngẫm là mạch thẳng, là lô gíc của một tư duy thơ mạch lạc, rõ ràng, khúc chiết.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Vãn - Chiều Hôm

晚

晚餐吃了日西沉

處處山歌與樂音

幽暗靖西禁閉室

忽成美術小翰林

Dịch âm Hán Việt:

Vãn xan ngật liễu, nhật tây trầm,

Xứ xứ sơn ca dữ nhạc âm;

U ám Tĩnh Tây cấm bế thất,

Hốt thành mỹ thuật tiểu hàn lâm.

Dịch nghĩa:

Cơm chiều xong, mặt trời lặn về tây,

Khắp nơi rộn tiếng ca dân dã và tiếng nhạc;

Nhà ngục u ám huyện Tĩnh Tây,

Bông thành một Viện hàn lâm nghệ thuật nhỏ.

Dịch thơ:

Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,

Vang tiếng đàn ca, rộn khúc ngâm;

Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,

Bông thành nhạc quán Viện hàn lâm.(1)

NAM TRÂN dịch

(1) Bản dịch của Quách Tấn:

Cơm vừa xong bữa, bóng vừa trầm

Chốn chốn cung đàn lẫn tiếng ngâm

Nhà ngục Tĩnh Tây đầy hắc khí

Hóa phòng văn nghệ Viện hàn lâm.

BÔNG THÀNH NHẠC QUÁN VIỆN HÀN LÂM

Chiều hôm là lúc bóng chiều đã tà, ánh sáng mờ dần, màn đêm từ từ bao phủ thì sự náo động cuộc sống của một ngày cũng theo đó lắng dần, lắng dần và rồi từ từ khép lại, lặng lẽ yên ắng. Cái cảnh tượng chiều hôm dễ gợi, dễ nảy sinh trong lòng người những thoáng ưu tư, những nỗi buồn vô cớ. Đối với người tù, khi bóng chiều đổ xuống, bóng tối trùm lên thì nỗi cô quạnh càng tăng và khổ cực đang rình rập sẽ ập tới.

Những điều nói trên là thực tế, là cái lẽ thường tình. Nhưng đối với người tù Hồ Chí Minh hoàn cảnh đã được hoán cải. Mặc dù phải chịu đựng những áp lực đang đè nặng, không gian thu hẹp dần, thời gian lặng lẽ trôi tự nhiên, thân cô thế cô, cơ cực khôn xiết, vậy mà tinh thần không nao núng, tâm hồn rộng mở, chủ động nhập cuộc, đón nhận, giao hòa với thế giới trong tù và cả với thế giới ngoài nhà tù. Cảnh tượng chiều hôm không còn cô quạnh, hoàn cảnh khắc nghiệt bị đẩy lùi trước sự giao cảm của con người với thế giới xung quanh.

Thơ kể rằng: Vãn xan nguyệt liễu, nhật tây trầm (cơm chiều xong, mặt trời đã lặn về tây). Mặt trời lặn tức trời bắt đầu tối, rồi tối hẳn, tối mịt khiến nhà ngục Tĩnh Tây trở nên u ám. Nhưng lại cũng chính lúc này Xứ xứ sơn ca dữ nhạc âm nơi nơi vang rộn tiếng ca dân dã và tiếng nhạc như một Viện hàn lâm nghệ thuật nhỏ vậy. Nguyên tác mỹ thuật tiểu hàn lâm có thể hiểu và xem đó là quán nhỏ nghệ thuật. Người dân tộc Choang ở huyện Tĩnh Tây rất yêu thích hát dân ca. Từ trong nhà tù, nghe tiếng hát dân ca (sơn ca) và tiếng nhạc, người tù cảm thấy như đang được thưởng thức âm nhạc ở một quán nghệ thuật. Những sinh hoạt văn hóa này là ở ngoài nhà tù vang vọng vào trong nhà tù là do tù nhân - thi nhân Hồ Chí Minh cảm nhận và hóa thân vào một môi trường nghệ thuật đầy sức sống, biến ngục tù thành một mỹ thuật tiểu hàn lâm trong tâm tưởng. Những chật hẹp, cực khổ bị đẩy xa, không gian được mở rộng hòa chung với cuộc sống sinh hoạt bình thường xung quanh, không còn bị tù túng, bị đóng khung trong bốn bức tường tù nữa, không phải như đã có người hiểu bài thơ là “sinh hoạt trong tù có lúc cũng từng bừng tiếng cười tiếng hát”. Đây là một cách nhìn và cảm nhận thế giới khác thường bằng thứ ánh sáng bên trong chứ không phải bằng con mắt và tình cảm thông thường. Khúc hát dân ca với tiếng đàn tiếng sáo đã làm cho bóng tối mờ mịt, không gian u ám trong nhà tù phút chốc bừng lên, biến thành nơi thưởng thức nghệ thuật, và người tù có thể hòa cùng với âm vang rộn ràng, tha thiết của tiếng hát dân ca đã chuyển buồn thành vui.

Cách diễn đạt bài thơ lại rất nhẹ nhàng, tinh tế, lời rõ, ý rõ, cứ hai câu làm thành một cặp đối lập. Hai câu đầu là đối lập giữa bóng tối và tiếng hát dân ca, tiếng nhạc khí:

Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm

Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm.

Hai câu sau là đối lập giữa ngục tối Tĩnh Tây và nhạc quán Viện hàn lâm:

Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối

Bồng thành nhạc quán Viện hàn lâm

Nếu như có thể thay đổi, sắp xếp các câu thơ theo một trật tự mới, chuyển câu ba thành câu hai và câu hai xuống vị trí câu ba thì toàn bài thơ vẫn là sự đối lập:

Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm

Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối

Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm

Bồng thành nhạc quán Viện hàn lâm.

Đối lập đã là một thủ pháp nghệ thuật để diễn tả sự hoán cải hoàn cảnh qua cảm nhận của con người, tất cả đều ám áp hơi thở của sự sống và sức sống của con người. Đó là cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Đỗ Phạm - Tù Cờ Bạc

賭犯

公家不給賭犯飯

欲令他們悔前非

硬犯餓饑天天有

窮犯飢涎共淚垂

Dịch âm Hán Việt:

Công gia bất cấp đồ phạm phạm,

Dục linh tha mẫn hối tiền phi;

“Ngạnh” phạm hào soạn thiên thiên hữu,

Cùng phạm cơ diên cộng lệ thùy.

Dịch nghĩa:

Nhà nước không cấp cơm cho tù cờ bạc

Là muốn họ hối cải tội đã phạm phải

Nhưng tù “anh chị” ngày ngày như ăn cỏ

Còn tù nghèo, đói chày dãi cùng với nước mắt.

Dịch thơ:

Quan không cấp bữa cho tù bạc,

Để họ mau chừa tội cũ hơn;

Tù “cứng” ngày ngày no rượu thịt,

Tù nghèo, dãi với lệ cùng tuôn.(1)

NAM TRÂN - NGUYỄN HUỆ CHI dịch

(1) Bản dịch khác của Nam Sơn:

Cơm cho tù bạc quan không cấp

Muốn họ ăn năn sửa lỗi lầm

Tù sướng ngày ngày cơm thịnh soạn

Tù hèn, dãi lệ chày không cầm.

TÙ “ANH CHỊ” NGÀY NGÀY NO RƯỢU THỊT

Nếu cái trở trêu, nghịch lý, ngược đời ở bài thơ Đỗ (Đánh bạc):

Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội,

Trong tù đánh bạc được công khai

thì cái trở trêu, nghịch lý ở bài thơ Đỗ phạm (Tù cờ bạc) là

“Ngạnh” phạm hào soạn thiên thiên hữu,

Cùng phạm cơ diên cộng lệ thù.

(Tù “anh chị” ngày ngày như ăn cỗ

Tù nghèo, đói chấy dãi cùng với nước mắt.)

Hiện tượng trên là một thực tế tại các nhà tù của chính quyền Trung Hoa dân quốc.

Cờ bạc là phạm pháp, cái trò sát phạt nhau để lại nhiều hệ lụy. Xem ra chính quyền Trung Hoa dân quốc cũng khá nghiêm khắc, bắt các con bạc bỏ tù và không phát cơm để những người tù này hối cải tội lỗi của mình đã phạm phải:

Công gia bất cấp đồ phạm phạm,

Dục linh tha miễn hối tiền phi.

(Nhà nước không cấp cơm cho tù cờ bạc,

Là muốn họ hối cải tội đã phạm phải.)

Nhưng tiếc thay, khi những con bạc đã bị bắt vào tù rồi, thì lẽ ra phải phạt nghiêm với mọi người sai phạm, không trừ một ngoại lệ nào. Song đâu có phải như vậy, những tù “anh chị”, tù giàu có, có thế lực (Nam Trân dịch là tù “cứng”), tuy cũng bị “Nhà nước không cấp cơm” nhưng có bao giờ bị đói đâu, ngày ngày vẫn no nê rượu thịt, bữa ăn thịnh soạn như ăn cỗ, do người ngoài tiếp tế “Ngạnh” phạm hào soạn thiên thiên hữu. Hào soạn nghĩa là bữa cơm thịnh soạn như bữa cỗ (có nhiều món ngon). Tác giả đặt chữ “ngạnh” trong ngoặc kép là để tránh nhầm lẫn với ngạnh hán có nghĩa để chỉ người gan dạ kiên cường. Chữ “ngạnh” trong ngoặc kép hoàn toàn với nghĩa mĩa mai, giễu cợt.

Cũng chẳng có gì ngạc nhiên, một khi pháp luật không được thực thi một cách nghiêm minh, triệt để, thậm chí lại còn có hiện tượng tiêu cực trong khi thi hành thì trong tù cũng bất công, cũng trở trêu như ngoài xã hội thôi. Tù “anh chị”, tù “cứng”, tù “giàu, có thế lực” vẫn sướng, vẫn no nê như khi ở bên ngoài, còn cùng phạm, tù “nghèo”, tù “hèn” đành cam chịu ngày ngày cái đói cào cấu, réo gào, nước dãi chảy cùng nước mắt Cùng phạm cơ diên cộng lệ thù.

Bài thơ ghi lại một sự thực, một tồn tại cần cảnh báo, lên án.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Nạn Hữu Mạc Mỗ - Bạn Tù Họ Mạc

難友幕某

富家子弟貧家教

賭膽如天膽似鍼

車代炮財真偉大

在囚仍想喫人葷

Phiên âm Hán-Việt:

Phú gia tử đệ, bần gia giáo,

Đổ đảm như thiên, đảm tự châm;

Xa đại pháo tài chân vĩ đại,

Tại tù nhưng tưởng ngật nhân sâm.

Dịch nghĩa:

Con cái nhà giàu mà nghèo giáo dục

Gan đánh bạc to như trời, gan làm người nhỏ

như cái kim;

Tính huênh hoang khoác lác mới thực là vĩ đại

Ở tù mà vẫn tơ tưởng ăn nhân sâm.

Dịch thơ:

Con nhà giàu có, nghèo gia giáo

Đánh bạc gan trời, mặt tựa kim

“Một tấc lên mây” ghê gớm thật,

Ngồi tù mà vẫn ước nhân sâm. (1)

NAM TRÂN dịch

TÙ MÀ TƠ TƯỞNG ĐƯỢC MỜI NHÂN SÂM

Con người không được giáo dục và không chịu sự giáo dục ắt sẽ sống theo bản năng, cái xấu át đi cái tốt, nhất là những người sinh ra và lớn lên trong những gia đình giàu có, quyền chức được nuông chiều. Những cậu ấm, cô chiêu này tự cho mình được cái quyền: tự coi mình hơn mọi người, xem thường mọi người; tự cao, tự đại huênh hoang, khoác lác; tự xem mình là trung tâm nên cứ tự ý răn dạy, người đời, tự đòi hỏi người khác một cách cực kỳ vô lý không thể chấp nhận được. Nhưng cũng chính vì vậy mà cũng tự mình làm trò cười cho thiên hạ. Bài thơ Nạn hữu Mạc đồ (Bạn tù họ Mạc) chỉ nói một sự thực mà lại là lời cảnh báo cho một đối tượng cụ thể và những đối tượng cùng loại:

Phú gia tử đệ, bần gia giáo

Đồ đảm như thiên, đảm tự chiêm.

(Con cái nhà giàu mà nghèo giáo dục

Gan đánh bạc to như trời, gan làm người nhỏ như cái kim).

Một sự đối lập ngay trong một con người được diễn tả bằng sự đối lập cả chữ và nghĩa trong hai câu thơ. Phú là giàu có, đối lập với bần là nghèo. Con cái nhà giàu có, mà nghèo giáo dục. Cũng như thiên là trời, đối lập với âm là cái kim. Con người này cũng đảm lăm, gan lăm, nhưng chỉ là gan đánh bạc thì to như trời, mà gan làm người lại bé như cái kim.

Hai câu thơ cuối cụ thể hóa và làm rõ cái bản chất của anh con nhà giàu mà nghèo giáo dục, khoác lác huênh hoang, tư tưởng hảo huyền cái không bao giờ có được:

Xa đại pháo tài, chân vĩ đại,

Tại tù nhưng tưởng ngật nhân sâm.

(Tính khoác lác huênh hoang mới thực là vĩ đại

Ở tù mà vẫn tư tưởng được ăn nhân sâm.)

Xa đại pháo là một phương ngữ ở Quảng Đông (chứ không phải như chú thích của Viện Văn học trong bản dịch năm 1983) có nghĩa là một tắc đến trời, huênh hoang, khoác lác. Phương ngữ này cùng một nghĩa với thành ngữ ở Quảng Đông “Đại suy đại lôi” nghĩa là bốc phát quá chừng, quá mức. Ở đây cần lưu ý đến chữ tài. Trước đây có mấy bản dịch nghĩa và dịch thơ đã dịch với nghĩa là tài giỏi. Từ Hán, tài trong văn cảnh này có nghĩa là mới, một tật xấu: một tắc đến trời, thì không thể cho là tài giỏi được. Do không biết mình là ai, đang ở đâu, đang ở tù mà vẫn tư tưởng được ăn nhân sâm. Trớ trêu đến thế là cùng.

Không phải ngẫu nhiên, cùng một lúc tác giả viết 3 bài thơ liền về những người tù cờ bạc, bởi nó là một tệ nạn cần phải dẹp bỏ và việc thực thi pháp luật phải nghiêm minh.

(1) Bản dịch khác của Khương Hữu Dụng:

Con nhà giàu, giáo dục nghèo

To “gan đánh bạc”, bé teo “gan người”,

Ba hoa khoác lác thật tài,

Ở tù mà lại cứ đòi ăn sâm.

Bản dịch của Trần Đắc Thọ:

Con nhà giàu lại nghèo gia giáo

Tính nhát gan, nhưng bạo bạc bài;

Huênh hoang một tấc đến trời

Tù mà tư tưởng được mời nhân sâm.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Điền Đông

田東

每餐一碗公家粥

肚子時時在嘆吁

白飯三元不鉤飽

薪如桂也米如珠

Dịch âm Hán-Việt:

Mỗi xan nhất uễn công gia chúc

Đổ tử thì thì tại thán hu;

Bạch phạn tam nguyên bất câu bão,

Tân như quế dã mễ như châu.

Dịch nghĩa:

Mỗi bữa được một bát cháo của nhà nước,

Cái bụng luôn luôn cứ than phiền

Cơm không ba đồng, cũng chẳng đủ no,

Củ đất như quế, gạo như châu.

Dịch thơ:

Cháo tù mỗi bữa chia lưng bát,

Cái bụng luôn luôn rên rỉ sầu;

Cơm nhạt ba đồng ăn chẳng đủ,

Củ thì như quế, gạo như châu.(1)

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

(1) Bản dịch của Trần Đắc Thọ:

Cháo tù một bát, chia từng bữa,

Cái bụng luôn luôn cứ réo hoài!

Cơm nhạt ba đồng mà vẫn đói,

Gạo châu, củi quế, thực không sai.

Bản dịch của Quách Tấn:

Cửa tù mỗi bữa lưng tô cháo

Bụng đói khôn cầm tiếng khổ đau

Cơm trắng ba đồng không kín dạ

Củ đun thành quế, gạo thành châu.

CHÁO TÙ MỖI BỮA CHIA LƯNG BÁT

Nhà tù Điền Đông (2), cũng như nhà tù Tĩnh Tây, Thiên Bảo là nhà tù cấp huyện. Bác bị giải đến đây cuối tháng 10-1942, là nơi thứ 3 bị giải đến (Tĩnh Tây - Thiên Bảo - Điền Đông). Nhà tù nào cũng hà khắc, người tù đều bị hành hạ khốn khổ, trong đó phải chịu đựng cái đói, cái rét triền miên. Tại nhà tù Điền Đông, lần đầu tiên, đến bữa ăn, người tù chỉ được phát một bát cháo chứ không có cơm (ở nhà tù trước đây còn được ăn cơm, dù đó là một bát cơm gạo đỏ) cho nên ngay câu thơ mở đầu bài thơ đã trực tiếp nói về việc ăn cháo trong nhà tù.

2. Điền Đông là một huyện thuộc lưu vực sông Hữu Giang, tỉnh Quảng Tây, trực thuộc thành phố Bách Sắc, cách huyện lỵ Thiên Bảo (nay là Đức Bảo) hơn 80 km, cách thành phố Nam Ninh hơn 190 km. Trước đây, muốn đi từ Tĩnh Tây đến Nam Ninh không thể không qua Điền Đông.

Mỗi xan nhất uyên công gia chúc.

(Mỗi bữa được phát một bát cháo của nhà nước)

Một bát cháo - một bữa ăn thì sao mà chịu nổi cái đói, cho nên cái bụng nó cứ réo gào là tất nhiên rồi.

Đổ tử thì thì tại thán hu.

(Cái bụng luôn luôn cứ than phiền)

Thán hu: đang than thở, rên rỉ, ý chỉ cái bụng đói cứ réo đòi.

Bài thơ 4 câu, hai câu thơ đầu ghi lại sự thực một cách trung thực, không thêm thắt, không bình luận gì; hai câu sau, một câu nói tiếp sự thực, một câu bình luận. Muốn không đói chỉ có cách duy nhất phải bỏ tiền ra mua cơm, nhưng cơm thì quá đắt, chỉ cơm thôi không có thức ăn mà những ba đồng, nhưng vẫn đói hoài.

Bạch phạn tam nguyên bất câu bão

(Cơm không ba đồng cũng chẳng đủ no.)

Bạch phạn: Cơm trắng, tức chỉ cơm không thức ăn. Sao đắt thế. Cuối bài thơ, tác giả hạ một câu

Tân như quế dã, mẽ như châu

Một lời nhận xét, một lời bình luận, giá sinh hoạt ở Điền Đông này quá đắt đỏ: Củi đất như quế, gạo đất như hạt châu. Câu kết bài thơ có thể Bác mượn ý từ câu “Sở quốc chi thực quý ư ngọc, tân quý ư quế” (Ở nước Sở lương thực đắt như ngọc, củi đất như quế) trong sách Chiến quốc sách, Sở sách tam hoặc từ câu của Tô Thức: “Xích tân như quế mẽ như châu” (Thước cừu như quế, gạo như châu).

Đắt đỏ như thế này, mà lại bị tù ở xứ người thì lấy tiền đâu mà mua cơm, đành chịu đói, chịu cho cái bụng Thán hu thôi.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Sơ Đáo Thiên Bảo Ngục - Mới Đến Nhà Lao Thiên Bảo

初到天保獄

日行五十三公里

濕盡衣冠破盡鞋

徹夜又無安睡處

廁坑上坐待朝來

Dịch âm Hán-Việt:

Nhật hành ngũ thập tam công lý,

Thấp tận y quan, phá tận hài;

Triệt hạ hựu vô an thụy xứ,

Xí khanh thượng tọa đãi triều lai.

Dịch nghĩa:

Cả nhà đi bộ năm mươi ba cây số

Ướt hết áo mũ, rách cả dép;

Suốt đêm lại không có chỗ ngủ yên,

Phải ngồi trên hố xí đợi trời sáng.

Dịch thơ:

Năm mươi ba dặm một ngày trời,

Áo mũ ướt đầm, dép tả tơi;

Lại khổ thân đêm không chốn ngủ,

Ngồi trên hố xí đợi ban mai.(1)

HUỆ CHI dịch

NGỒI TRÊN HỐ XÍ ĐỢI BAN MAI

Bài thơ Sơ đảo Thiên Bảo ngục (Đến nhà lao Thiên Bảo), theo thứ tự sắp xếp trong nguyên bản Ngục trung nhật ký đứng sau bài Điền Đông, có thể đây là hồi ức về quãng đường bị giải từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo chẳng, vì bấy giờ Bác đã qua Điền Đông rồi.

Đã hai tháng bị giam, bị giải (có lần đã bị giải đi, giải lại). Tuổi cao, bị giải bộ 53 cây số trong một ngày, lại đi trong mưa gió, áo mũ ướt đầm, dép tả tơi thì cực khổ vô cùng Nhật hành ngũ thập tam công lý/ Thấp tận y quan, phá tận hài. Hài là thứ đồ dùng để xỏ chân đi, có hai loại: Một loại để cho những người quyền quý, giàu có, sang trọng, người ta gọi là đi hài; còn hài ở đây là dép, là giày mà mọi người đều sử dụng, dịch là dép hay giày đều được, nhưng dép thì độ chính xác cao hơn. Chữ Hán có chữ hài sảo nghĩa là dép bện đi đường núi.

Phải đi 53 cây số liền một ngày dưới trời mưa, mà đường đâu có bằng phẳng thì dép (giày) đứt, rách là tất yếu. Nhưng cái đáng quan tâm, quan ngại nhất, chính là tấm thân người tù tiêu điều, tiêu tụy khi bị giải trên quãng đường xa như vậy trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Bị giải bộ ban ngày như thế, những tưởng ban đêm được một chút yên nghỉ, thì lại còn tệ hại hơn: Suốt đêm không có chỗ ngủ yên, phải ngồi trên hố xí đợi trời sáng Triệt hạ hựu vô an thụỵ xứ/ Xí khanh thượng tọa đái triều lai. Thơ nói đúng sự thực, không nói sai mà cũng chẳng nói ngoa. Khi người tù bị giải đến nhà lao Thiên Bảo thì tù nhân đã chật ních không còn chỗ để nằm. Trong Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Trần Dân Tiên kể: “Ban đêm cụ Hồ phải ngồi trên cầu xí ngay ở trong phòng giam. Nhưng cụ vẫn không được yên ổn. Lâu lâu lại phải đứng dậy nhường chỗ cho một người đi ỉa đêm”. Không chỗ nằm, phải ngồi trên hố xí đợi trời sáng thì nỗi khổ đã đến cao độ, cùng cực lắm.

Bài thơ Sơ đáo Thiên Bảo ngục là một trong những bài thơ có nhiều bản dịch, bản dịch nào cũng khá trôi chảy, giàu chất thơ. Tuy nhiên, có bản dịch còn những hạt sạn, tuy giữ được âm điệu thơ nhưng lại không diễn dịch được đúng cái thần của nguyên tác. Ví như hai câu thơ:

Triệt hạ hựu vô an thụỵ xứ,

Xí khanh thượng tọa đái triều lai.

Mà dịch là:

Lại khổ thân đêm không chỗ ngủ,

Ngồi trên hố xí đợi ngày mai.

Thì quả là không ổn chút nào, bởi nghĩa trong nguyên tác là:

Suốt đêm lại không có chỗ ngủ yên,

Ngồi trên hố xí đợi trời sáng.

Hiểu hai chữ Lại khổ mang ý ca thán thì càng không chính xác. Như ta biết, dù bị hành hạ, dù khổ cực đến mấy, có bao giờ Bác than thở đâu. Còn

đãi triêu lai nghĩa là đợi trời sáng mà dịch là đợi ngày mai thì dễ hiểu là tương lai, chứ không phải là quãng thời gian cụ thể trong ngày. Một số bản dịch là: đợi ban mai, đợi trời sáng, đợi chờ sáng ra sát nghĩa với nguyên tác hơn, chỉ tùy mạch văn mà lựa chọn đặt những cụm từ này vào là câu thơ hoàn chỉnh, bài thơ hoàn chỉnh. Về một mặt nào đó, đợi ban mai, đợi trời sáng đương nhiên, ý tại ngôn ngoại, có thể có ý nghĩa đón đợi cái tốt đẹp, biểu tượng cho sự sống đang chuyển động, cho niềm vui sống.

Bài thơ Sơ đáo Thiên Bảo ngục (Mới đến nhà lao Thiên Bảo) kể lại nỗi khổ cực cả ban ngày lẫn ban đêm khi Bác bị giải, bị giam nhưng Người luôn chủ động, làm chủ mình trong mọi hoàn cảnh, mọi tình thế. Đọc thơ thương Bác và cảm phục Bác vô cùng.

(1) Bản dịch khác của Nam Trân:

Năm mươi ba cây số một ngày,
Áo mũ dầm mưa, rách hết giày;
Lại khổ thâu đêm không chỗ ngủ,
Ngồi trên hố xí đợi ngày mai.

Bản dịch của Khương Hữu Dụng - Nguyễn Sĩ Lâm:

Ngày cuốc năm mươi ba cột số
Ướt dầm áo mũ, rách bươm giày;
Thâu đêm lại chẳng nơi yên giấc,
Ngồi trấn cầu tiêu, đợi sáng ngày.

Bản dịch của Nam Sơn:

Ngày vượt năm mươi ba cột số,

Dầm dề áo mũ, dép tiêu điều.

Suốt đêm thêm nổi không nơi ngủ

Đợi sáng, đành ngồi trên hố tiêu.

Bản dịch của Quách Tấn:

Năm mươi ba cây số một ngày

Mưa chan áo mũ, vớ giày tả tơi

Thâu đêm không chỗ nghỉ ngơi

Ngồi trên hố xí đợi trời sáng ra

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Quả Đức Ngục - Nhà Ngục Quả Đức

果德獄

監房也是小家庭

柴米油鹽自己營

每個籠前一個灶

成天煮飯與調羹

Dịch âm Hán-Việt:

Giam phòng dã thị tiểu gia đình,

Sài, mễ, du, diêm tự kỷ doanh;

Mỗi cá lung tiền nhất cá táo,

Thành thiên chữ phạm dữ điều canh.

Dịch nghĩa:

Phòng giam mà như thể một gia đình nhỏ,

Gạo, củi, dầu, muối đều tự mình lo sắm;

Trước mỗi phòng giam là một bếp

Suốt ngày thổi cơm và nấu canh.

Dịch thơ:

Nhà lao mà giống tiểu gia đình,

Gạo, củi, muối, dầu tự sắm sanh;

Trước mỗi phòng giam bày một bếp,

Suốt ngày lụi hụi với cơm, canh.(1)

HUỆ CHI dịch

NHÀ LAO MÀ GIỐNG TIỂU GIA ĐÌNH

Bác bị giam ở Điền Đông một thời gian ngắn thì lại bị giải đến Quả Đức và bị giam ở nhà tù huyện này. Cái ngạc nhiên nhất của Bác khi bước vào nhà giam Quả Đức là sống trong cảnh của nhà giam này như thể sống trong một gia đình nhỏ, tiểu gia đình vậy.

Tất cả mọi cái ở đây đều rất cụ thể, cụ thể đến từng chi tiết, từng thứ một, nào là gạo, củi, muối, dầu, nào là trước mỗi phòng giam là một cái bếp, nào là suốt ngày người tù lụi hụi thổi cơm và nấu canh. Quả là bất ngờ và lạ lẫm, như là cá biệt, chỉ có ở nhà lao Quả Đức (2).

Nhà lao mà giống tiểu gia đình,

Gạo, củi, muối, dầu tự sắm sanh;

Trước cửa phòng giam bày một bếp,

Suốt ngày lụi hụi với cơm canh.

Nếu vẽ tranh về nhà lao Quả Đức ắt có được một bức biếm họa với những hình ảnh độc đáo, sinh động đến từng chi tiết của một thực tế đầy ắp

tượng hài hước, tự nhiên phải mỉm cười.

Ngục trung nhật ký, có nhiều bài, tác giả chỉ cần phác họa vài nét những gì xảy ra đúng như trong thực tế, là bài thơ đã toát ra một ý vị hài hước, nghĩa là tự nó phơi bày sự thật. Đó chính là cách nắm bắt, lựa chọn tình huống hài. Quả Đức ngục (Nhà lao Quả Đức) là một bài thơ như thế.

(1) Bản dịch khác của Nguyễn Sĩ Lâm:

Phòng lao mà giống một gia đình,
Gạo, củi, muối, dầu tự sắm sanh;
Trước cửa mỗi phòng, riêng một bếp
Suốt ngày suốt buổi nấu cơm canh.

Bản dịch của Quách Tấn:

Phòng giam chi khác cảnh gia đình.
Gạo củi dầu diêm tự sắm sanh
Trước cửa mỗi phòng nhen một bếp
Suốt ngày cơm thổi với đụn canh.

Bản dịch của Nam Trân:

Nhà lao mà giống gia đình,
Muối, dầu, gạo củi tự mình phải lo.
Phòng riêng mỗi cửa một lò,

Cơm canh mọi thứ nấu kho suốt ngày.

(2) Năm 1951, Quả Đức hợp nhất với huyện Bình Trị lấy tên là huyện Bình Quả, huyện lỵ đặt ở trấn Mã Đầu, cách Điền Đông 60km, cách Nam Ninh 130km.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Long An Lưu Sở Trưởng - Sở Trưởng Long An Hộ Lưu

隆安劉所長

辯事認真劉所長

人人讚誦你公平

文錢粒米都公布

乾淨囚籠好衛生

Dịch âm Hán-Việt:

Biện sự nhận chân Lưu sở trưởng,

Nhân nhân tán tụng nhĩ công bình;

Văn tiền lạp mễ đô công bố;

Can tịnh tù lung hảo vệ sinh.

Dịch nghĩa:

Sở trưởng họ Lưu tận tụy với công việc,

Mọi người đều khen ông công bằng;

Đồng tiền, bát gạo đều công bố rõ ràng

Nhà lao sạch sẽ, hợp vệ sinh.

Dịch thơ:

Lưu sở trưởng làm việc tận tình,

Mọi người khen ngợi bác công bình,

Đồng tiền, bát gạo đều công bố

Sạch sẽ lao tù rất vệ sinh.(1)

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

LƯU SỞ TRƯỞNG LÀM VIỆC TẬN TÌNH

Sau ít ngày nếm trải ở “tiểu gia đình” Quả Đức, Bác lại bị giải tiếp đến Long An (2).

Nếu như lần đầu tiên Bác ngỡ ngàng, lạ lẫm, phòng giam Quả Đức như một gia đình nhỏ Giam phòng dã thị tiểu gia đình, thì lần này lại là ngạc nhiên khác - một hiện tượng lạ, nó không chỉ khác nhà lao Quả Đức mà khác với tất cả các nhà tù mà Bác đã bị giam trước đây, đó là nhà tù Long An sạch sẽ, vệ sinh; Văn tiền, lạp mễ đô công bố/ Can tịnh tù lung hảo vệ sinh, lại nữa, đồng tiền, bát gạo đều công bố rõ ràng. Được như thế là vì ở đây, Lưu sở trưởng, người cai quản nhà tù, là một người tốt, cho nên ngay câu thơ mở đầu bài thơ đã là một nhận xét, một đánh giá:

Biện sự nhận chân Lưu sở trưởng.

(Sở trưởng họ Lưu tận tụy với công việc)

Hai chữ nhận chân trong câu thơ mở đầu cần được hiểu đúng. Một số bản dịch nghĩa và dịch thơ đều dịch với nghĩa là giải quyết công việc thận trọng, đúng đắn. Chữ Hán Nhận chân đặt trong văn cảnh câu thơ có nghĩa

là tận tụy. Câu dịch của cụ Trần Đắc Thọ sát nghĩa hơn: Lưu sở trưởng làm việc tận tình

Từ ngày bị tù, bị giải, đây là lần đầu tiên Bác gặp một người tốt, một người cai quản tù khác với những người cai tù ở các nhà tù mà Bác đã nếm trải. Thái độ của Bác thật rõ ràng xấu chê, tốt khen. Chẳng thế mà Bác đã phê phán nghiêm khắc những sai phạm của chủ nhiệm L, cùng “nạn hữu” với Bác; hoặc như, Bác đã kể lại rất khách quan và tỏ thái độ trước sự hà khắc, đày đọa người tù và tình trạng vô pháp luật ở các nhà tù của chính quyền Trung Hoa dân quốc như những bài thơ đã nói ở trên.

Trong một xã hội hỗn độn, biết bao điều xấu hiện hữu qua chế độ nhà tù, mà có những người như Lưu sở trưởng với những phẩm chất tốt như thế thì đáng ghi nhận, trân trọng lắm chứ.

Bác rất công tâm, một con người mang trong mình một tầm văn hóa cao, không bao giờ “vơ đũa cả nắm”. Có lẽ trong văn thơ của nước ta và của thế giới hiếm thấy và rất hiếm, một người tù lại đi ca ngợi người coi tù. Điều tưởng như phi lý ấy lại rất dễ hiểu ở nơi Bác, Người lấy con người, phẩm chất người làm thước đo giá trị, ghi nhận những gì con người cần phải có.

(1) Bản dịch khác của Nam Trân:

Làm việc đúng thay Lưu sở trưởng,

Ai ai cũng bảo bác công bình;

Đồng tiền bát gạo đều công bố,

Sạch sẽ lao tù rất vệ sinh.

(2) Nhà lao Long An cũng là nhà tù cấp huyện, cách Quả Đức 37 km, cách Nam Ninh khoảng 100km, dọc theo sông Hữu Giang chếch về phía Nam. Nay Long An thuộc thành phố Nam Ninh.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Đồng Chính

同正

(十一月二日)

同正正同平馬獄

每餐一粥肚空空

水和光線徭充足

每日還開兩次籠

Dịch âm Hán-Việt:

Đồng Chính chính đồng Bình Mã ngục,

Mỗi xan nhất chúc đồ không không;

Thủy hòa quang tuyến hãn sung túc,

Nhật nhật hoàn khai lưỡng thứ lung.

(Thập nhất nguyệt nhị thập)

Dịch nghĩa:

Nhà lao Đồng Chính giống hết nhà lao Bình Mã

Mỗi bữa một bát cháo bụng cồn cào,

Nước và ánh sáng thì đầy đủ

Mỗi ngày còn hai lần mở cửa buồng giam.

Ngày 2 tháng 11

Dịch thơ:

Bình Mã thế nào Đồng Chính vậy,

Bữa lưng bát cháo bụng cồn cào;

Nước và ánh sáng thì dư dật,

Ngày lại hai lần mở cửa lao. (1)

NAM TRÂN dịch

BÌNH MÃ THẾ NÀO ĐỒNG CHÍNH VẬY

Bài thơ Đồng Chính (2) Bác ghi rõ làm ngày 2 tháng 11, nghĩa là Bác bị giam bị giải đã 62 ngày. Mở đầu bài thơ là một nhận xét, một cảm nhận được thể hiện bằng một lối chơi chữ, đảo chữ nhẹ nhàng tự nhiên, Đồng Chính thành chính đồng

Đồng Chính chính đồng Bình Mã ngục (3)

Chính đồng có nghĩa là giống nhau. Nhà giam Đồng Chính cũng giống hệt nhà lao Bình Mã, đó là hàng ngày chỉ cho tù nhân ăn cháo, không cho ăn cơm. Đây là lần thứ hai, trong nhà tù Bác bị đày đọa bằng cách này. Bác ghi lại sự thực.

Nếu ở nhà giam Điền Đông:

Mỗi xan nhất uyển công gia chúc,

Đỗ tử thì thì tại thán hu.

(Cháo tù mỗi bữa chỉ lưng bát

Cái bụng luôn luôn cứ réo hoài.)

thì ở Đồng Chính cũng chẳng khác gì:

Mỗi san nhất chúc đỗ không không.

(Bữa lưng bát cháo bụng cồn cào.)

Cả hai bài thơ Điền Đông và Đồng Chính đều nói về việc phải ăn cháo, không được ăn cơm nên cái bụng luôn luôn đói. Ở bài thơ Điền Đông thì tại thán hu (cái bụng réo sôi, than phiền), bài Đồng Chính thì đỗ không không (bụng rỗng không cồn cào). Cái bụng rỗng hoài, đói triền miên nó phải lên tiếng là thế. Thơ ghi lại một sự thực.

Hai câu cuối của bài thơ Đồng Chính tiếp nối một

sự thực:

Thủy hòa quang tuyến hân sung túc,

Nhật nhật hoàn khai lưỡng thứ lung.

(Nước và ánh sáng thì dư dật

Ngày ngày hai lần mở cửa lao.)

Cái hay, cái độc đáo của bài thơ là, từ sự việc thực, chi tiết thực, tác giả đã phát hiện một sự mâu thuẫn, một sự mỉa mai, ấy là ngày ngày cháo thì chỉ lưng bát nhưng nước và ánh sáng thì tha hồ “xơi” thỏa thích.

Nhật ký là thể được ghi một cách tự do, linh hoạt các sự kiện, sự việc xảy ra mà người ghi là đối tượng chịu sự tác động, hoặc đã trải qua những tình cảnh cụ thể, hoặc chứng kiến, miễn là phải đảm bảo tính trung thực. Bác là người rất sáng suốt, bình tĩnh trước mọi lao lung bằng cái nhìn đúng hiện tượng, đúng bản chất, là người xử lý chính xác từng sự việc, từng sự kiện và cũng sẵn sàng bộc lộ thái độ, tình cảm chân thực, tinh tế, ứng xử đúng đắn trong mọi trường hợp đối với từng đối tượng cụ thể, lúc thương cảm, lúc thán phục, khi phê phán, khi hài hước... là vậy.

(1) Bản dịch của Nam Sơn:

Lao Đồng Chính giống lao Bình Mã,

Cháo bữa tô con, bụng rỗng không.

Ánh sáng, nước nôi dùng thoải mái,

Sáng, chiều mở khám, thoáng vô cùng!

Bản dịch của Quách Tấn:

Đồng Chính giống in Bình Mã ấy

Bữa ăn bát cháo có như không

Riêng dư ánh sáng riêng dư nước

Ngày lại hai lần ngục mở song.

(2) Đồng Chính là một huyện, một khu hành chính trong thời kỳ Quốc dân Đảng cai quản, nay là thị trấn Trung Đông phía Tây Bắc huyện lỵ Phù Tuy, cách Long An 30 km, cách Nam Ninh 50 km.

(3) Bình Mã là thị trấn, huyện lỵ Điền Đông. Bác đã từng bị giải đến nhà giam ở đây, rồi Quả Đức, Long An, bây giờ là Đồng Chính.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Nạn Hữu Đích Chỉ Bị - Chiếc Chăn Giấy Của Người Bạn Tù

難友的紙被

舊卷新書相補綴

紙氈猶煖過無氈

玉床錦帳人知否

獄裡許多人眠

Dịch âm Hán - Việt:

Cựu quyển, tân thư tương bổ xuyết,

Chỉ chiên do noãn quá vô chiên;

Ngọc sàng cẩm trướng nhân chi phủ,

Ngục lý hứa đa nhân bất miên?

Dịch nghĩa:

Quyển cũ, sách mới cùng bồi chắp lại,

Chăn giấy còn ấm hơn không có chăn;

Người trên giường ngọc trướng gấm

có biết chăng,

Trong ngục bao nhiêu người không ngủ.

Dịch thơ:

Quyển xưa sách mới bồi thêm ấm,

Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn;

Trướng gấm, giường ngà, ai có biết?

Trong tù bao kẻ ngủ không an.(1)

NAM TRÂN dịch

CHĂN GIẤY CÒN HƠN CHẲNG CÓ CHĂN

Lời ôn tồn, âm điệu trầm lắng, tình cảm chân thành xúc động, bài thơ Nạn hữu địch chỉ bị (Chiếc chăn giấy của người bạn tù) như nói với chính mình, vậy mà lại cho tất cả... Tính nhân văn của một tấm lòng, một con người hiện hữu trong từng câu chữ, trên trang giấy.

Đành rằng phải tù đầy tức là đã bước vào một cuộc sống không bình thường, phải chịu đựng sự cùng cực. Cái hơn người là ở chỗ nhìn nhận thực tại ấy như thế nào để chủ động vượt lên, vượt qua.

Nếu đọc bài Dạ lãnh (Đêm lạnh), biết được rằng:

Thu thâm vô nhục diệc vô chiên,

Súc hình cung yêu bất khả miên.

(Đêm thu không đệm cũng không chăn,

Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;)

tù nhân phải chịu đựng thì khi đọc bài Nạn hữu đích chỉ bị (Chiếc chăn giấy của người bạn tù) ta sẽ hiểu kỹ càng hơn, càng cảm thương những người tù. Trong cái cùng cực, cái khó ló cái khôn, mà cũng phải nói là khá độc đáo, người tù đã làm cái việc chống đỡ với cái rét lạnh để tồn tại, lấy những tờ giấy của những quyển sách cũ và cả sách mới bồi đắp lại để có được cái chăn bằng giấy, che chắn cho cơ thể, đắp cho ấm một chút, vẫn còn hơn là không có chăn.

Cựu quyển, tân thư tương bổ khuyết,

Chỉ chiêm do noãn quá vô chiêm;

(Quyển xưa, sách mới bồi thêm ấm,

Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn;)

Trước cái cùng khổ ấy, tác giả tự ngẫm, tự nghĩ, tự nói với chính mình và khách quan như một lời nhắn gửi đến những người đang hưởng cái sung sướng: “Giường ngọc, trướng gấm” có biết chẳng, có cảm thông được cái khổ cực này không? Và, có lẽ không chỉ dừng ở đấy mà còn ngẫm nói cả với đối tượng đã tạo sự cùng cực này.

Từ bài thơ Nạn hữu đích chỉ bị (Chiếc chăn giấy của người tù) cho ta thấy một cái nhìn, một tấm lòng, một thái độ, một bài học, sống giữa khổ đau cùng cực của cái thế giới cùng khổ ấy, cần phải hết sức chặt chiu lấy sự sống, cần nâng niu vun đắp, gìn giữ, bảo vệ sự sống dù chỉ là những cố gắng nhỏ, dù chỉ là những cố gắng tội nghiệp, như việc bồi đắp một chiếc chăn bằng giấy.

Nhật ký cho chính mình là như vậy.

(1) Bản dịch của Hoàng Ngân:

Sách xưa, vở mới bồi thêm ấm,
Chăn giấy hơn không đã hẳn rồi;
Giường ngọc, màn thêu, ai có thấu
Trong lao không ngủ biết bao người?

Bản dịch của Quách Tấn:

Sách xưa, sách mới bồi chùng,
Dù mền giấy vẫn hơn không có mền.
Biết chăng màn gấm ấm êm
Bao nhiêu kẻ thức suốt đêm trong tù.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Long An - Đồng Chính

隆安同正

此間土地廣而貧

所以人民儉且勤

聽說今春逢大旱

十分收穫兩三分

Dịch âm Hán - Việt:

Thử gian thổ địa quảng nhi bần,

Sở dĩ nhân dân kiệm thả cần;

Thính thuyết kim xuân phùng đại hạn,

Thập phân thu hoạch lưỡng tam phân.

Dịch nghĩa:

Vùng này ruộng đất rộng nhưng cằn cỗi,

Vì thế nhân dân tiết kiệm và siêng năng;

Nghe nói mùa xuân năm nay gặp đại hạn,

Mười phần chỉ thu hoạch được vài ba phần.

Dịch thơ:

Vùng này tuy rộng, đất khô cằn,

Vì thế nhân dân kiệm lại cần

Nghe nói xuân nay trời đại hạn,

Mười phần thu hoạch chỉ đôi phần.(1)

NAM TRÂN và BĂNG THANH dịch

MƯỜI PHẦN THU HOẠCH CHỈ ĐÔI PHẦN

Long An - Đồng Chính cách nhau 30km cùng nằm trên lưu vực sông Hữu Giang. Hai huyện đất đai tuy rộng nhưng cằn cỗi. Năm ấy, 1942, cuối tháng 10 đầu tháng 11, Bác bị giải từ Long An đến Đồng Chính. Năm ấy, vùng này bị hạn hán nặng, mất mùa, đời sống nhân dân gặp khó khăn. Trên đường bị giải, Bác tận mắt thấy cảnh vật và nhận, biết đời sống con người ở nơi đây quá khó khăn.

Bài thơ Long An - Đồng Chính hiện thực đến từng chi tiết. Để hiểu bài thơ và ý nghĩa của nó cần hiểu cặn kẽ một số từ và cách biểu hiện của tác giả. Những từ tác giả dùng là từ của đời thường, thông dụng. Chẳng hạn như thổ là đất, thổ địa là đất đai, ruộng đất; bần là nghèo, không đủ; bần đi với thổ địa là để chỉ đất đai, ruộng đất cằn cỗi, bạc màu. Đất đai đã thế lại gặp đại hạn tức trời nắng khô, không mưa, đồng ruộng nứt nẻ ảnh hưởng đến sản xuất, hậu quả là Thập phân thu hoạch lưỡng tam phân (Mười phần thu hoạch chỉ vài ba phần). Những vùng đất như thế này, làm lụng khó khăn chông khó khăn, hậu quả dẫn đến đời sống sinh hoạt cũng cực kỳ khó khăn. Chính cái hoàn cảnh khắc nghiệt đó tạo nên tính cách người dân phải kiệm (tằn tiện, tiết kiệm), phải cần (chịu khó, siêng năng, cần cù). Sở dĩ

nhân dân kiệm thả cần (Vì thế nhân dân phải tần tiện và cần cù, siêng năng).

Là kẻ, là tự sự nhưng mạch ngầm của nó vẫn là trữ tình, bộc lộ một sự cảm thông, chia sẻ. Một người tù đang bị đẩy ải, bị giải nhìn cảnh vật đất đai rộng dài mà khô cằn lại gặp hạn hán thì thương người nông dân phải vật lộn với bao khó khăn, đời sống sinh hoạt gặp vô vàn cơ cực. Khổ là điều chắc chắn. Điều đáng nói, đáng trân trọng ở đây là, người tù ấy đang chịu cực hình, cực khổ, đang bị giải tù mà vẫn sẻ chia, đồng cảm với cái khổ của người khác, là một tấm lòng cao cả, một chủ nghĩa nhân văn sâu rộng biết ngần nào.

(1) Bản dịch của Nguyễn Thế Nữ:

Vùng này đất rộng nhưng khô cằn

Vì thế nhân dân kiệm lại cần

Nghe nói xuân này gặp hạn lớn

Mười phần thu hoạch lại ba phần.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Nhai Thượng - Trên Đường Phố

街上

街上人爭看漢奸

漢奸與我本無干

無干仍是嫌疑犯

使我心中覺點寒

Dịch âm Hán - Việt:

Nhai thượng nhân tranh khán Hán gian,

Hán gian dữ ngã bản vô can;

Vô can nhưng thị hiềm nghi phạm,

Sử ngã tâm trung giác điểm hàn.

Dịch nghĩa:

Trên đường phố mọi người tranh nhau

xem Hán gian,

Hán gian vốn chẳng liên quan gì đến ta;

Nhưng không liên can mà vẫn là người tù

bị tình nghi,

Khiến lòng ta cảm thấy có chút ghê lạnh.

Dịch thơ:

Phố xá ùa nhau xem Hán gian,

Hán gian, mình rõ thực vô can;

Vô can mà vẫn nghi là phạm,

Nghi đến càng thêm nấu ruột gan.(1)

NGUYỄN BÁU dịch

HÁN GIAN, MÌNH RÕ THỰC VÔ CAN?

Ba lần trong Ngục trung nhật ký, Hồ Chí Minh tỏ bức bối, uất ức và bác bỏ những luận điệu của chính quyền Trung Hoa dân quốc vu cáo, áp đặt, để giam, để giải.

Lần thứ nhất trong bài Tại Túc Vinh nhai bị khẩu (Bị bắt ở phố Túc Vinh):

Cố ý trì hoãn ngã khứ trình

Gián điệp hiểm nghi không niết tạo

(Cố ý làm chậm trễ hành trình của ta

Bày đặt ra trò tình nghi là gián điệp)

Lần thứ hai trong bài Thế lộ nan (Đường đời hiểm trở):

Trung thành, ngã bản vô tâm cứu

Khước bị hiềm nghi tố Hán gian.

(Ta vốn trung thực, không có điều gì thẹn lòng

Thế mà bị tình nghi là Hán gian.)

Và lần này, lần thứ ba - bài Nhai thượng (Trên đường phố):

Nhai thượng nhân tranh khán Hán gian,

Hán gian dữ ngã bản vô can

(Trên đường phố mọi người tranh nhau xem Hán gian

Hán gian vốn chẳng liên quan gì tới ta)

Ba lần trong ba trạng huống khác nhau: khi bị bắt, lúc ngồi tù và bây giờ đang trên đường bị giải.

Bài thơ Nhai thượng (Trên đường phố) theo thứ tự bản gốc, xếp sau bài Đồng Chính, trước bài Vãng Nam Ninh (Đi Nam Ninh). Như vậy có thể là Bác đang bị giải qua một đường phố nào đó của phố huyện Đồng Chính hoặc đường phố nào đó trên đường bị giải từ Đồng Chính đến Nam Ninh.

Một thực tế đau đớn, người bị vu cho là Hán gian vốn chẳng liên quan gì tới Hán gian. Khi bị giải trên đường phố mọi người tranh nhau xem Hán gian thì thật là oái oăm biết bao nhiêu. Cái trở trêu đến thế là cùng. Không thể không uất ức nhưng biết nén lại chỉ tự mình nói với mình:

Phố xá ùa nhau xem Hán gian,

Hán gian, mình rõ thực vô can;

Vô can mà vẫn nghi là phạm,

Nghĩ đến càng thêm nấu ruột gan.

Câu kết bài thơ: Sử ngã tâm trung giác điểm hàn (khiến lòng ta cảm thấy có chút ghê lạnh) nhưng vẫn rất tỉnh táo, biết rằng đường còn dài, khó khăn còn nhiều phải có cách xử thế đúng trong mọi tình huống để làm sáng tỏ, để đạt được cái đích mà mình định.

Đương nhiên bài thơ Nhai thượng (Trên đường phố) là tự mình nói với mình nhưng tự nó cũng đã giải bày được mâu thuẫn giữa bản chất ngay thẳng, trong trắng với cái gọi là “Hán gian” đồng thời tự nó cũng đã phơi bày cái đen tối, cái hiểm họa của một chế độ đã gây ra bi kịch cho người lương thiện bất cứ lúc nào mà họ muốn.

(1) Bản dịch khác của Nam Trân:

Ngoài phố tranh nhau xem Hán gian,

Hán gian, ta vốn thực vô can;

Vô can mà vẫn nghi là có,

Thực khiến lòng ta lạnh tới gan.

Bản dịch của Trần Đăng Thọ:

Ngoài phố tranh nhau xem Hán gian,

Hán gian, ta vốn thực vô can,

Vô can, vẫn bị tình nghi có

Nghĩ tới, lòng này chẳng thể an.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Trưng Binh Gia Quyển- Gia Quyển Người Bị Bắt Lính

徵兵家眷

郎君一去不回頭

使妾閨中獨抱愁

當局可憐余寂寞

請余來暫住牢囚

Dịch âm Hán-Việt:

Lang quân nhất khứ bất hồi đầu,

Sử thiếp khuê trung độc bão sầu;

Đương cục khả liên dư tịch tịch,

Thỉnh dư lai tạm trú lao tù.

Dịch nghĩa:

Chàng ra đi không thể trở về,

Để thiếp chốn buồng the một mình ôm sầu;

Nhà đương cục ý hẳn thương thiếp cô quạnh,

Nên mời thiệp đến tạm ở tù.

Dịch thơ:

Biền biệt anh đi không trở lại,

Buồng the trở trại, thiệp ôm sâu;

Quan trên xót nỗi em cô quạnh,

Nên lại mời em tạm ở tù. (1)

NAM TRÂN dịch

NÊN LẠI MỜI EM TẠM Ở TÙ

Đúng là khi đọc bài thơ Trưng bình gia quyến (Gia quyến người bị bắt lính) bộc lộ rõ cái phi lý, phi nhân của một chế độ xã hội. GS. Hoàng Tranh, Trung Quốc đã viết: “Trên đường bị giải đi, Hồ Chí Minh đã chứng kiến một thực trạng xã hội: bọn phản động Quốc dân đảng cần bắt lính nhiều để phục vụ nhu cầu chiến tranh, đàn ông trai tráng ồ ạt bỏ trốn. Nhà cầm quyền không bắt được lính bèn nhốt giam thân quyến của các đối tượng phải đi lính”. Nhưng từ đó để đi đến kết luận cảm hứng chủ đạo của bài thơ là cảm hứng tố cáo, cảm hứng kết án như trong một số bài viết thì cũng cần cân nhắc, xem xét lại. Cái cảm hứng chủ đạo, cảm hứng chính của bài thơ không phải thế, có lẽ cảm hứng thương cảm, châm biếm mỉa mai thì đúng hơn.

Người chồng trốn lính, trốn biệt Lang quân nhất khứ bất hồi đầu (Biền biệt chàng đi không trở về). Dưới thời Trung Hoa dân quốc trưng bình, đi lính là một nỗi khiếp sợ của người dân, đi lính là đi vào chỗ chết oan uổng, chỉ để bảo vệ quyền lợi ích kỷ của bọn thống trị mà thôi, (chứ không phải chỉ phục vụ nhu cầu chiến tranh) cho nên việc trốn lính của người dân là khá phổ biến để giữ lấy mạng sống của mình. Cái trốn trâu là ở chỗ, để đối

phó lại việc người chồng trốn lính, nhà cầm quyền bắt vợ bỏ tù - tù thay, nhưng lời thơ, giọng thơ không gay gắt chút nào chỉ là lời thổ lộ của người vợ và sự cảm thông, cảm thương, chia sẻ. Cảm thương về nỗi độc bão sâu, một mình ôm sầu, cô quạnh vò võ chốn phòng khuê, cảm thương về thân phận người phụ nữ chân yếu tay mềm, vô tội bị bắt tù thay. Tứ thơ xuất phát từ mạch trữ tình, giàu cảm xúc nên tạo ngay được sự đồng cảm, đồng tình của người đọc. Cái trớ trêu của thực tế đã kết hợp với bi kịch trong tâm trạng và hoàn cảnh của người vợ tạo nên sự đối lập vừa bi thương, bi kịch vừa hài hước, và đã đẩy cái bi thương, bi kịch lên đến đỉnh gây phản ứng mạnh trong tâm lý người đọc.

Trong bài thơ này có hai từ cần được chú ý, phân biệt cho rõ, đó là từ thiếp ở câu 2 và từ dư ở câu 3, câu 4. Thiếp là lời người vợ xưng hô với chồng, còn câu 3, câu 4 có hai từ dư (cùng nghĩa) cũng là lời người vợ, nhưng là để xưng hô với người khác, có thể là những nạn hữu, bạn tù cùng cảnh với chồng. Trần Đắc Thọ có một nhận xét: “Bài thơ có chất giọng trào phúng, giấu rất kín dưới những từ ngữ “đài các”, “quý phái” của thơ Đường”.

Có thể khẳng định rằng, giọng điệu bài thơ là giọng điệu trữ tình đã được nhanh chóng chuyển qua hài hước, mỉa mai đẩy cái bi tới cao trào bằng lời lẽ từ tốn, nhỏ nhẹ, mềm mại và thâm thúy, chua chát, xót xa, gây nên phản ứng sâu sắc trong người đọc. Cứ thử đọc lại bài thơ xem:

Biền biệt anh đi không trở lại,

Buồng the trớ trọi, kiếp ôm sầu;

Quan trên xót nỗi em cô quạnh,

Nên lại mời em tạm ở tù.

Cười ra nước mắt. Bản chất của chế độ lộ nguyên hình, công lý, nhân quyền bộc lộ từ những chuyện phi lý, phi nhân nhất. Luật pháp chỉ bảo vệ

kẻ cầm quyền; công minh, công lý thì quá xa vời. Giá trị tố cáo không lời hiện ra từ cái thực tế trở trêu ấy.

Ngục trung nhật ký có hai bài thơ về cái trở trêu - tù thay. Sau bài thơ Trưng bình gia quyến (Gia quyến người bị bắt lính) là bài Tân Dương ngục trung hài (Cháu bé trong nhà lao Tân Dương).

(1) Bản dịch của Quách Tấn:

Một đi chàng chẳng lộn về

Riêng cam phận thiệp buồng the ôm sầu

Thương tôi quạnh quẽ đêm thâu

Quan trên mời thiệp vào tù nấu nường.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Giải Trào - Pha Trò

解嘲

吃公家飯住公房

軍警輪班去護從

玩水遊山隨所適

男兒到此亦豪雄

Dịch âm Hán - Việt:

Ngật công gia phạn, trú công phòng,

Quân cảnh luân ban khứ hộ tòng;

Ngoạn thủy du sơn tùy sở thích,

Nam nhi đáo thử diệc hào hùng!

Dịch nghĩa:

Ăn cơm nhà nước ở nhà công,

Lính quân cảnh thay phiên nhau đi hộ vệ;

Dạo núi chơi sông tùy ý thích,

Làm trai đến thế cũng hào hùng!

Dịch thơ:

Ăn cơm nhà nước ở nhà công,

Lính tráng thay phiên đến hộ tòng;

Dạo núi chơi sông tùy sở thích,

Làm trai như thế cũng hào hùng!(1)

VĂN TRỰC và VĂN PHỤNG dịch

LÀM TRAI NHƯ THẾ CŨNG HÀO HÙNG

Đã vào tù thì đương nhiên ăn cơm nhà nước ở nhà công, nơi bị giam có lính gác, khi bị giải thì lính thay nhau áp giải từ nơi này đến nơi khác. Đối với Bác cũng vậy, có khác chăng là ở chỗ, Bác “bị” tình nghi là Hán gian nên càng cẩn mật, chặt chẽ hơn.

Cứ như trong bài thơ Giải trào thì mỗi khi Bác bị giải đều do quân cảnh (cảnh sát quân đội) áp giải, quân cảnh của huyện này áp giải tới huyện tiếp sau, cứ như thế luân ban (thay phiên nhau), đổi ca là thông thường. Sự thật đúng như vậy.

Nhưng nào có vậy, và cứ như vậy thì cũng chẳng có thơ được. Sở dĩ thành thơ là từ sự thật bị hành hạ ấy, tác giả mỉm cười, đẩy mình lên thành nhân vật quan trọng, như một sự hóa thân, rồi tự mình cười mình. Trong thơ gọi là tự trào đấy, lấy mình ra làm đối tượng, tự mình cười mình, tự mình giễu mình, bài thơ trở nên đa nghĩa, nghĩa và ý nghĩa của nó rộng hơn, xa hơn với ý nghĩa thực, nghĩa ban đầu.

Cách diễn đạt của thơ đâu còn là người tù. Này nhé, ăn, ở do nhà nước lo, đi lại thì có lính của nhà nước khứ hộ tòng (đi theo hộ vệ) chẳng khác gì

một quý nhân, một khanh tướng, một người tự do ngoạn thủy du sơn (dạo núi chơi sông) tùy sở thích, rồi tự mình bình luận như là một điểm nhấn để kết lại bài thơ.

Nam nhi đáo thử diệc hào hùng.

(Làm trai như thế cũng hào hùng)

Hào hùng đồng nghĩa với hào kiệt (hào nghĩa là rộng rãi, mạnh mẽ, tài trí hơn người, hùng nghĩa là mạnh). Hào hùng là mạnh mẽ, có khí phách và dũng cảm. Câu kết này Bác mượn nguyên văn câu thơ của Trình Hạo đời Tống trong bài Ngẫu thành. Câu thơ của Trình Hạo là khẩu khí của bậc quân tử, chí khí của nhà nho (2), khi vào thơ Bác lại là đùa vui, là tự trào, tự coi mình là người nhà nước nên mọi sinh hoạt đều có người hầu hạ hảnh hoi, và việc tù đầy chẳng qua là một cuộc dạo chơi mà thôi.

Từ sự cơ cực của tù đầy, biểu hiện ra thành một nỗi vui thích, thoải mái, tự do đã gây tiếng cười, một tiếng cười sáng khoái cất lên hoàn toàn không phải để dối mình, không phải để lý tưởng hóa mà chỉ để đùa vui thế thôi. Tự trào, nói cho vui để làm vui cho mình cho bớt khổ, bớt đau, cố quên đi thực tế phủ phàng khi bị cầm tù, cũng như khi bị giải tù. Đó cũng là một cách vượt lên hoàn cảnh, vượt qua tình thế, tự mình động viên mình.

Ăn cơm nhà nước ở nhà công,

Lính tráng thay phiên đến hộ tòng;

Dạo núi chơi sông tùy sở thích,

Làm trai như thế cũng hào hùng.

Người đọc nhận chân rất rõ cái thực tại mà Bác đang phải chịu đựng và cả cách Bác vượt qua, nhận chân cách tự trào và ý nghĩa của bài thơ.

(11) Bản dịch khác của Quách Tấn:

Nhà công ở, cơm công ăn,

Bên chân lính gác thay phiên hộ tòng

Nước non du ngoạn tùy lòng

Làm trai đến thế hào hùng biết bao.

(2) Trước câu Nam nhi đáo thử diệc hào hùng trong bài thơ Ngẫu thành là câu Phú quý bất dâm, bần tiện lạc (Giàu sang không ham, nghèo hèn vẫn vui vẻ).

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Vãng Nam Ninh - Đi Nam Ninh

往南寧

鍊繩硬替麻繩軟

步步叮噹環珮聲

雖是嫌疑間諜犯

儀容卻像舊公卿

Dịch âm Hán-Việt:

Thiết thẳng ngạnh thế ma thẳng nhuyễn,

Bộ bộ đình đàng hoàn bội thanh;

Tuy thị hiềm nghi gián điệp phạm,

Nghi dung khước tượng cựu công khanh.

Dịch nghĩa:

Xích sắt cứng đã thay thừng gai mềm

Bước mỗi bước leng keng như tiếng ngọc;

Tuy là người bị tình nghi là gián điệp,

Nhưng bộ dạng lại giống vị công khanh ngày trước.

Dịch thơ:

Hôm nay xiềng xích thay dây trói,

Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;

Tuy bị tình nghi là gián điệp,

Mà như khanh tướng vẻ ung dung.(1)

NAM TRÂN dịch

MÀ NHƯ KHANH TƯỚNG VẼ UNG DUNG

Xiềng xích sắt đã thay dây thừng mềm, hẳn sẽ làm đau đớn hơn da thịt người tù. Nhưng người bị giải không hề quan tâm vấn đề trí tưởng tượng phong phú của mình tự do thỏa sức, vẫn là tự trào, vẫn là tiếng cười hóm hỉnh, sáng khoái từ cách so sánh giàu sắc thái khôi hài.

Cái đau biến thành cái vui, cái bi chuyển sang cái hài, bài thơ trở thành bài thơ vui. Bị giải, chân xiềng tay xích thì đau lắm chứ, xiềng xích va vào nhau va vào thân thể người tù, mỗi bước đi là một bước đau. Vậy mà lại là Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung. Bài thơ vui nhất, có lẽ là ở hai tiếng leng keng (đinh đàng) này, biến âm thanh của tiếng xiềng xích thành tiếng ngọc rung hoàn bội thanh. Hoàn chỉ cái vòng ngọc, bội là hòn ngọc đeo ở người. Hoàn bội thanh là tiếng các đồ trang sức bằng ngọc va vào nhau khi đi đường, một tưởng tượng, liên tưởng thú vị.

Tuy là người bị tình nghi là gián điệp, bị giải tù, xiềng xích siết chặt, khổ ải biết dường nào, mà lại uy nghi, đường bệ, đàng hoàng như một vị công khanh thuở nào đã tạo nên tiếng cười. Tiếng cười ấy đã là động lực, giúp cho người tù vượt qua đọa đày, đau đớn. Vị công khanh ấy, cứ mỗi

bước đi vang tiếng ngọc rung thì đâu còn là tù nhân nữa, đâu còn là người tù bị giải mà là một người quyền quý, đang dạo chơi, đang ngoạn thủy du sơn (Giải trào).

Từ Đồng Chính bị giải đi Nam Ninh, Bác đã làm hai bài thơ tự trào khá độc đáo Giải trào và Vãng Nam Ninh.

(1) Bản dịch khác của Nam Sơn:

Thường đang mềm thay bằng xích sắt,

Mỗi bước đi, ngọc lắc lạnh canh;

Tuy là gián điệp oan tình,

Đường đường dáng vẻ công khanh thuở nào.

Bản dịch của Quách Tấn:

Dây xiềng thay thế dây thừng,

Leng keng tiếng ngọc rung từng bước đi;

Tuy gián điệp bị hiềm nghi,

Uy phong trông có khác gì công khanh.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Điệt Lạc Hụt - Chân Ngã

跌洛

夜仍黑暗已登程

路又崎嶇甚不平

跌入深坑危險甚

幸能躍出了深坑

Dịch âm Hán-Việt:

Dạ nhưng hắc ám dĩ đăng trình,

Lộ hụt kỳ khu thậm bất bình;

Điệt nhập thâm khanh nguy hiểm thậm,

Hạnh năng được xuất liễu thâm khanh.

Dịch nghĩa:

Đêm còn tối mịt đã phải lên đường,

Đường lại gồ ghề, khiến ai cũng rất bực mình.

Hụt chân thụt xuống hố sâu, nguy hiểm quá,

May sao đã nhảy ra được khỏi hố.

Dịch thơ:

Còn tối như bưng đã phải đi,

Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề;

Trượt chân nhỡ bước sa vào hố,

May nhảy ra ngoài suýt nữa nguy!(1)

NAM TRÂN dịch

MAY NHẢY RA NGOÀI SUÝT NỮA NGUY

Sự việc được kể trong thơ cũng chỉ là một sự việc bình thường, thường gặp. Đêm còn tối mịt mùng như bưng đã phải cất bước lên đường, mà đường thì gồ ghề, khúc khuỷu, khiến người đi đường bực mình, đã hụt chân thụt xuống hố, rất may đã nhảy ra được. Nhật ký ghi như vậy là

chân xác.

Nhưng cái việc Đăng trình (lên đường) ở đây lại không bình thường, đây là một cuộc chuyển lao, giải tù đi trong đêm tối, người tù đi trên con đường gồ ghề lúc ngã nhào, lúc sa hố, cực lắm. Cũng không phải chỉ lần này mà đã từng bị giải lúc Đêm chưa tan phải cất bước trên đường thăm với gió rét táp mặt. Phải chăng giải “Hán gian” là phải thế, phải cẩn mật, phải bí mật đi trong đêm tối; phải hành hạ, đẩy người tù vào mọi khổ sở, tận cùng khổ sở.

Cái khổ tuy có làm bực mình, khó chịu một chút nhưng thoáng qua rất nhanh, người tù đã tự mình vượt hoàn cảnh để cất bước trên đường một cách nhẹ nhàng. Chính vì thế mà giọng kể bình thản, tự nhiên, lại có phần hồn nhiên nữa, pha chút hóm hỉnh:

Điệt nhập thâm canh nguy hiểm thậm,
Hạnh năng được xuất liễu thâm khanh.
(Trượt chân nhờ bước sa vào hố
May nhảy ra ngoài suýt nữa nguy)
Thoáng một nụ cười trong lời kể.

(1) Bản dịch khác của Nguyễn Mỹ Tài:

Đêm còn tối mịt đã đi ngay,
Đường quá gồ ghề, cực lắm thay!
Trượt xuống vũng sâu nguy hiểm quá!
Nhảy ra ngoài được thực là may.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Nam Ninh Ngục - Nhà Ngục Nam Ninh

南寧獄

監房建築頂摩登

澈夜輝煌照電燈

因為每餐惟有粥

使人肚子戰兢兢

Dịch âm Hán-Việt:

Giam phòng kiến trúc đỉnh “ma-đăng”

Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đăng;

Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc,

Sử nhân đồ tử chiến căng căng.

Dịch nghĩa:

Nhà lao xây dựng rất “mô-đéc”

Suốt đêm đèn điện sáng rực;

Nhưng mỗi bữa ăn cũng chỉ có cháo

Cho nên cái bụng cứ run bần bật.

Dịch thơ:

Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,

Đèn điện thâu đêm sáng rực trời,

Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,

Cho nên cái bụng cứ run hoài.(1)

NAM TRÂN dịch

MỖI BỮA ĂN CHỈ LƯNG BÁT CHÁO

Vẫn là sự đối lập giữa nhà tù với nỗi khổ cực của người bị tù.

Nhà tù Nam Ninh có khác với những nhà tù cấp huyện khác mà Bác đã bị giam. Nhà tù này nằm trong khuôn viên của sở Công an khu tự trị dân tộc Choang. Nhà tù được xây dựng rất ma-đăng (phiên âm tiếng anh Modern-môđéc) tức là tối tân, kiểu cách, hợp thời.

Chỉ một chi tiết Triệt hạ huy hoàng chiếu điện đăng (suốt đêm đèn điện sáng rực trời) đủ biết, ít nhất nhà tù này tương đối hiện đại. Nhưng tiếc thay nó chỉ là hiện đại của hiện đại mà thôi, nó khác các nhà tù khác về hình thức, chứ người tù ở đây cũng phải chịu cực khổ y hệt như các nhà tù khác, cũng cùng một giuộc, cũng hành hạ hà khắc với người tù, cũng mỗi bữa ăn chỉ được lưng bát cháo, nên cái đói cứ triền miên, cái bụng cứ réo gào suốt ngày đêm.

Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc

Sử nhân đồ tử chiến căng căng.

Chiến căng căng, cụm từ này có lẽ lấy từ chiến chiến căng căng ở Kinh thi, có nghĩa là luôn luôn thấp thỏm, lúc nào cũng lo đói, cũng hoang mang không yên tâm, nên Hoàng Đình đã dịch hai câu thơ này là:

Cũng bởi ngày ngày ăn rất cháo

Khiến cho cái bụng cực hoang mang.

Vậy là, đối lập giữa cái kiến trúc mađăng (Modern - tân thời, hiện đại) của nhà tù với cái khổ cực của người tù chiến căng căng là cái bụng đói cứ run hoài đã ngấm mĩa mai. Bài thơ Nam Ninh ngục cùng một mô típ, một kiểu kết cấu như bài Đồng Chính.

Cũng như hai nhà tù Điền Đông, Đồng Chính mà tác giả đã trải qua, Nam Ninh ngục là nhà tù thứ ba hành hạ tù nhân không cho ăn cơm chỉ ngày ngày ăn rất cháo.

(1) Bản dịch khác của Hoàng Đình:

Phòng giam xây thực là “mô đéc”

Đèn điện thâu đêm chiếu sáng choang.

Cũng bởi ngày ngày ăn rất cháo,

Khiến cho cái bụng cực hoang mang.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Nạp Muộn - Buồn Bực

納悶

環球戰火鑠蒼天

壯士相爭赴陣前

獄裡閑人閑要命

雄心不值一文錢

Dịch âm Hán Việt:

Hoàn cầu chiến hỏa thước thương thiên,

Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền;

Ngục lý nhàn nhân nhàn yếu mệnh,

Hùng tâm bất trị nhất văn tiền.

Dịch nghĩa:

Lửa chiến tranh trên toàn cầu như nóng chảy

cả trời xanh,

Tráng sĩ thi đua nhau ra mặt trận;

Trong tù, người nhàn lại nhàn quá đỗi,
Chí lớn mà không đáng giá một đồng tiền.

Dịch thơ:

Hoàn cầu lửa chiến cháy trời,
Đua nhau tráng sĩ ra nơi trận tiền,
Trong lao, người rồi phát phiến,
Chí cao mà chẳng đáng tiền một chĩnh.(1)

TÔ LAN dịch

CHÍ CAO MÀ CHẴNG ĐÁNG TIỀN MỘT CHINH

Đúng là buồn bực. Không buồn bực, không bức xúc sao được, khi đang cần đến mình thì phải bó tay.

Bài thơ Nạp muội (buồn bực) Bác ghi lại tâm trạng, nghĩ suy của mình vào những ngày đầu tháng 11-1942. Lúc này chiến tranh thế giới đã lan rộng và rất ác liệt. Cũng lúc này, phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới đang lên cao, quyết liệt. Không khí nóng bỏng của thời đại đã tràn vào thơ:

Hoàn cầu chiến hỏa thước thương thiên

Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền.

Hoàn cầu (hoàn: đầy đủ, cầu: quả tròn, trái đất) là khắp quả đất, khắp thế giới; thước là nóng chảy, nung chảy; tráng sĩ (tráng: mạnh mẽ, sĩ: người có học) là người có sức mạnh, có ý chí, có tri thức. Hiện tại lửa chiến tranh thế giới đang nung chảy cả trời xanh, những người có sức mạnh có ý chí đã đua nhau ra mặt trận. Trong Vừa đi đường vừa kể chuyện, Tô Lan kể lại lời

Bác: “Trong khi nhân dân Liên xô anh em đang dốc hết lực lượng vào cuộc kháng chiến thần thánh, khi phát xít Nhật và Pháp đang hoành hành ở Việt Nam, khi đồng bào ta đang quần quai dưới hai ách áp bức, khi công việc Đảng và Mặt trận Việt Minh đang nhanh chóng lan rộng ăn sâu vào quần chúng nhân dân - mà mình thì phải nằm queo trong một phòng giam của bọn phản động Trung Quốc. Sốt ruột biết bao”.

Quả là, trong ngục, người tù nhân yếu mệnh (nhàn đến muốn chết), có chí lớn, lòng mạnh mẽ muốn gánh vác việc to lớn - hùng tâm lại không được vẫy vùng, không được sử dụng thì quả là bất trị nhất văn tiền chẳng đáng một đồng chinh:

Ngục lý nhàn nhân nhàn yếu mệnh

Hùng tâm bất trị nhất văn tiền.

(Trong ngục người nhàn nhàn quá đỗi

Chí cao mà chẳng đáng đồng chinh.)

Một khi đã ý thức được tình cảnh hiện tại và nhận thức được thực tại bên ngoài đang diễn ra, đang đòi hỏi trong lúc nhiệm vụ của mình lại bị ngừng trệ, dở dang thì trong lòng bùng lên như lửa cháy, hẳn là người tù này sẽ không chịu bó gối khoanh tay, nhất định sẽ tìm cách đấu tranh để thoát tù nhập vào dòng thời cuộc. Lôgích của sự phát triển thông thường và từ cách bộc lộ, bài thơ Nạp muội đã không dừng ở một nghĩa. Ngay việc làm thơ cũng là một cách hành động rồi.

(1) Bản dịch khác của Nam Trân:

Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,

Hoàn cầu bốc lửa rực trời xanh;
Trong ngục người nhàn nhàn quá đỗi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng chình.

Bản dịch của Quách Tấn:

Hoàn cầu binh mã rực trời,
Tranh nhau tráng sĩ xông nơi trận tiền,
Trong tù mình lại nằm yên,
Giá không đáng nửa đồng tiền: hùng tâm.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Nhất Cá Đỗ Phạm “Ngạnh” Liễu - Một Người Tù Cờ Bạc “Chết Cứng”

一個賭犯“硬”了
他身只有骨包皮
痛苦飢寒不可支
昨夜他仍睡我側
今朝他已九泉歸

Dịch âm Hán Việt:

Tha thân chỉ hữu cốt bao bì,
Thống khổ cơ hàn bất khả chi;
Tạc dạ tha nhưng thụ ngã trắc
Kim triều tha dĩ cửu tuyền quy.

Dịch nghĩa:

Thân hình anh ấy chỉ còn da bọc xương,
Khổ đau, đói rét, không chống đỡ nổi;
Đêm qua anh còn nằm ngủ cạnh tôi,

Sớm nay anh đã về nơi chín suối.

Dịch thơ:

Thân anh da bọc lấy xương,

Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi;

Đêm qua còn ngủ bên tối,

Sáng nay anh đã về nơi suối vàng. (1)

NAM TRÂN dịch

KHỔ ĐAU, ĐÓI RÉT HẾT PHƯƠNG SỐNG RỒI

Một người tù cờ bạc chết cứng. Sự thật 100%. Trong cuốn sách Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch đã kể lại một cách chi tiết những sự việc mà cụ Hồ phải chịu đựng hoặc chứng kiến khi bị giam trong nhà tù. Trong đó có sự việc: “Mỗi buổi sáng cụ phải đi đổ thùng và quét nhà giam. Một hôm khi ngủ dậy, cụ thấy người nằm bên cạnh dựa vào lưng cụ đã chết cứng. Cụ phải cùng một người tù khác mang xác chết ra ngoài sân. Ở trong tù ai chết mặc ai, chẳng ai để ý”. Cụ đã ghi lại bằng thơ sự việc này và tỏ lòng thương cảm về cái chết thương tâm của một nạn hữu (bạn tù). Cụ lấy ngay sự việc xảy ra làm đầu đề bài thơ Nhất cá đồ phạm “ngục” liễu (Một người tù cờ bạc “chết cứng”).

Tuy chỉ là một người tù cờ bạc nhưng Bác thương xót như thương xót một người thân. Tình thương ấy có cơ sở của nó. Một con người mà hình hài da bọc xương, gãy guộc thảm hại thì làm sao có thể chống đỡ được những khổ đau, những đói rét trong cảnh tù tội, mạng sống con người chẳng có gì đảm bảo, cái chết rập rình từng giờ, từng phút. Cho nên mới đấy.... Mà đã...

Lời thơ thật xót xa. Tình thương rộng mở và sâu đậm biết dường nào. Nói như Hoài Thanh: “Càng là người vất vả cực khổ thì Bác lại càng thương”. Đọc bài thơ “tưởng như còn rưng rưng nước mắt”:

Thân anh da bọc lấy xương,

Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi;

Đêm qua còn ngủ bên tôi,

Sáng nay anh đã về nơi suối vàng.

Bài thơ Nhất cá đồ phạm “ngạnh” liễu (một người tù cờ bạc “chết cứng”) mực thước, cổ điển mà cũng rất hiện đại, chứa chan tình cảm, chân thực, chi tiết. Để hiểu sâu bài thơ, xin được lưu ý, cần đọc kỹ văn bản nguyên tác và cách sử dụng từ ngữ để thể hiện nội dung và tư tưởng bài thơ. Ví như những từ sau: ngạnh vốn nghĩa chính là cứng rắn, bướng bỉnh, nhưng ở vùng Quảng Đông, Trung Quốc, tiếng địa phương ngạnh có nghĩa là chết, còn “ngạnh” liễu ở đầu đề bài thơ với nghĩa là chết cứng, nên từ “ngạnh” đã cho vào trong ngoặc kép là vậy; còn cốt bao bì, cốt: xương, bì: da; bao: bọc, để hình dung người gầy guộc giống như chỉ còn da bọc lấy xương; và cửu tuyền nghĩa là chín suối, âm phủ. Chín suối còn gọi là suối vàng; âm phủ là cõi âm. Bài thơ Thất ai của Nguyễn Vũ đời Tấn thời Tam Quốc trong sách Sơ học ký có câu: Minh minh cửu tuyền thất/ Mạn mạn trường dạ dài (Mờ mờ nơi chín suối/ Mênh mang cảnh đêm dài). Tiếng Hán cửu tuyền đồng nghĩa với cửu nguyên (nơi chôn người chết).

(1) Bản dịch của Quách Tấn:

Anh chỉ còn da bọc lấy xương

Tấm thân đói rét khổ trăm đường

Đêm qua nằm ngủ bên tôi đó

Chín tuổi nay đã xuống nấu nường.

Bản dịch của Nguyễn Sĩ Lâm:

Anh chỉ còn da bọc dùm xương,

Khô đau, đói rét sức khôn đương;

Đêm qua còn ngủ bên tôi đó,

Mà sáng hôm nay đã tuổi vàng.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Cấm Yên - Cấm Hút Thuốc

禁煙

紙煙的

煙禁此間很厲害

你煙繳入他煙包

當然他可吹煙斗

你若吹煙罰手鐐

他獄丁也

Dịch âm Hán Việt:

Yên cấm thử gian hãn lệ hại,

Nhĩ yên kiếu nhập tha yên bao;

Đương nhiên tha khả xuy yên đầu,

Nhĩ nhược xuy yên, phạt thủ liêu.

(Tha: Ngục đình dĩa)

Dịch nghĩa:

Ở đây lệnh cấm hút thuốc lá lợi hại thực,
Thuốc của anh phải nộp vào túi của nó;
Đương nhiên nó được hút thuốc bằng tẩu,
Nếu mà anh hút, liền bị phạt còng tay.

(Nó: Lính ngục)

Dịch thơ:

Cấm thuốc nơi này lợi hại thay!
Thuốc anh, túi hẵn nhét vào ngay,
Hắn thì cứ tẩu đàng hoành hút
Anh hút, còng liền, phạt thẳng tay. (1)

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

ANH HÚT, CÒNG LIỀN, PHẠT THẲNG TAY

Quả là luật pháp và việc thực thi pháp luật của chính quyền Trung Hoa dân quốc lắm nghịch lý, lắm trớ trêu.

Nếu như ở bài thơ Đổ (Đánh bạc) Bác ghi lại sự việc: những người đánh bạc ở ngoài xã hội bị bắt bỏ tù, vào tù rồi lại được tự do đánh bạc:

Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội,

Trong tù đánh bạc được công khai.

Và, ở bài Đổ phạm (Tù cờ bạc), những con bạc cùng bị bắt vào tù vì tội cờ bạc, nhưng:

Tù “cứng” ngày ngày no rượu thịt,

Tù nghèo, dãi với lệ cùng tuôn.

Thì, ở bài Cấm yên (Cấm hút thuốc), luật pháp quy định mọi người không được hút thuốc trong nhà tù, nhưng lệnh cấm này lại chỉ áp dụng với người tù. Nếu người tù mà hút, cai tù lập tức tịch thu và bị phạt còng tay ngay, còn cai tù cứ mặc nhiên, ngang nhiên lấy thuốc tịch thu của người tù cho vào túi của mình và cho vào tẩu tha hồ hút, thoải mái hút.

Cấm thuốc nơi đây lợi hại thay!

Thuốc anh, túi hẵn nhét vào ngay.

Hẳn thì cứ tẩu đàng hoành hút,

Anh hút, còng liền, phạt thẳng tay.

Trước đây, câu đầu bài thơ được dịch là Hút thuốc nơi này cấm gắt gao, xin được lưu ý nguyên bản câu thơ này là Yên cấm thử gian hẵn lệ hại; lệ hại có nghĩa là lợi hại, hẵn lệ hại là rất lợi hại. Như vậy, nghĩa và ý câu thơ khác hoàn toàn với gắt gao. Rất lợi hại ngầm ý châm biếm cái lệnh cấm vô lý ấy.

Nhưng điều muốn nói ở đây là, cai tù đã thân nhiên vi phạm luật pháp, hay nói một cách khác chúng được sống ngoài vòng pháp luật. Luật pháp, công lý, công bằng còn đâu nữa. Luật pháp như một trò đùa, muốn nghiêng về bên nào cũng được. Sự tương phản hành vi của cai tù và người tù đã tạo ra tình thế hài hước làm bật lên tiếng cười châm biếm về luật pháp và việc thực thi pháp luật, về công lý, về nhân quyền là thế.

(1) Bản dịch của Nam Trân:

Hút thuốc nơi này cấm gặt gao,
Thuốc anh nó tịch, bỏ vào bao;
Nó thì kéo tâu tha hồ hút,
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Dạ Bán Văn Khốc Phu - Nửa Đêm Nghe Tiếng Khóc Chồng

夜半聞哭夫

嗚呼夫君兮夫君

何故夫君遽棄塵

使妾從今何處見

十分心合意投人

Dịch âm Hán Việt:

Ô hô phu quân, hê phu quân!

Hà cố phu quân cự khí trần?

Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến,

Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.

Dịch nghĩa:

Than ôi! Chàng hỡi chàng!

Cớ sao chàng vội lìa bỏ cõi đời?

Khiến cho thiếp từ nay biết tìm đâu thấy,

Người bạn đời mười phần tâm đầu ý hợp.

Dịch thơ:

Hỡi ôi! Chàng hỡi, hỡi chàng ơi!

Cớ sự vì sao vội lánh đời?

Để thiếp từ nay đâu thấy được,

Con người tâm ý hợp mười mười. (1)

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

ĐỂ THIẾP TỪ NAY ĐÂU THẤY ĐƯỢC

Cảm thương, chia sẻ, nhập cái đau của người vào mình, như một sự hóa thân không còn là lời của người làm thơ nữa, mà là lời của người đang chìm trong cảnh ngộ đau thương, đó là bài thơ Dạ bán văn khố phu (Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng).

Vào cái thời điểm tĩnh lặng, thanh vắng lúc nửa đêm, bỗng Bác nghe thấy tiếng khóc thảm thiết, não nề của người phụ nữ chồng chết cứ xoáy vào tâm can đã bật ra những câu thơ xót xa thương cảm.

Cả bài thơ là tiếng khóc. Câu thơ mở đầu đã là tiếng khóc thảm thiết.

Ô hô phu quân, hê phu quân!

(Hỡi ôi, chàng hỡi, hỡi chàng ơi!)

Câu thơ được ngắt ra diễn tả cái ghen ngào, đau đớn cứ nấc lên từng hồi cùng với nước mắt tuôn trào bằng lấy lại các từ cảm thán. Trong tiếng khóc có lời kể, tiếng kêu, câu hỏi và sự giải bày. Đúng là tiếng khóc chồng của người vợ góa. Vợ chồng đang sống có đôi nòng đờm, hạnh phúc, tâm

đầu ý hợp (rất hợp nhau, vừa lòng nhau, hai bên hợp nhau cả về tình cảm, cả về tư tưởng, điều gì trong lòng hai người cũng nghĩ giống nhau), đột nhiên chông chết, mới đấy mà đã âm dương cách biệt, xa cách ngàn trùng, người vợ rơi vào cảnh bơ vơ, một câu hỏi thảng thốt, bàng hoàng, ai oán thốt ra trong tiếng khóc.

Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến

Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.

(Khiến cho thiếp từ nay biết tìm đâu cho thấy

Người bạn đời mười phần tâm đầu ý hợp.)

Số phận, bi kịch là thế. Nỗi đau khôn tả. Câu chữ mờ đi, chỉ còn lại tình người.

(1) Bản dịch của Nguyễn Thế Nữ:

Ô hô! Chàng ơi hờ chàng ơi!

Vì có chi chàng vội bỏ đời;

Để thiếp từ đây đâu thấy được,

Người tâm đầu ý hợp mười mươi.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Công Kim - Tiền Công

工金

煮一鍋飯六毛錢

一盆開水銀一元

一元買物得六角

獄中價格定昭然

Dịch âm Hán - Việt:

Chữ nhất la phạm lục mạo tiền,

Nhất bồn khai thủy ngân nhất nguyên;

Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,

Ngục trung giá cách định chiêu nhiên.

Dịch nghĩa:

Thối một nồi cơm phải sáu hào,

Một chậu nước sôi một đồng bạc

Một đồng mua hàng chỉ đáng giá sáu hào,

Giá cả trong tù định rõ như thế.

Dịch thơ:

Thối một nồi cơm, trả sáu hào,

Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;

Một đồng của đáng sáu hào chỉ,

Giá cả trong tù định rõ sao! (1)

NAM TRÂN dịch

GIÁ CẢ TRONG TÙ ĐỊNH RÕ SAO

Lạ chưa, nhà tù mà chẳng khác gì như cái chợ, chẳng khác một quán trọ. Ở đây cũng diễn ra cái trò bán mua, cái trò đổi trao, tất cả đều bằng tiền. Giá cả mua bán đổi trao chỉ là do một bên nhà tù định đoạt. Giá như cắt cổ, gàn gáp đôi so với bên ngoài xã hội, phần thiệt hoàn toàn thuộc về người tù:

Thối một nồi cơm, trả sáu hào

Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao.

Như vậy là mọi thứ dùng trong sinh hoạt, cho cuộc sống hàng ngày người tù đều phải trả tiền, đều phải mua bằng tiền, giá cả đã được quy định không thể khác. Muốn tồn tại, muốn duy trì sự sống phải có tiền, phải chi tiền. Không biết những người tù nghèo lấy tiền đâu ra. Hẳn là cùng cực lắm.

Mới đọc hai câu thơ đầu những tưởng là sự phàn nàn, đọc cả bài thì thấy đây chỉ là nêu ra một thực tế tại nhà tù của chính quyền Trung Hoa dân quốc và đưa ra lời bình luận về cái thực tế đó. Ý kiến bình luận và thái

độ cũng rất rõ ràng, thẳng thắn, trực tiếp vào vấn đề bất công, áp đặt. Một đồng tù nhân bỏ ra mua “hàng” chỉ đáng giá sáu hào Nhất nguyên mãi vật, đắc lục giác (Một đồng mua hàng chỉ đáng giá sáu hào). Không cần phải phân tích, chỉ cần một đối sánh giữa một đồng với sáu hào đủ thấy thực tại nhà tù như thế nào. Từ giá cả thôi một nồi cơm, một chậu nước sôi, đến đối sánh giữa một đồng với sáu hào để đi đến câu kết Ngục trung giá cách, định chiêu nhiên (Giá cả trong tù, định rõ như thế) thì rõ là chấm biếm, mỉa mai rồi.

Thối một nồi cơm, trả sáu hào,

Nước sôi mỗi chậu, một đồng chao;

Một đồng của đáng sáu hào chỉ,

Giá cả trong tù định rõ sao!

(Công Kim - Tiên Công)

(1) Bản dịch khác của Hoàng Đình:

Sáu hào trả một nồi cơm thối,

Phải đáng một đồng, chậu nước sôi;

Mua, trả mười hào, ăn có sáu,

Trong lao, giá định thế lâu rồi!

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Thế Nạn Hữu Mẫn Tả Báo Cáo - Viết Hộ Báo Cáo Cho Bạn Tù

替難友們寫報告

同舟共濟義難辭

替友編修報告書

奉此等因今始學

多多博得感恩詞

Dịch âm Hán-Việt:

Đồng chu cộng tế nghĩa nan từ,

Thế hữu biên tu báo cáo thư;

“Phụng thử” “đăng nhân” kim thủy học,

Đa đa bác đặc cảm ân từ.

Dịch nghĩa:

Cùng hội, cùng thuyền việc nghĩa,

lẽ khôn từ chối,

Viết hộ báo cáo giúp các bạn;

Những chữ “Phụng thủ” “đăng nhân”

nay vừa học,

Thế mà đã được bao lời cảm ơn.

Dịch thơ:

Cùng hội, cùng thuyền nên phải giúp,

Viết thay báo cáo dám từ nan;

“Chiếu theo”, “thừa lệnh” nay vừa học,

Đã được bao lời bạn cảm ơn.(1)

NAM TRÂN dịch

VIẾT THAY BÁO CÁO BẠN CÙNG GIAM

Nguyên văn chữ Hán câu đầu bài thơ Đồng chu cộng tế nghĩa từ nan (Cùng hội cùng thuyền việc nghĩa, lẽ khôn từ chối) Đồng chu cộng tế là thành ngữ ý chỉ cùng cảnh ngộ hoạn nạn. Khi dùng thành ngữ này, có lẽ Bác lấy ý từ Cửa địa của Tôn Tử chăng? “Phù Ngô nhân dữ Việt nhân tương tác giả, đương kỳ đồng chu nhi tế, ngộ phong, kỳ tương cứu dã, nhược tả hữu thủ (Người Ngô và người Việt từng ghét nhau, nhưng khi cùng đi một chuyến đò, gặp gió bão, họ sẽ giúp đỡ nhau như thể chân tay). Bác đã ví như những người tù tuy khác nhau về cảnh ngộ, nhưng khi đã vào tù là cùng chung cảnh ngộ hoạn nạn, cùng hội cùng thuyền, trở thành nạn hữu của nhau nên phải giúp đỡ nhau. Đó là thái độ của Bác đối xử với các bạn tù, cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ. Từ đáy lòng, Bác sống chan hòa với họ, Bác nhận thấy trong tình cảm chan hòa, chia sẻ, giúp đỡ là niềm vui tự nhiên, chân thành cùng hội cùng thuyền nên phải giúp.

Bản của Nam Trân thanh thoát, giản dị như nguyên tác. Tuy nhiên cần chuyển ngữ một số từ sao cho sát nghĩa, đúng nghĩa. Ví như nan từ có nghĩa là khó từ chối, nếu chuyển nan từ là từ nan thì vẫn chưa rõ nghĩa, thậm chí còn có thể gây hiểu lầm từ chối một việc khó khăn, từ nan như bản dịch (Cùng hội cùng thuyền việc nghĩa, lẽ khôn từ chối). Cũng như những từ phụng thử, đăng nhân là các từ thường dùng trong các bản tấu biểu xưa của Trung Quốc, nay các công văn giấy tờ của chính quyền Trung Hoa dân quốc cũng có dùng. Khi Bác viết hộ đơn từ cho những tù nhân, Bác cũng đã sử dụng các từ ấy mà Bác cho là nay mới học được Kim thủy học. Trong bản dịch thơ những từ Phụng thử, đăng nhân được dịch là Chiếu theo, thừa lệnh thì chưa sát nghĩa. Song, nếu bản dịch để nguyên không chuyển nghĩa thì sẽ có bạn đọc không hiểu nghĩa câu thơ.

Sự giúp đỡ của Bác đã được các tù nhân ghi nhận, cảm ơn:

Đa đa bác đặc cảm ân từ.

(Đã được bao lời bạn cảm ơn)

Xuân Diệu nhận xét: “Câu thơ rất mực thanh đạm nhưng rất là cảm động”.

(1) Bản dịch khác của Trần Đắc Thọ:

Cùng một chuyển đồ, không lẽ chối,

Viết thay báo cáo bạn cùng giam;

“Đăng nhân”, “phụng thử” nay vừa học,

Đã được bao lời bạn cảm ơn.

Bản dịch của Quách Tấn:

Đồng thuyền giúp đỡ lẫn nhau,
Viết dùm báo cáo lẽ đâu chối từ;
“Đảng nhân”, “phụng thủ” học đòi,
Nào hay lãnh được bao lời cảm ơn.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Lại Sang - Ghẻ Lở

癩瘡

滿身紅綠如穿錦

成日撈搔似鼓琴

川錦囚中都貴客

鼓琴難友盡知音

Dịch âm Hán - Việt:

Mãn thân hồng lục như xuyên cẩm,

Thành nhật lao tao tự cổ cầm;

Xuyên cẩm, tù trung đô quý khách,

Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm.

Dịch nghĩa:

Khấp người xanh, đỏ như mặc áo gấm,

Suốt ngày gãi sột soạt tựa gảy đàn;

Mặc gấm, trong tù đều khách quý,

Gảy đàn, bạn tù đều là tri âm.

Dịch thơ:

Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,

Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn;

Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,

Gảy đàn, trong ngục thấy tri âm.(1)

VĂN TRỰC và VĂN PHỤNG dịch

GẢY ĐÀN, TRONG NGỤC THẤY TRI ÂM

Bị giam trong tù, Bác phải chịu đựng bao nhiêu nỗi khổ khổ. Trong cuốn Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch đã ghi lại một trong những khổ sở nhất của Bác: “Cụ bị ghê khắp người, đầy cả cánh tay và bàn tay. Không phải là một thứ mà là hai thứ ghê: ghê ruồi ngứa và lở, còn rận thì vô số...”. Bài thơ Lại sang (Ghê lở) ghi lại cái khổ sở của ghê lở nhưng lại là bài thơ vui, tự trào với nụ cười hóm hỉnh vượt lên khổ cực.

Điều kiện vệ sinh trong các nhà tù của chính quyền Trung Hoa dân quốc rất kém, bẩn thỉu, ô nhiễm cộng với sự hà khắc của chế độ nhà tù, đến mức nước cũng phải mua mỗi chậu, một đồng trao thì thân thể người tù sao mà sạch sẽ được nên thường bị ghê lở, ngứa ngáy suốt đêm ngày rất khó chịu, cứ luôn luôn phải dùng tay để gãi ghê khiến xước da chảy máu, những vết gãi đỏ mọng, lốm đốm như hoa gấm:

Mãn thân hồng, lục như xuyên câm,

Thành nhật lao tao, tự cổ câm;

(Khắp người xanh đỏ như mặc áo gấm,

Suốt ngày gãi sột soạt tựa gảy đàn.)

Hai chữ Thành nhật là tiếng địa phương vùng Quảng Đông, Bác đã từng hoạt động cách mạng ở vùng Quảng Đông những năm 20, 30 của thế kỷ XX tiếp xúc nhiều và dùng tiếng Quảng Đông, nên trong các câu thơ thường xuất hiện một số từ ngữ Quảng Đông như trong bài này: Thành nhật: suốt ngày, xuyên cầm: mặc áo gấm, cổ cầm: gảy đàn, là cách nói hình ảnh chỉ cái ghê và gãi ghê trên thân thể người tù. So sánh một chút, vui một chút để vượt khổ sở là thế.

Hai câu cuối thì rõ vui rồi, không chỉ vui mà còn tìm được bạn tri âm. Tất cả “nạn hữu” trong tù đều là “khách quý”, đều gãi ghê, đều “gảy đàn”, đều là “tri âm” của nhau.

Xuyên cầm, tù trung đô quý khách

Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm.

(Mặc gấm, trong tù đều là khách quý,

Gảy đàn, bạn tù đều là tri âm.)

Chẳng phải thế mà, trong bài Tảo (buổi sáng) Bác đã ghi lại cái cảnh tất cả bạn tù, sáng sớm mọi người đều bắt rận Tảo khởi nhân nhân tranh liệp sắt (Sớm dậy, người người đua nhau bắt rận).

Cái hay, cái ý tại ngôn ngoại của bài thơ Lại sang không chỉ là sự khổ sở ghê lở của tù nhân mà còn là tiếng cười, là tự trào, là trào lộng tạo ra bài thơ vui. Đọc thơ đâu còn là cảnh ghê lở đỏ, tím trên thân thể người tù, đâu còn là cảnh gãi ghê suốt ngày đêm khó chịu mà vô hình dung là nơi gặp gỡ của những bậc khách quý, cùng mặc áo gấm thêu hoa, cùng nhau gảy đàn vui vẻ, tri âm cùng nhau. Đó chính là một tiếng cười ẩn dụ, tiếng cười phủ nhận thực tế để vươn tới một thế giới khác, thế giới của nghệ thuật, thế giới

của sự sang trọng, tự do, thế giới của yêu thương, tôn trọng giữa người với người.

Khi đọc bài thơ này, Xuân Diệu cảm nhận: “Đến phong trần cũng phong trần thế thôi. Bác cũng bị ghê như ai, cũng ngứa như ai, và cũng hay gãi như ai, duy có khác là Bác làm nên những câu thơ thật ý vị, không biết đó là vui hay buồn sau cái nụ cười rất sâu sắc, thật là những câu thơ đặc biệt vừa có màu sắc lại vừa có âm thanh”; Hoài Thanh cho rằng: “Bài thơ nói đùa về chuyện ghê, kể tục một truyền thống cũ của thơ nhà tù, lại là một tiếng cười vui để lấy thêm sức mà chống đỡ”.

Có thể nói, Lại sang (ghê lở) là bài thơ cách điệu hóa, thú vị hóa theo lối châm biếm trên cái nền hiện thực qua tiếng cười rất đối hồn nhiên.

(1) Bản dịch khác của Nguyễn Sĩ Lâm:

Mình đầy xanh đỏ, như mang gấm

Sột soạt ngày đêm tựa gảy đàn;

Mang gấm, trong lao đều quý khách

Gảy đàn, bạn ngục thấy tri âm.

Bản dịch của Quách Tấn:

Đỏ tía – đầy mình như mặc gấm,

Luôn tay cọ gãi tựa chơi đàn;

Bạn tù mặc gấm: Khách sang

Chơi đàn: Bạn ngục là hàng tri âm.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Song Thập Nhất - Ngày 11 Tháng 11

雙十一

從前每到雙十一

紀念歐洲罷戰期

今日五洲同血戰

罪魁就是惡 NA-ZI

中華抗戰將六載

烈烈轟轟舉世知

勝利雖然有把握

仍須努力反攻時

抗日旌旗滿亞洲

旌旗大小有差殊

旌旗大的固須有

小的旌旗不可無

Dịch âm Hán - Việt:

Tòng tiền mỗi đáo song thập nhất,
Kỷ niệm Âu châu bãi chiến kỳ;
Kim nhật ngũ châu đồng huyết chiến,
Tội khôi tỵ thị ác Na-zi.
Trung Hoa kháng chiến tương lục tài,
Liệt liệt oanh oanh cử thế tri;
Thắng lợi tuy nhiên hữu bả ác,
Nhưng tu nỗ lực phân công thì.
Kháng Nhật tinh kỳ mãn Á châu,
Tinh kỳ đại tiểu hữu sai thù
Tinh kỳ đại đích cố tu hữu
Tiểu đích tinh kỳ bất khả vô.
Dịch nghĩa:
Trước kia, cứ đến ngày 11 tháng 11,
Là kỷ niệm ngày đình chiến ở châu Âu;
Nay cả năm châu đang cùng huyết chiến,
Tội phạm đầu sỏ chính là bọn Na-zi hung ác.
Trung Hoa kháng chiến đã gần sáu năm,
Oanh liệt vang lừng, cả thế giới đều biết;

Thắng lợi tuy rằng đã nắm chắc,
Nhưng vẫn phải gắng sức lúc phản công.
Cờ kháng Nhật dậy khắp châu Á,
Cờ lớn, cờ nhỏ có khác nhau;
Cờ lớn cố nhiên phải có,
Nhưng cờ nhỏ cũng không thể không có.

Dịch thơ:

Mười một tháng Mười một, bấy lâu
Mừng ngày đình chiến ở châu Âu
Năm châu huyết chiến, nay đang diễn
Lũ ác Na-zi, tội đứng đầu.
Gần sáu năm Trung Hoa kháng chiến
Oanh oanh liệt liệt, tiếng vang lừng
Tuy rằng thắng lợi nhiều phần chắc
Nỗ lực càng cần lúc phản công
Rầm rập Á châu, cờ kháng Nhật
Cờ tuy lớn nhỏ, cỡ không đồng
Cố nhiên cờ nhỏ là nên có
Cờ nhỏ cũng cần, chẳng thể không.(1)

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

CỜ NHỎ CŨNG CẦN, CHẶNG THỂ KHÔNG

Cái chính yếu của chùm thơ ba bài Song thập nhất (Ngày 11 tháng 11) là, từ phản ánh một thực tế đang diễn ra để đi đến điều chỉnh nhận thức, cách ứng xử sao cho đúng của đối tượng mà tác giả đề cập.

Bài thơ 72, 73 đều được kể rõ ràng, rành mạch theo trình tự lô gích của sự phát triển với nội dung trung thực, chân thực đúng hiện thực. Nếu diễn xuôi đầy đủ sẽ là: Ngày 11 tháng 11 là ngày kỷ niệm chấm dứt chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914-1918. Năm nay 1942, ngày kỷ niệm đến khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra ác liệt, cả năm châu đang cùng huyết chiến với phe trục phát xít Đức-Ý-Nhật mà đầu sỏ tội phạm chiến tranh chính là bọn Na-zi (Đức quốc xã) hung ác. Trong cuộc đại chiến thế giới thứ hai này, nhân dân Trung Quốc đã đứng lên làm cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật xâm lược. Cuộc kháng chiến đã trải qua gần 6 năm từ ngày 7-7-1937 đến cuối năm 1942. Cả thế giới đều biết cuộc chiến đấu oanh liệt của Trung Quốc. Thắng lợi hoàn toàn đang đến gần, tuy đã nắm chắc, nhưng vẫn phải gắng sức trong lúc phản công.

Điều đáng chú ý là, qua lời kể, qua cách bày tỏ, tác giả nhận thức và đánh giá chính xác tình hình, ca ngợi và ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Trung Quốc, đồng thời một gợi ý, một lời nhắc nhở, một quan điểm chiến lược đấu tranh cách mạng được nêu ra:

Thắng lợi, tuy nhiên hữu bả ác

Nhưng tu nỗ lực phản công thì.

(Thắng lợi tuy rằng đã nắm chắc

Nhưng vẫn phải gắng sức lúc phản công)

Nội dung hai bài thơ đã làm cơ sở, làm tiền đề, dẫn đến một vấn đề lớn, một thực tế đang tồn tại cần phải nhận thức đầy đủ, chính xác để có cách ứng xử đúng đắn được thể hiện trong bài thơ thứ 74.

Một phong trào kháng Nhật đã lan rộng khắp châu Á. Cờ kháng Nhật đã rầm rập tung bay ở các nước, cả nước lớn và nước nhỏ. Cờ to, cờ nhỏ tuy có khác nhau nhưng cùng một mục đích, một mục tiêu kháng Nhật. Tất cả đều cần thiết, là đồng minh của nhau. Lực lượng đồng minh to, nhỏ đều quan trọng, và đều được phát huy mới đem lại thắng lợi cho cuộc kháng Nhật. Cho nên trong cuộc đấu tranh chung không thể phân biệt nước lớn, nước nhỏ.

Cố nhiên cờ lớn là nên có

Cờ nhỏ cũng cần chẳng thể không.

Đó là chân lý có thể nói với bất cứ ai, nhưng ở bài thơ này phải chằng ngẫm nhắc nhở những ai đó đã không nhận thức đầy đủ và đã hành xử không đúng. Chẳng thế mà, đã từng xảy ra như đã nói trong hai bài thơ Các báo hoan nghênh Uy ki đại hội và Anh phỏng Hoa đoàn. Cùng đồng minh chống phát xít mà trịnh trọng đối với phái đoàn Mỹ, phái đoàn Anh khi đến thăm, trong khi Lại dành riêng một lối hoan nghênh cho một đoàn gọi là nước nhỏ đó sao.

(1) Bản dịch khác của Nam Trân:

Thuở trước nơi nơi đều kỷ niệm,

Mừng ngày đình chiến ở châu Âu;

Năm châu nay lại đang tuôn máu,

Bọn quý Na-zi tội đứng đầu
Trung Hoa kháng chiến sáu năm chầy,
Oanh liệt, vang lừng khắp đó đây;
Đến lúc phản công nên cố gắng,
Mặc dầu thắng lợi nắm trong tay.
Kháng Nhật cờ bay khắp Á châu,
Cờ to, cờ nhỏ chẳng đều nhau;
Cờ to đã hãn là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.

Bản dịch của Quách Tấn:

Mười một tháng mười một trước đây
Đình chiến châu Âu, vui nhớ ngày
Nay khắp năm châu bừng khói lửa
Đứng đầu tội ác quý Na-zi
Trung Hoa kháng chiến sáu năm trời
Oanh liệt danh lừng đã khắp nơi
Thắng lợi mặc dù tay nắm chắc
Phản công cố gắng gấp mười mươi.
Kháng Nhật, cờ bay rợp Á châu

Khổ cỡ to nhỏ chẳng đồng nhau

Cờ to nhất định là nên có

Cờ nhỏ mà không có được đâu.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

**Cảnh Báo (Thập Nhất Nguyệt Thập Nhị Nhật) - Báo Động (Ngày 12
Tháng 11)**

警報

(十一月十二日)

敵机浩蕩到天中

避襲人民跑一空

我們出籠避空襲

人人歡喜得出籠

Dịch âm Hán-Việt:

Địch cơ hạo dãng đão thiên trung,

Tỵ tập nhân dân bào nhất không;

Ngã môn xuất lung tỵ không tập,

Nhân dân hoan hỉ đắc xuất lung.

Dịch nghĩa:

Trên trời máy bay rầm rộ kéo tới,

Tránh oanh tạc, nhân dân vội chạy hết cả;
Chúng tôi cũng ra khỏi lao để tránh oanh tạc,
Ai nấy đều mừng rỡ được ra ngoài lao.

Dịch thơ:

Máy bay địch bỗng đến ào ào,
Tất cả nhân dân chạy xuống hào;
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Số lòng, ai nấy khoái làm sao! (1)

NAM TRÂN dịch

SỐ LÒNG, AI NẤY KHOÁI LÀM SAO

Bài thơ Cảnh báo (Báo động) Bác viết ngày 12-11, sau một ngày viết bài Song thập nhất (Ngày 11-11).

Thời gian này máy bay của quân phát xít Nhật không ngớt bay trên bầu trời Quảng Tây lúc trinh sát, lúc ném bom. Còi báo động thường rú lên suốt ngày, người tù cũng phải lánh nạn. Bài thơ ghi lại cảnh chạy tránh máy bay của người dân và người tù. Mỗi khi máy bay địch âm âm kéo tới, tất thấy nhân dân vội chạy hết để tránh oanh tạc.

Địch cơ họa đặng đáo thiên trung

Tỵ tập nhân dân bào nhất không;

Trước tình huống ấy, không thể khác, buộc nhà tù cũng phải mở cửa cho tù nhân tìm nơi ẩn nấp. Việc đó cũng là bình thường. Nhưng người tù

lại có cái vui được số lồng, ra ngoài nhà tù. Chi tiết này, sự thực này cho ta thấy sự bức xúc, tù túng của người tù đến mức nào. Giáo sư

NL. Niculin cho rằng: “Lòng khao khát tự do thể hiện qua nụ cười buồn dễ thấy”. Được ra ngoài để tránh oanh tạc của máy bay cũng là một dịp được hít thở không khí bên ngoài, được tự do, được thoải mái một chút. Vui một chút là như thế, cái vui của sự số lồng, còn vì sao được số lồng thì đã rõ. Câu kết bài thơ rõ là hoan hỉ, khoái cảm làm sao.

Nhân dân hoan hỉ đặc xuất lung.

Đúng là hoan hỉ, khoái làm sao bật ra từ một tâm trạng thực - quy luật của tâm lý, dù chỉ trong chốc lát, vui được số lồng, được ra ngoài nhà tù.

(1) Bản dịch khác của Nguyễn Mỹ Tài:

Máy bay địch rú giữa lưng trời

Lánh nạn, nhân dân chạy hết rồi

Tù được ra lao cùng ăn nếp

Được ra ngoài ngục thấy vui mừng.

Bản dịch của Huệ Chi:

Máy bay địch thoát rộ không trung,

Trốn hết, nhân dân chạy sạch không;

Tù phạm cũng tìm nơi trú ẩn,

Được ra ngoài ngục, khoái vô cùng.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

“Lữ Quán” - “Quán Trọ”

“旅館”

照例初來諸難友

必須睡在廁坑邊

假如你想好好睡

你要多花几塊錢

Dịch âm Hán-Việt:

Chiếu lệ sơ lai chư nạn hữu,

Tất tu thụ tại xí khanh biên;

Giả như nhĩ tưởng hảo hảo thụ,

Nhĩ yếu đa hoa kỷ khối tiền.

Dịch nghĩa:

Theo lệ, các bạn tù mới đến,

Ắt hẳn phải nằm ngủ cạnh hố xí;

Nếu anh muốn được ngủ yên một chút,

Anh phải chi ra một số khá tiền.

Dịch thơ:

Lệ thường tù mới đến,

Phải nằm cạnh cầu tiêu;

Muốn ngủ cho ngon giấc,

Anh phải trả tiền nhiều.(1)

NAM TRÂN dịch

PHẢI TRẢ TIỀN NHIỀU

Nếu ở bài Cước nạp (Cái cùm), cái oái oăm, trở trêu trong nhà tù, muốn được ngủ yên một chút phải tranh nhau cho chân vào cùm Được cùm chân mới yên bề ngủ, thì ở bài “Lữ quán” (Quán trọ) lại là cái oái oăm, trở trêu khác:

Lệ thường tù mới đến,

Phải nằm cạnh cầu tiêu;

Muốn ngủ cho ngon giấc,

Anh phải trả tiền nhiều.

Bài thơ được đặt tên là “Lữ quán” nhưng lại cho vào trong ngoặc kép. Tại sao vậy và mang ý nghĩa gì? Lữ quán nghĩa là quán trọ, nhà trọ. Đã là quán trọ muốn vào ngủ phải trả tiền. Ở đây nhà tù cũng như một quán trọ, tù nhân mới bị giải đến phải trả tiền mới có chỗ ngủ yên. Cho nên “Lữ quán” được cho vào ngoặc kép là ý mỉa mai, trào phúng vì người tù bị bắt

vào tù chứ có phải họ thuê chỗ ngủ đâu, nhà tù gì mà lại phải thuê chỗ ngủ, một sự việc, một hiện tượng không bình thường, oái oăm, trái khoáy.

Bài thơ ghi lại một sự thật, một sự trớ trêu đang tồn tại trong các nhà tù của chính quyền Trung Hoa dân quốc một cách khách quan bằng ngôn ngữ và lời nhận xét, bình luận rất nhẹ nhàng:

Giả như nhĩ tưởng hảo hảo thụ

Nhĩ yếu đa hoa kỷ khối tiền.

(Nếu anh muốn được ngủ yên (tốt) một chút

Anh phải chi ra một số khá tiền)

nhưng chính lời nhận xét, bình luận nhẹ nhàng này sẽ thấm sâu, chất trào lộng sẽ ngấm dần, ngấm dần là vậy. Ở câu thơ thứ ba cần lưu ý đến hai từ hảo hảo. Tiếng Trung Quốc nói hảo có nghĩa là tốt, hảo hảo là tốt tốt, tương đối tốt, kha khá một chút, nếu dịch hảo hảo thụ là ngủ ngon giấc thì chưa sát nghĩa lắm, trong văn cảnh Giả như nhĩ tưởng hảo hảo thụ, hảo hảo thụ có nghĩa là ngủ yên một chút, hoặc kha khá một chút mà thôi.

(1) Bản dịch khác của Nam Sơn:

Theo lệ, bạn tù khi mới đến,

Hổ tiêu, biết phạt tối năm bên.

Ví anh ngủ yên đôi chút

Anh phải chi ra một số tiền.

Bản dịch của Nguyễn Thế Nữ:

Theo lệ bạn tù vừa mới đến
Ngủ bên hố xí, lẽ đương nhiên
Giá như anh muốn ngủ khá chút
Anh phải chi thêm một ít tiền.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Tảo Tình - Năng Sớm

早晴

朝陽穿過籠全部

燒盡幽煙與暗霾

生氣頓時充宇宙

犯人個個笑顏開

Dịch âm Hán-Việt:

Triêu dương xuyên quá lung toàn bộ,

Thiên tận u yên dữ ám mai;

Sinh khí đốn thì sung vũ trụ,

Phạm nhân cá cá tiểu nhan khai.

Dịch nghĩa:

Năng sớm xuyên suốt toàn bộ nhà lao,

Thiên đốt sạch những làn khói mù u ám còn sót lại;

Sinh khí bỗng chốc tràn đầy vũ trụ,

Tù phạm ai nấy vẽ mặt tươi cười.

Dịch thơ:

Năng sớm mặt trời soi cả ngục,

Sương mù khói đặc bỗng tan hơi;

Tràn đầy sinh khí trong trời đất,

Tất cả tù nhân mặt nở tươi .(1)

NAM TRÂN dịch

TẤT CẢ TÙ NHÂN MẶT NỞ TƯƠI

Một bài thơ vui, mọi người đều vui: Tất cả tù nhân mặt nở tươi. Nhà tù u ám, thiếu ánh sáng, thiếu không khí, nhất là lại phải trải qua màn đêm dài trong bóng tối đen nên người tù bức bối, khó chịu luôn mong trời sáng để được hưởng chút ánh sáng mặt trời, hít thở không khí ban mai. Bài thơ Tảo tình (Năng sớm) đã vẽ nên bức tranh sinh động, bừng lên ánh sáng nắng mai:

Năng sớm mặt trời soi cả ngục,

Sương mù khói đặc bỗng tan hơi;

Tràn đầy sinh khí trong trời đất,

Tất cả tù nhân mặt nở tươi.

Năng sớm, cái ánh nắng mặt trời buổi sáng thật mạnh mẽ và kỳ diệu, nó xé tan màn đêm, trong phút chốc đem đến luồng sinh khí cho cả vũ trụ bao la, lan tỏa rộng khắp đất trời khiến mọi người đều được hưởng cái khoan khoái, cái sinh sắc của một ngày mới. Cái nắng sớm ấy cũng đã

xuyên qua các ngục tù, thiêu rụi những âm u, ám khí. Đối với tù nhân, họ đón nhận ánh sáng, ánh nắng mặt trời buổi sớm rạo rức một niềm vui, hân hoan, hớn hờ biết bao. Nhà tù không thể, làm sao mà cản được cái vui hồn nhiên trong cuộc sống.

Bức tranh nắng sớm đẹp nhất, mà trung tâm là nụ cười rạng rỡ của mọi người tiếp nhận cái ánh sáng, ánh nắng mạnh và tràn đầy sinh khí ấy, nói như Hoài Thanh: “Quý làm sao cái vui trên nét mặt những người đang sống trong cảnh tù tội”.

Phải là người trong cuộc, vượt lên những khổ cực đang phải chịu đựng, với một cách nhìn, một tâm hồn rộng mở, mới vẽ được nét kỳ diệu của nắng sớm và vẻ đẹp hân hoan của mọi người khi được hưởng thụ cái Nắng sớm đó. Cái Nắng sớm đó cũng chính là ước mơ về sự thay đổi, cải tạo cuộc sống, thiêu đốt sạch những âm u, mù ám của nhà tù.

(1) Bản dịch khác của Huệ Chi:

Nắng sớm xuyên qua nơi ngục thất,

Đốt tan khói đặc và sương dày;

Đất trời phút chốc tràn sinh khí,

Tù phạm cười tươi nở mặt mày.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Việt Hữu Tao Động Ung Báo, Xích Đạo Tấn 14.11

越有騷動

(邕報赤道訊十一月十二日)

寧死不甘奴隸苦

義旗到處又飄揚

可憐余做囚中客

未得躬親上戰場

Dịch âm Hán-Việt:

Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,

Nghĩa kỳ đao xứ hựu phiêu dương;

Khả liên dư tổ tù trung khách,

Vị đắc cung thân thương chiến trường.

Dịch nghĩa:

Thà chết quyết không chịu nỗi khổ làm nô lệ,

Cờ nghĩa lại tung bay khắp nơi;

Xót mình vẫn là khách trong tù

Chưa được đích thân ra nơi chiến trường.

Dịch thơ:

Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,

Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;

Xót mình giam hãm trong tù ngục,

Chưa được xông ra giữa trận tiền. (1)

NAM TRÂN dịch

CHƯA ĐƯỢC XÔNG RA GIỮA TRẬN TIỀN

Bài thơ Việt hữu tao động (Việt Nam có bạo động) Bác viết sau khi đọc báo Ung Ninh, báo này đưa lại tin của Xích đạo tấn ngày 14-11-1942 nói về các cuộc nổi dậy chống Pháp, chống Nhật đang nổ ra ở Việt Nam.

Việt Nam đã bị thực dân Pháp xâm lược thống trị gần 80 năm. Nay, tháng 9-1940, phát xít Nhật lại xâm lược nước ta. Nhân dân Việt Nam quyết không chịu sống dưới hai tầng áp bức của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã liên tục đứng lên đấu tranh vũ trang. Từ năm 1940, các cuộc khởi nghĩa liên tiếp bùng nổ. Tháng 9-1940, khởi nghĩa Bắc Sơn, tháng 11-1940, khởi nghĩa Đô Lương, tháng 1-1941, khởi nghĩa Nam Kỳ, nhưng các cuộc khởi nghĩa đều thất bại. Tháng 5-1941, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ, Mặt trận Việt Minh ra đời, gương cao ngọn cờ đoàn kết toàn dân, tiến hành các cuộc đấu tranh vũ trang, triển khai đấu tranh du kích, chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa. Những năm 1942, 1943, các cuộc nổi dậy vũ trang chống Pháp, Nhật nổ ra mạnh mẽ ở nhiều địa phương như Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên. Báo chí trong và ngoài

nước đều đưa tin về các cuộc nổi dậy này. Trong tù đọc báo Ung Ninh, biết được Việt Nam đang có biến, phong trào cách mạng đang lan rộng. Cái gì đến đã đến và đang đến, cho nên mở đầu bài thơ Việt hữu tao động (Việt Nam có báo động) Bác đã khẳng định mạnh mẽ quyết tâm của toàn dân tộc đang vùng lên:

Ninh tử, bất cam nô lệ khổ.

(Thà chết quyết không chịu nổi khổ làm nô lệ)

Và một hiện thực tràn đầy sức mạnh được thể hiện:

Nghĩa kỳ đáo xứ hựu phiêu dương.

(Cờ nghĩa lại tung bay khắp nơi)

Với hình ảnh nghĩa kỳ (lá cờ chính nghĩa) tung bay khắp mọi miền của Tổ quốc, một minh chứng cho phong trào cách mạng chống thực dân, phát xít đã rộng khắp và đang lên cao.

Đất nước đang chuyển biến, lịch sử chống xâm lược đang chuyển động mạnh, vậy mà mình lại đang bị giam cầm trong tù ngục ở nơi cũng gọi là đồng minh chống phát xít, lại là nước bạn nữa, nên càng bồn chồn lo âu, bức xúc, bức xúc đến cao độ. Đó là tâm trạng thực của người mà đất nước đang cần.

Xót mình giam hãm trong tù ngục,

Chưa được xông ra giữa trận tiền.

Bài thơ bộc lộ sự xót xa trong hoàn cảnh bị giam hãm trong tù ngục, nhưng cũng đồng thời thể hiện một ý chí mạnh, một quyết tâm cao.

(1) Bản dịch khác của Nam Sơn:

Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,

Tung bay cờ nghĩa khắp muôn phương;

Đáng thương ta khách trong tù ngục,

Chưa được đích thân ra chốn chiến trường.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Anh Phỏng Hoa Đoàn - Đoàn Đại Biểu Anh Sang Thăm Trung Hoa

英訪華團

美團去了英團到

到處欣逢熱烈情

我也訪華團一部

卻遭特種的歡迎

Dịch âm Hán-Việt:

Đoàn Mỹ khứ liễu Anh đoàn đáo,

Đáo xứ hân phùng nhiệt liệt tình;

Ngã dã “phỏng Hoa đoàn” nhất bộ,

Khước tao đặc chủng đích hoan nghênh.

Dịch nghĩa:

Đoàn Mỹ đi rồi, đoàn Anh tới,

Đến đâu cũng được tiếp đón nhiệt tình;

Ta cũng là một “Đoàn thăm Trung Hoa”

Lại được một kiểu hoan nghênh đặc biệt.

Dịch thơ:

Đoàn Mỹ đi rồi, đoàn Anh đến,

Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình;

Ta cũng một đoàn thăm quý quốc,

Lại dành riêng một lối hoan nghênh. (1)

NAM TRÂN và HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

LẠI DÀNH RIÊNG MỘT LỐI HOAN NGHÊNH

Bài thơ Anh phỏng Hoa đoàn (Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa) và bài Các báo: hoan nghênh Uy-ki đại hội (Các báo đăng tin: hội họp lớn hoan nghênh Uy-ki) cùng một mô típ, cùng một kiểu tổ chức kết cấu, cùng tỏ rõ một thái độ... Cả hai bài thơ đều viết sau khi Bác đọc báo biết tin phái đoàn Mỹ và Anh đến thăm Trung Hoa (các cuộc viếng thăm dồn dập, tháng 10 đoàn Mỹ, tháng 11 đoàn Anh) đều được nhiệt liệt hoan nghênh. Vậy mà...

Tuy nhiên, bài thơ Các báo: hoan nghênh Uy-ki đại hội là nói với Uy-ki, trò chuyện với Uy-ki về cách đối xử của chính quyền Trung Hoa dân quốc với hai đoàn đại biểu của Mỹ và của Việt Nam. Hai đoàn cùng đến Trung Hoa với mục đích hợp tác trong đồng minh chống chiến tranh, ủng hộ Trung Quốc chống phát xít Nhật mà lại đối xử khác biệt nhau, thì bài Anh phỏng Hoa đoàn (Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa) chủ yếu là mình nói với mình, là sự suy ngẫm về thế sự, từ đó khách quan toát ra thái độ phản ứng về sự bất công, về bản chất của chính quyền Trung Hoa dân quốc. Tuy nhiên GS. Đặng Thanh Lê cho rằng: “Cảm hứng vượt biên” là sự phản ánh nghệ thuật của hiện thực lịch sử đương thời. Bởi so với cuộc thế

chiến thứ nhất, cuộc thế chiến thứ hai có ý nghĩa toàn cầu rộng lớn hơn. Trái tim và trí tuệ gắn bó sâu sắc với cuộc đấu tranh chung của toàn nhân loại, Hồ Chí Minh thể hiện một nhãn quan nhạy bén về mối quan hệ toàn cầu: những quan hệ phức tạp tế nhị trên trường chính trị thế giới, các lực lượng khác nhau trong cùng một trận chống phát xít. Những điều đã xảy ra không thể chấp nhận được, nhưng tác giả thể hiện bằng những lời lẽ ôn tồn, giản dị mà sâu sắc. Không đánh võ mặt mà lịch sự, để cái hiện thực tự bộc lộ, một kiểu trào phúng mỉa mai. Cái đau cho chính quyền ấy càng ngấm sâu:

Đoàn Mỹ đi rồi đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình;
Ta cũng một đoàn thăm quý quốc,
Lại dành riêng một lối hoan nghênh.

(1) Bản dịch khác của Nam Sơn:

Hết đoàn Mỹ, đến đoàn Anh
Tới đâu cũng được nhiệt tình đón đưa;
“Ta thăm nước bạn” không ngờ,
Hoan nghênh đặc biệt dành cho kiêu này!

Bản dịch của Quách Tấn:

Vừa qua đoàn Mỹ tới đoàn Anh
Đón tiếp nơi nơi rõ nhiệt tình

Ta cũng đến thăm Trung Quốc vậy
Lại bằng riêng biệt lối hoan nghênh.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

**Giải Vãng Vũ Minh (Thập Nhất Nguyệt Thập Bát Nhật) - Giải Đi Vũ
Minh (Ngày 18 Tháng 11)**

解往武鳴

既解到南寧

又解返武鳴

鸞鸞曲曲解

徒延我行程

不平

Dịch âm Hán-Việt:

Ký giải đảo Nam Ninh,

Hựu giải phản Vũ Minh;

Loan loan, khúc khúc giải,

Đồ diên ngã hành trình.

Bất bình!

Dịch nghĩa:

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quanh queo queo mãi,
Kéo dài cuộc hành trình của ta.

Bất bình!

Dịch thơ:

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh queo mãi,
Kéo dài cả hành trình,

Bất bình!

VĂN PHỤNG và VĂN TRỰC dịch.

KÉO DÀI CẢ HÀNH TRÌNH - BẤT BÌNH

Sau một thời gian bị giam cầm ở nhà lao Nam Ninh, Bác lại bị giải đến Vũ Minh.

Vũ Minh là một huyện thuộc thành phố Nam Ninh, cách Nam Ninh về phía Bắc 40km. Câu thơ thứ hai Hựu giải phản Vũ Minh. Giải phản có nghĩa là giải trở về (Lại giải về Vũ Minh). Theo GS. Hoàng Tranh (Trung Quốc): “Hình như Hồ Chí Minh có sự nhầm về phương hướng, Người vẫn ngỡ rằng mình bị giải trở lại con đường cũ” nhưng Vũ Minh lại ở phía Bắc thành phố Nam Ninh, như vậy là Bác bị giải lên hướng Bắc đến Vũ Minh rồi mới bị giải đi Liễu Châu.

Có thể có sự nhầm về phương hướng, nhưng cái chủ đạo của bài thơ Giải vãng Vũ Minh để thể hiện sự bất bình. Sao cứ giải đi mãi, cứ giải huyện này sang huyện khác, đã bao lần giải thích, đề đạt, đấu tranh vẫn không được giải quyết, vẫn không có hồi âm. Vậy là cuộc hành trình đến Trùng Khánh cứ bị kéo dài; việc lớn chưa thực hiện được, sự bất bình bị dồn nén không kiềm chế được nữa đã bộc lộ thẳng thắn, quyết liệt ở hai câu cuối bài thơ.

Loan loan khúc khúc giải,

Đồ diên ngã hành trình

Bất bình!

(Giải đi quanh quẹo mãi

Kéo dài cả hành trình

Bất bình!)

GS. Nguyễn Khắc Phi cho rằng: Từ bất bình đã vang lên như một tiếng thét căm hờn do được đặt đúng chỗ kết thúc của một bài thơ yết hậu phá cách và quá khổ. GS. Lê Trí Viễn nhận xét: Giải đi Vũ Minh là một sự bực tức không cầm được mà phải buột mồm thành hai chữ bất bình đập mạnh xuống cuối câu, như một cây gậy đánh vào sự vô lý, oan ức.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Bào Hương Cầu Nhục Thịt - Chó Ở Bào Hương

芭鄉拘肉

過果德時吃鮮魚

過芭鄉時吃狗肉

可見一般迎解人

生活有峙也不俗

Dịch âm Hán - Việt:

Quá Quả Đức thì ngật tiên ngư,

Quá Bào Hương thì ngật cầu nhục;

Khả kiến nhất ban đệ giải nhân,

Sinh hoạt hữu thì dã bất tục.

Dịch nghĩa:

Khi qua Quả Đức, ăn cá tươi,

Khi qua Bào Hương, ăn thịt chó;

Thế mới biết bọn lính giải tù,

Sinh hoạt đôi khi cũng tỏ ra sành sỏi.

Dịch thơ:

Qua Quả Đức thì chén cá tươi,

Qua Bào Hương lại xơi thịt chó;

Cho hay bọn giải tù nhân này,

Cách sống đôi khi cũng sành đó. (1)

ĐỖ VĂN HỸ dịch

VỀ KHOA ẤM THỰC TOÀN TAY LỖI ĐỜI

Cái cảnh một túp lều tranh quá đơn sơ ở ven đường chỉ có cháo hoa và muối trắng cho người nghèo độ chân và độ thân trong cảnh đường xa trời nắng (Chúc than - Hàng cháo) đối ngược với cảnh lính giải tù thông thạo, lọc lõi về những quán ăn đặc sản như ở Quả Đức, Bào Hương (Bào Hương cầu nhục - Thịt chó ở Bào Hương).

Bài thơ Bào Hương cầu nhục kể lại về sự sành ăn của lính giải tù:

Quá Quả Đức thì ngật tiên ngư,

Quá Bào Hương thì ngật cầu nhục.

(Khi qua Quả Đức, ăn cá tươi

Khi qua Bào Hương, ăn thịt chó)

Bào Hương thuộc huyện Vũ Minh, cách huyện lỵ Vũ Minh 15km về phía Đông Bắc trực thuộc thị trấn Lục Oát. Huyện Vũ Minh, trước đây gọi là Bào Kiều Hương, ngày nay gọi là làng Bào Kiều (Bào Kiều Khu). Nhân dân làng này rất thích ăn thịt chó, nhưng theo phong tục tập quán cũ thường

không được giết chó trong nhà, mà phải ăn thịt chó ở các cửa hàng thịt chó bên ngoài, vì vậy, các quán thịt chó ở vùng này rất nhiều, quán nổi quán.

Khi bị giải đến Quả Đức, Bào Hương, Bác chứng kiến lính giải tù đánh chén các loại đặc sản của từng vùng, đến Quả Đức ăn cá tươi, đến Bào Hương xơi thịt chó, thì nghịch cảnh thay, các tù nhân chỉ được ăn cháo ở quán ven đường.

Từ thực tế Đệ giải nhân (Người giải phạm nhân) sành ăn, chọn ăn đặc sản, Bác đã hạ hai câu thơ rất hóm hình:

Khả kiến nhất ban đệ giải nhân,

Sinh hoạt hữu thì dã bất tục.

Hải Như dịch hai câu thơ này khá hóm hình:

Giải tù xem bọn lính này

Về khoa ẩm thực toàn tay lối đời.

(1) Bản dịch khác của Trần Đắc Thọ:

Quả Đức khi qua, chén cá tươi,

Đến Bào Hương, thịt chó tìm xơi;

Mới hay cánh giải tù nhân ấy,

Sinh hoạt ra điều cũng chịu chơi.

Bản dịch của Hải Như:

Qua Quả Đức, nhắm cá tươi

Ghé Bào Hương, chúng lại xơi thịt cây;

Giải tù xem bọn lính này,

Về khoa ẩm thực toàn tay lỗi đời.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Đăng Quang Phí - Tiền Đèn

燈光費

入籠要納燈光費

桂幣人人各六元

步入朦朧幽暗地

光明值得六元錢

Dịch âm Hán-Việt:

Nhập lung yển nạp đăng quang phí,

Quế tệ nhân nhân các lục nguyên;

Bộ nhập mông lung u ám địa,

Quang minh trị đắc lục nguyên tiền!

Dịch nghĩa:

Vào tù phải nộp khoản tiền đèn,

Tiền Quảng Tây mỗi người sáu đồng;

Vào chỗ tối tăm mù mịt

Ánh quang minh đáng giá có sáu đồng.

Dịch thơ:

Vào lao phải nộp khoản tiền đèn,

Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu “nguyên”;

Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy,

Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền.(1)

NAM TRÂN dịch

QUANG MINH ĐÁNG GIÁ BẤY NHIÊU TIỀN

Bị bắt vào tù, tù nhân phải nộp nhiều thứ tiền, lệ nhà tù tự đặt ra, bắt người tù phải thực hiện. Nếu không có, hoặc nộp không đủ tiền thì nhiều sự phiền hà, cực khổ sẽ ập đến ngay.

Nếu ở bài thơ Lữ quán (Quán trọ), tù nhân vào tù muốn có chỗ ngủ yên ổn phải mua khá nhiều tiền, thì ở bài thơ Đăng quang phí (Tiền đèn) này, tù nhân muốn có ánh sáng cũng phải nộp một khoản tiền đèn mua ánh sáng.

Nhập lung yển nạp đăng quang phí

Quế tệ nhân nhân các lục nguyên.

(Vào tù phải nộp một khoản tiền đèn,

Tiền Quảng Tây mỗi người sáu đồng.)

Quế tệ: Quế là tên gọi khác tỉnh Quảng Tây, Quế tệ là loại giấy bạc do chính quyền địa phương Quảng Tây phát hành, lưu thông trong tỉnh. Vào

tù, mỗi tù nhân phải nộp tiền đèn để có chút ánh sáng, mỗi người phải nộp 6 đồng tiền Quảng Tây. Kể lại sự việc này, tác giả bình luận khá thâm thúy:

Bộ nhập môn lung u ám địa

Quang minh trị đắc lục nguyên tiền.

(Vào chỗ tối tăm mù mịt

Ánh quang minh đáng giá có sáu đồng).

Quang minh có hai nghĩa, một là: chỉ ánh sáng; hai là: chỉ sự trong sáng, quang minh chính đại.

Một sự đối lập, một cách chơi chữ. Quang minh đối lập với môn lung u ám. Vào chỗ tối tăm mù mịt như vậy, muốn có ánh sáng (cái thứ quý giá) cần cho con người mà chỉ đáng giá có sáu đồng thôi à. Mĩa mai, châm biếm bộc lộ rõ được thể hiện ở hai mặt: một là: vào tù muốn có ánh sáng phải nộp tiền, mua ánh sáng; hai là: cái ánh sáng quang minh ấy sao rẻ thế, chỉ có sáu hào. Trớ trêu đến thế là cùng. Lời châm biếm nhẹ nhàng nhưng ngầm kỹ rất sâu. Nói như Hoài Thanh: “Bài thơ đánh thép như một cái tát đánh vào mặt kẻ thù”.

(1) Bản dịch khác của Quách Tấn:

Vào lao phải nộp tiền đèn,

Tiền Quảng Tây đúng sáu nguyên mỗi người.

Vào nơi đen tối ngập trời,

Sáu nguyên được sáng, giá hời biết bao.

Bản dịch của Nguyễn Thế Nữ:

Vào lao phải nộp tiền đên ngay,

Mỗi suất sáu đồng tiền Quảng Tây.

Vào chốn tối tăm u ám ấy,

Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Ngục Trung Sinh Hoạt - Sinh Hoạt Trong Tù

獄中生活

每人各有一火爐

大大小小幾個鍋

煮飯煮茶又煮菜

成天煙火沒時無

Dịch âm Hán-Việt:

Mỗi nhân các hữu nhất hỏa lô,

Đại đại, tiểu tiểu kỷ cá oa;

Chữ phạn, chữ trà hựu chữ thái,

Thành thiên yên hỏa một thì vô.

Dịch nghĩa:

Mỗi người đều có một hỏa lò,

Cùng mấy cái nồi lớn, nồi nhỏ;

Thối cơm, đun trà, lại nấu thức ăn

Suốt ngày khói lửa không lúc nào ngớt.

Dịch thơ:

Hỏa lò ai cũng có riêng rồi,

Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;

Cơm, nước, rau, canh đun với nấu,

Suốt ngày khói lửa mãi không thôi. (1)

NAM TRÂN dịch

SUỐT NGÀY KHÓI LỬA MÃI KHÔNG THÔI

Đọc Ngục trung sinh hoạt (Sinh hoạt trong tù) ta như bắt gặp đâu đây bài Quả Đức ngục (Nhà ngục Quả Đức). Hai bài thơ cùng một nội dung, cùng một hình thức thể hiện. Nếu đem so với nguyên bản chữ Hán thì sự giống nhau rất rõ, ý, tứ, chi tiết, lối diễn đạt, nếu có khác chẳng chỉ một ít từ ngữ và trật tự câu thơ nhưng lại cùng một kiểu cấu trúc bài thơ.

Ở đây mọi sinh hoạt trong tù, cũng mỗi người một bếp, cũng suốt ngày khói lửa đun nấu, cũng lịch kịch đủ thứ đồ ăn thức uống, cũng giống như một tiểu gia đình vậy, không khác gì nhà ngục Quả Đức.

Tuy nhiên hai bài thơ cũng có một số điểm khác nhau. Ngục trung sinh hoạt, Bác đã bị giải, bị giam ba tháng rồi, lúc này là cuối tháng 11-1942, Bác đã trải qua mấy nhà tù. Nếu Quả Đức ngục viết về một nhà tù cụ thể, đó là nhà ngục Quả Đức với cái ngõ ngang, lạ lẫm, phòng giam mà như thể một gia đình nhỏ, thì Ngục trung sinh hoạt không còn là một phòng giam cụ thể nữa, nói như một nhà nghiên cứu, “mọi thứ đã được diễn hình hóa”, từ cái cụ thể, cá biệt đã được chuyển thành cái phổ biến của cảnh sinh hoạt trong tù.

Qua bài thơ, rõ là, hiển hiện một cuộc sống tù túng, bức bách, một cuộc sống quẩn quanh, chán chường, vô vọng đến mức đáng sợ của chính người tù. Và, nếu như “Nhà lao Quả Đức có tính chất như một bức ký họa lưu giữ được những hình ảnh sinh động, sắc nét thì bài Sinh hoạt trong tù có thể xem như một tác phẩm mang ý nghĩa khái quát cao” (Đào Thán).

Qua hai bài thơ Ngục trung sinh hoạt và Quả Đức ngục, người đọc nhận rõ tư duy nghệ thuật của Bác là nhất quán, cùng một thiên hướng, một năng lực sáng tạo và cảm nhận sâu sắc ý nghĩa hai bài thơ.

(1) Bản dịch của Quách Tấn:

Mỗi người một chiếc hỏa lò

Còn thêm nho nhỏ to to những nồi

Cơm canh trà nước nấu hoài

Suốt ngày khói lửa không hồi nào không.

Bản dịch của Hoàng Đĩnh:

Hỏa lò một chiếc, người đều có,

To, nhỏ còn thêm mấy cái nồi.

Cơm nấu, trà đun, rau lại luộc

Suốt ngày khói lửa chẳng hề ngơi.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Quách Tiên Sinh - Tiên Sinh Họ Quách

郭先生

萍水相逢談片刻

郭君對我甚慇懃

雪中送炭雖然少

世界仍存這種人

Dịch âm Hán - Việt:

“Bình thủy tương phùng”, đàm phiến khắc,

Quách quân đối ngã thậm ân cần;

“Tuyệt trung tống than” tuy nhiên thiếu,

Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân.

Dịch nghĩa:

“Bèo nước gặp nhau”, chuyện trò chốc lát,

Bác Quách đối với ta hết sức ân cần;

Những người “trong tuyết cho than” tuy rằng ít,

Nhưng trên đời vẫn còn những người như thế.

Dịch thơ:

“Gặp nhau bè nước”, chuyện gần xa,

Ông Quách ân cần đối đãi ta;

“Rét đến cho than”, không mấy kẻ,

Đời nay người thế vẫn còn mà. (1)

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

ĐỜI NAY NGƯỜI THẾ VẪN CÒN MÀ

Hần bài thơ Quách tiên sinh (Tiên sinh họ Quách), Bác ghi lại lời tâm sự của mình với một “nạn hữu” nào đó. Câu thơ mở đầu đúng là lời tâm sự:

“Bình thủy tương phùng”, đàm phiến khắc,

“Bèo nước gặp nhau”, chuyện trò chốc lát)

Bình thủy tương phùng là thành ngữ, nghĩa là bè nước gặp nhau, thành ngữ này ý chỉ cuộc gặp gỡ của những người xa lạ cùng cảnh ngộ, họ ngẫu nhiên và may mắn gặp nhau, cảm thông chia sẻ cùng nhau. Thành ngữ này có nguồn gốc từ ý của Vương Bột trong bài Đăng vương các tự: “Biên thủy tương phùng, tận thị tha hương chi khách (Bèo nước gặp nhau, toàn là những khách tha hương).

Trong cuộc gặp gỡ bè nước này họ đã kể cho nhau nghe về một người cai tù ân cần đối đãi với tù nhân không giống như các cai tù khác chỉ một mực hành hạ tù nhân. Lời kể và thái độ tỏ ra rất kính trọng:

Quách quân đối ngã thậm ân cần

(Ông Quách đối với ta hết sức ân cần)

Ngay đầu đề bài thơ đã thể hiện một sự kính trọng, gọi người cai tù họ Quách là tiên sinh. Ở Trung Quốc, tiên sinh được dùng cho những người được tôn trọng, đề cao, một phép lịch sự, một thái độ ứng xử văn hóa.

Trong tù, những cai tù như Quách tiên sinh chỉ là hạn hữu, nhưng nó chứng tỏ trên thế gian này, dù ở nơi tối tăm u ám nhất vẫn còn những đốm sáng, vẫn có những con người nhân bản, giúp đỡ những người hoạn nạn. Từ sự ân cần đối đãi của Quách tiên sinh, Bác hạ hai câu thơ như một lời bình luận, một phát biểu mang ơn, một cái nhìn, một khẳng định, một niềm tin nơi con người:

“Tuyệt trung tống thán” tuy nhiên thiếu

Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân

(Những người “Trong tuyết cho than” tuy rằng ít

Nhưng trên đời vẫn còn những người như thế)

Tuyệt trung tống thán là một thành ngữ có nghĩa là cho than sưởi ấm những ngày tuyết rơi, đã toát ý giúp đỡ người khác lúc hoạn nạn. Thành ngữ này lấy từ tích vua Tống Thái Tông năm Thuận Hóa thứ tư (993), thấy trời rét tuyết rơi đã sai quân đem gạo và than cho người già và người nghèo. Phạm Thành Đại trong một bài thơ có câu Bất thị tuyết trung ửng tống thán (Phải chăng ngày có tuyết phải cho than). Việc sử dụng hai thành ngữ cổ Bình thủy tương phùng, Tuyệt trung tống thán đã làm tăng biểu hiện lòng tôn kính đối với tiên sinh họ Quách.

(1) Bản dịch của Nguyễn Thế Nữ:

Bèo nước gặp nhau chuyện chốc lát,

Với ta ông Quách thật ân cần.

“Cho than trong tuyết” tuy nhiên ít;

Người tốt vẫn còn trên thế gian.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Thiên Giang Ngục - Ngục Thiên Giang

遷江獄

籠外六十九人盎

籠中的盎不知數

監房卻像創藥堂

又像街上買盎鋪

Dịch âm Hán - Việt:

Lung ngoại lục thập cửu nhân áng,

Lung trung đích áng bất tri số;

Giam phòng khước tượng bào dược đường,

Hưu tượng nhai thượng mại áng phố.

Dịch nghĩa:

Ngoài lao sáu mươi chín cái ang người,

Ang để trong lao nhiều vô kể;

Buồng giam mà giống nhà bào chế thuốc,

Lại cũng giống hệt cửa hàng bán ang ngoài phố.

Dịch thơ:

Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,

Ang chất trong lao biết mấy mươi;

Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,

Gọi là hàng chính cũng không sai.(1)

BĂNG THANH dịch

ANG CHẤT TRONG LAO BIẾT MẤY MƯƠI

Tại Thiên Giang và nhà ngục Thiên Giang (2) có một hiện tượng kỳ lạ là trong và ngoài nhà ngục đều có rất nhiều nhân áng (vật dụng chôn người chết) mà Bác đã ghi lại trong bài thơ Thiên Giang ngục (Nhà ngục Thiên Giang).

Áng còn gọi là ang - cái ang, một loại chum bằng gốm miệng nhỏ có nắp đậy. Ở Thiên Giang và một số vùng ở tỉnh Quảng Tây có tục chôn người chết bằng ang. Theo GS. Hoàng Tranh (Trung Quốc), ang là một loại bình bằng gốm, bụng to, giống cái chum, dân vùng này gọi là Kim Tháp dùng để đựng hài cốt sau khi cải táng (chôn hài cốt lần thứ hai). Lần thứ nhất chôn thi thể trong quan tài gỗ, lần thứ hai, sau vài năm thì bốc mộ, bỏ xương vào bình gốm (ang) chôn tiếp hoặc giữ lại. Theo cụ Trần Đắc Thọ trong Hồ Chí Minh - thơ toàn tập, ở Thiên Giang có tục chôn người chết bằng ang. Người chết được chôn theo tư thế ngồi. Có lẽ ở Thiên Giang không có tục cải táng, nên trong thơ tác giả không đề cập đến loại ang nhỏ. Cụ Trần Đắc Thọ cũng cho biết: Ở Việt Nam khá nhiều mộ chum niên đại khoảng 2500 - 3000 năm trước đây, thuộc văn hóa Sa Huỳnh, tại huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Mộ chum khai quật được hồi tháng 5-1994, có

đường kính rộng 36cm, nắp chum 52cm, cao khoảng 80-90cm. Trong chum có đồ tùy táng. Về tục chôn người bằng ang ở Thiên Giang cần được khảo cứu thêm.

Ấn tượng của tác giả bài thơ, cái ang - vật dụng chôn người ở Thiên Giang là nhiều vô kể Lung trung đích áng bất tri số. Trong ngục, ngoài ngục và các cửa hàng bán ang ở ngoài phố đều giống nhau, hết như nhau. Nhưng ấn tượng mạnh nhất, sâu nhất và cũng lạ nhất là trong buồng giam sao có nhiều ang đến vậy, giống hết như các cửa hàng bán ang ngoài phố, cũng được sắp xếp như một nhà bào chế thuốc đông dược.

Từ nội dung bài thơ, có thể nghĩ đến, với chế độ hà khắc của nhà tù, tù nhân bị bỏ đói hoặc chỉ được ăn cháo, chỗ giam giữ lại mất vệ sinh, lại bị thăm vấn liên hồi, bị tra tấn, cùm kẹp, rồi bệnh tật, muỗi rệp, rét mướt thi nhau tấn công từ tứ phía... trong khi sức chịu đựng của người tù chỉ có hạn, khả năng duy trì sự sống là rất nhỏ, nay sống mai chết là sự thường (Hôm qua còn ngủ bên tôi/ Sáng nay anh đã về nơi suối vàng). Cái chết chông cái chết, nhiều tù nhân chết nên trong tù mới chất nhiều ang đến thế. Ấu đó là một sự thật.

(1) Bản dịch khác của Trần Đắc Thọ

Ngoài ngục, ang người, sáu chín cỗ,

Bao ang trong ngục không tường số;

Phòng giam chẳng khác bào dược đường,

Lại giống hàng ang bán ngoài phố.

(2) Thiên Giang là tên một huyện thời Trung Hoa dân quốc, nay là thị trấn thuộc khu Hưng Tân, thành phố Lai Tân, cách Tân Dương 49km về

phía Bắc, cách Lai Tân 42km.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Tháp Hỏa Xa Vãng Lai Tân - Đạp Xe Lửa Đi Lai Tân

搭火車往來賓

幾十日來勞走路

今天得搭火車行

雖然只得坐炭上

畢竟比徒步漂亮

Dịch âm Hán - Việt:

Kỷ thập nhật lai lao tẩu lộ,

Kim thiên đặc tháp hỏa xa hành;

Tuy nhiên chỉ đặc tỏa thán thượng,

Tất cánh tử đồ bộ phiêu lượng.

Dịch nghĩa:

Mấy chục ngày qua đi bộ mệt nhoài,

Hôm nay được đạp xe lửa;

Dù chỉ được ngồi trên đồng than,

Nhưng so với đi bộ còn sang chán.

Dịch thơ:

Cuốc bộ mấy mươi ngày vất vả,

Hôm nay được bước lên xe hỏa;

Dù rằng chỉ ngồi trên đồng than,

Sang gấp mấy lần khi cuốc bộ.(1)

ĐỖ VĂN HỸ và HUỆ CHI dịch

DÙ RẰNG CHỈ NGỒI TRÊN MỘT ĐỒNG THAN

Từ Thiên Giang Bác bị giải đi Lai Tân (2).

Lúc đầu là giải đi bộ, sau một chặng đường bỗng đột nhiên, bất ngờ được đưa lên xe lửa chở than. Được ngồi xe lửa, dù chỉ ngồi trên đồng than của toa tàu chở than thì vẫn sung sướng gấp bội so với bị giải bộ. Đang phải cuốc bộ, dép rách, chân đau mà được ngồi xe chở đi, thân đỡ cực, cứ vui cái đã. Cái vui rất tự nhiên, rất đời thường và được bộc lộ rất tự nhiên.

Ngồi trên đồng than, Bác ghi lại cái phút sướng, cái phút vui tự nhiên được hưởng, dẫu rằng chỉ trong khoảng thời gian ngắn, một khoảnh khắc thôi, bởi Lai Tân cách Thiên Giang chỉ có 40km. Cái vui này đã thành thơ: Kim thiên đắc tháp hỏa xa hành (Hôm này được đáp xe lửa). Chính cái vui đã khiến cách diễn tả ngôn từ cũng rất vui: được đáp xe lửa. Chữ tháp của Hán tự có nghĩa là gắn vào, cắm vào, trong văn cảnh bài thơ này có nghĩa là đáp, từ mà những người quyền quý, giàu có thường dùng để thể hiện sự sang trọng, chứ dân chúng chỉ nói là đi (xe lửa). Dùng chữ đáp là Bác có ý hài đấy, đùa vui một chút cho đỡ nổi khổ cực bị giải tù, mấy khi mà được đáp xe lửa, mình cũng sang trọng đấy chứ.

Trên hành trình bị giải, giải bộ, giải thuyền, giải xe lửa, mặc dù cực khổ nhưng Bác luôn luôn chủ động và làm chủ mình, không để nỗi khổ cực chi phối.

Giải bộ thì:

Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

Giải thuyền thì:

Làng xóm ven sông đông đúc thế

Thuyền câu rẽ sóng rộng thênh thênh.

Bây giờ ngồi trên xe lửa thì:

Sang gấp mấy lần khi cuốc bộ.

(1) Bản dịch khác của Nam Trân:

Vất vả mấy mươi ngày cuốc bộ,

Nay nhìn xe lửa vẻ đàng hoàng;

So với cuốc bộ còn sang chán,

Dù chỉ ngồi trên một đống than.

(2) Lai Tân là huyện thời Trung Hoa dân quốc, nay trở thành khu (quận) Hưng Tân, trực thuộc thành phố Lai Tân ở cấp địa khu trên cấp huyện theo cấp quản lý của Trung Quốc hiện nay. Những năm 40 của thế kỷ XX gần huyện lỵ Lai Tân có cơ sở khai thác than, có đường xe lửa chuyên chở than của Công ty Hợp Sơn.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Tha Tưởng Đào - Anh Ấy Muốn Trốn

他想逃

一心只想自由境

拚命跳車他走開

可惜他跑半里許

又被警兵捉回來

Dịch âm Hán - Việt:

Nhất tâm chỉ tưởng tự do cảnh,

Biền mệnh khiêu xa tha tẩu khai;

Khả tích tha bào bán lý hử,

Hựu bị cảnh binh tróc hồi lai!

Dịch nghĩa:

Một lòng chỉ mong mỗi cảnh tự do,

Liều mạng nhảy xuống xe, anh ấy trốn;

Tiếc thay, mới chạy chừng nửa dặm,

Lại bị cảnh binh bắt mang về.

Dịch thơ:

Tự do anh ấy hằng mong mãi,

Liều mạng đâm nhào nhảy xuống xe;

Rủi quá chạy đâu chừng nửa dặm,

Bị ngay cảnh sát bắt lôi về.(1)

NAM TRÂN dịch

LIỀU MẠNG ĐÂM NHÀO NHẢY XUỐNG XE

Một sự việc thật được ghi lại. Trên toa tàu chở than từ Hợp Sơn đến Lai Tân mà Bác ngồi trên đồng than, còn có một số tù nhân cũng bị giải đi Lai Tân. Trong số đó có “anh ấy” vì muốn thoát cảnh tù để được tự do nên đã liều mạng nhảy tàu chạy trốn, nhưng tiếc thay mới chạy được chừng nửa dặm thì bị lính giải bắt lại. Đúng là nhật ký, ghi lại, kể lại sự việc thật, khách quan, chân thực.

Điều đáng nói ở đây, khách quan từ bài thơ toát ra sự cảm thương của người cùng cảnh bị giải tù. Đã vào tù là mất hết tự do, nên mong mãi tự do, khao khát tự do cháy bỏng, luôn luôn thường trực trong người bị tù. Mọi người tù không ai chịu ngồi yên, đều tìm mọi cách để thoát tù, để được tự do người thì bằng đấu tranh công lý, người thì bằng cách trốn tù... Có người sẵn sàng liều mạng như “anh ấy”, có cơ hội là liều mạng ngay. Nhảy tàu lúc tàu đang chạy cũng nguy hiểm đến tính mạng lắm chứ, nhưng mong hưởng tự do, khao khát tự do lớn lắm nên sẵn sàng hành động, dù cho rủi ro, nguy hiểm đến mấy.

Tác giả bài thơ Tha tướng đào (Anh ấy muốn trốn) là người chứng kiến từ đầu đến cuối, từ lúc “anh ấy” nhảy tàu đến khi bị bắt trở lại đã thốt lên hai chữ khả tích với nguyên nghĩa chữ Hán là, đáng tiếc cho, bản dịch Quách Tấn chuyển nghĩa là tiếc thay bao hàm sự cảm thông, chia sẻ mà cao nhất là tình thương.

(1) Bản dịch của Quách Tấn:

Tự do lòng những ước ao,

Trên xe liều mạng nhảy nhào xuống xe;

Chạy chùng nửa dặm, ai dè

Cảnh binh đuổi kịp bắt về... tiếc thay.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Đáo Liễu Châu - Đến Liễu Châu

到柳州

千阜萬苦非無限

九日吾人到柳州

回顧百餘天惡夢

醒來面尚帶餘愁

Dịch âm Hán - Việt:

Thiên tân vạn khổ phi vô hạn,

Cửu nhật ngô nhân đáo Liễu Châu;

Hồi cổ bách dư thiên ác mộng,

Tỉnh lai diện thượng đới dư sầu.

Dịch nghĩa:

Muôn cay nghìn đắng không phải là vô hạn,

Ngày mồng chín, ta đến Liễu Châu;

Ngoảnh lại, hơn trăm ngày ác mộng,

Tỉnh ra, trên mặt còn vương chút sầu.

Dịch thơ:

Muôn cay nghìn đắng đâu vô hạn,

Mồng chín ta vừa đến Liễu Châu;

Ngoảnh lại, hơn trăm ngày ác mộng,

Tỉnh ra, trên mặt vẫn vương sầu.(1)

NAM TRÂN dịch

TỈNH RA, TRÊN MẶT VẪN VƯƠNG SẦU

Không thể không u sầu, buồn khổ khi cứ bị giải liên miên hết nơi này đến nơi khác, thật là muôn cay nghìn đắng, Bác chúng ta cũng là một con người bằng xương bằng thịt như bao người, cũng buồn lắm chứ khi chưa thấy ánh sáng ở cuối đường hầm.

Lần này, từ nhà lao Lai Tân Bác bị giải đến Liễu Châu (2) vào ngày 9-12-1942 đã được ghi trong nhật ký thơ Đáo Liễu Châu (Đến Liễu Châu): Cứu nhật ngô nhân đáo Liễu Châu (Ngày mồng chín, ta đến Liễu Châu). Những tưởng đến Liễu Châu, nơi đặt trụ sở nhiều cơ quan quan trọng của chính quyền Trung Hoa dân quốc, trong đó có đại bản doanh của Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu, hẳn là sự thế sẽ được giải quyết, cho nên mở đầu bài thơ mới có câu: Thiên tân vạn khổ phi vô hạn (Muôn cay nghìn đắng không phải là vô hạn) nhưng rồi... vẫn mờ mịt.

Tính từ ngày 29-8-1942 khi bị bắt ở Túc Vinh nay đến Liễu Châu thì đã tròn 103 ngày. Bây giờ đây hồi cố, tức hồi tưởng, nghĩ lại, ngoảnh lại đã trải qua hơn 100 ngày ác mộng: Hồi cố bách dư thiên ác mộng. Hơn 100 ngày gian nan, khổ cực, hơn 100 ngày liên tục bị giải từ Tỉnh Tây đến

Thiên Bảo, rồi Diên Đông, Quả Đức, Long An, Đồng Chính, Nam Ninh, Vũ Minh, Tân Dương, Thiên Giang, Lai Tân, Liễu Châu. Quả không ngờ, ngày tháng trôi đi, số lượng nhà tù trải qua cứ tăng lên. Khi sức tỉnh, tỉnh lai - tỉnh ra thì đã qua hơn 100 ngày ác mộng: Tỉnh lai diện thượng đối dư sầu, trên mặt vương sầu là thế, nó hằn sâu trong đoạn đời Thiên tân vạn khổ (Muôn cay nghìn đắng) này.

Đây là lần thứ hai Bác đến Liễu Châu. Lần đầu vào cuối năm 1940, Bác đến Liễu Châu tìm cách bắt liên lạc với các đồng chí trong nước đang hoạt động cách mạng ở Liễu Châu để chuẩn bị cho chuyến về nước nhưng không thành. Lần này Bác đến Liễu Châu trong một hoàn cảnh đặc biệt. Hai lần đến Liễu Châu trong hai hoàn cảnh khác nhau, trái ngược nhau.

(1) Bản dịch của Quách Tấn:

Nghìn cay đắng phải đâu vô hạn,

Mồng chín: ngày ta đến Liễu Châu;

Trăm ngày ác mộng: quay đầu,

Tỉnh ra trên mặt nét sầu còn vương.

(2) Liễu Châu nằm giữa tỉnh Quảng Tây chệch về phía Đông Bắc, trên đường từ Nam Ninh đi Quế Lâm. Liễu Châu ngày nay là thành phố cấp địa khu.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

CỰU BẤT ĐỆ GIẢI - GIAM LÂU KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN

久不遞解

苦葯杯將乾更苦

難關末步倍艱難

長官部只隔里許

何故長留我此間

Dịch âm Hán - Việt:

Khổ dược, bôi tương can cánh khổ,

Nam quan, mát bộ bội gian nan;

Trưởng quan bộ chỉ cách lý hử,

Hà cổ trường lưu ngã thử gian.

Dịch nghĩa:

Chén thuốc đắng, lúc gần cạn càng đắng,

Cửa ải khó, đến chặng cuối càng khó khăn;

Dinh trưởng quan chỉ cách chừng một dặm,

Cớ sao giữ mãi ta ở chốn này.

Dịch thơ:

Thuốc đắng, cạn liều càng thấy đắng,

Đường gay, cuối chặng lại thêm gay;

Dinh quan chỉ cách đây chừng dặm,

Sao mãi giam ta ở chốn này (1)

NAM TRÂN dịch

SAO MÃI GIAM TA Ở CHỐN NÀY?

Không thể không suy ngẫm, không thể không tỏ thái độ trước thực tế khắc nghiệt và trở trêu cứ tiếp diễn ngày nọ qua ngày kia của một chính thể mà pháp luật cứ ù lì, trơ ra như một trò đùa.

Đến Liễu Châu, Bác bị giam nhiều ngày trong một trại giam chỉ cách trụ sở của Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu khoảng một dặm (500m). Ở đây, nơi tối cao quyền lực của chính quyền tỉnh Quảng Tây mà không được xét hỏi gì cả, thì chắc chắn tình hình chẳng sáng sủa gì, thậm chí có thể rơi vào tình trạng vô phương.

Trong hoàn cảnh như vậy phải nghĩ suy, phải tự tìm lối, phải chủ động ứng phó, phải chuẩn bị cho những ngày tới có thể còn khốn khổ, gay go hơn. Lúc này hơn lúc nào hết càng thấm:

Thuốc đắng, cạn liều càng thấy đắng,

Đường gay, cuối chặng lại thêm gay.

Chính vì thế, không thể không tỏ thái độ. Một câu hỏi được đặt ra:

Trưởng quan bộ chỉ cách lý hử,

Hà cố trường lưu ngã thử gian?

(Dinh trưởng quan chỉ cách chừng một dặm,

Cớ sao giữ mãi ta ở chốn này)

Hà cố: Hà là chữ dùng để hỏi: Thế nào, làm sao. Cố là nguyên nhân. Vậy Hà cố có nghĩa là vì cớ gì, vì nguyên nhân gì, vì sao? Câu hỏi thể hiện sự bức tức, hỏi một cách dẫn giọng. Tuy nhiên, hỏi cũng chỉ để hỏi, chứ vì sao, cớ sao vì nguyên nhân gì tác giả thừa biết. Hỏi ở đây thể hiện thái độ phản kháng, nhưng vẫn đúng mực, bình tĩnh, biết tự kiềm chế, bởi cuộc đấu tranh đang ở chặng đường cuối để được trả lại tự do.

(1) Bản dịch khác của Quách Tấn:

Chung thuốc đắng cạn chung cày đắng,

Chặng đường gay cuối chặng thêm gay;

Dinh quan vốn ở gần đây,

Mà giam ta mãi nơi này, cớ sao?

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Liễu Châu Ngục - Nhà Ngục Liễu Châu

Trong tập nhật ký, bài này chỉ ghi số thứ tự, ghi đầu đề mà không có thơ kèm

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Đáo Trưởng Quan Bộ - Đến Dinh Trưởng Quan

到長官部

想這難關是最后

自由日子快來臨

那知還有難關在

我們應該解桂林

Dịch âm Hán - Việt:

Tưởng giá nan quan thị tối hậu,

Tự do nhật tử khoái lai lâm;

Na tri hoàn hữu nan quan tại,

Ngã mẫn ưng cai giải Quế Lâm

Dịch nghĩa:

Tưởng rằng cửa ải khó khăn này là cuối cùng,

Ngày tự do đang đến nhanh;

Đâu ngờ còn cửa ải khó khăn nữa,

Chúng tôi lại còn bị giải đi Quế Lâm.

Dịch thơ:

Tường qua cửa ải này là hết,

Ngày tự do âu cũng chẳng chầy;

Nào biết gian nan còn ải nữa,

Quế Lâm còn phải giải đi ngay. (1)

NAM TRÂN dịch

TƯỜNG QUA CỬA ẢI NÀY LÀ HẾT

Nhà ngục Liễu Châu cũng chẳng khác gì các nhà ngục khác mà Bác đã bị giam giữ. Đã qua hơn 100 ngày tù đầy chịu bao khổ cực, lại phải đương đầu với mọi thử thách, chống đỡ với tai ương, sức khỏe của Bác giảm sút nhiều. Tại nhà ngục Liễu Châu, Bác vừa qua một trận ốm nặng (bệnh trọng) mang nỗi đau trong mình cả thân thể và

tinh thần.

Tại đây, giam lâu rồi cũng phải xét hỏi. Vừa đỡ bệnh, Bác được đưa đến Dinh Trưởng Quan, tức trụ sở Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu. Đây là một cơ hội, Bác đã giải thích rõ lý do và mục đích chuyển đi của Bác đến Trung Quốc. Việc bắt ở phố Túc Vinh là một sự hiểu lầm, nhưng viên quan đại diện văn phòng Trưởng Quan cứ khẳng khẳng một mực cho đây là một hiềm nghi phạm vì mang trong người nhiều giấy tờ Trung Quốc đã hết hạn. Và, cứ theo giấy tờ chuyển từ Tỉnh Tây, thì cơ quan quân sự ở Quế Lâm sẽ xem xét nên phải giải tiếp đi Quế Lâm.

Thì ra, đây chưa phải là chặng cuối, là cửa ải cuối cùng. Việc xét hỏi ở Dinh Trưởng Quan chỉ là thủ tục. Hỏi chỉ để hỏi mà thôi, không phải là nơi

giải quyết. Những tướng cuộc hành trình bị giải đến đây là khép lại, thì lại vẫn tiếp diễn, lại bị giải đến Quế Lâm.

Bài thơ Đáo Trường Quan (Đến dinh Trường Quan) ghi lại một sự thực, một tâm trạng, một sự thất vọng đối với chính quyền Trung Hoa dân quốc:

Tướng qua cửa ải này là hết,

Ngày tự do âu cùng chẳng chầy;

Nào biết gian nan còn ải nữa,

Quế Lâm còn phải giải đi ngay.

Lại phải tiếp tục đương đầu với những thử thách phía trước.

(1) Bản dịch của Hoàng Đình:

Khó khăn tướng hết ải này,

Chẳng bao lâu nữa đến ngày tự do;

Ngờ đâu còn ải gay go,

Quế Lâm lại phải đang chờ bọn tôi.

Bản dịch của Quách Tấn:

Ái gian nan ải này tướng hết ,

Ngày tự do âu kíp chẳng chày;

Nào hay ải khổ còn đây,

Quế Lâm bước lại phải quày quả đi.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Đảo Quế Lâm - Đến Quế Lâm

到桂林

桂林無桂亦無林

只見山高與水深

榕蔭監房真可怕

白天黑黑夜沈沈

Dịch âm Hán - Việt:

Quế Lâm vô quế diệp vô lâm,

Chỉ Kiến Sơn cao dữ thủy thâm;

Dung âm giam phòng chân khả phạ,

Bạch thiên hắc hắc, dạ trầm trầm.

Dịch nghĩa:

Quế Lâm không quế cũng không rừng,

Chỉ thấy núi cao và sông sâu;

Bóng đa rủ xuống buồng giam, thực sự đáng sợ,

Ban ngày thì tối sầm, ban đêm thì im lìm.

Dịch thơ:

Quế Lâm, không quế, có rừng đâu,

Chỉ thấy non cao lẫn nước sâu;

Ngục dưới bóng đa ghê sợ thực,

Ngày thì âm đạm, tối u sầu.(1)

XUÂN DIỆU và ĐỖ VĂN HỸ dịch

NGÀY THÌ ÂM ĐẠM, TỐI U SẦU

Sau khi bị thẩm vấn ở Dinh Trưởng quan tại Liễu Châu, ngày 10-12-1942, Bác bị giải đi Quế Lâm, thủ phủ của tỉnh Quảng Tây lúc bấy giờ. Công sảnh Ban quân sự ủy viên hội của chính phủ Trung Hoa dân quốc đóng ở đây, còn gọi là Hoàng Doanh Quế Lâm.

Đây không phải là lần đầu Bác đến Quế Lâm. Vào những năm 1938, 1939, 1940 khi đang hoạt động ở Trung Quốc, Bác thường đi về Quế Lâm làm việc tại trụ sở Bát lộ quân và có một vài lần đến Quế Lâm để bắt liên lạc với phong trào cách mạng trong nước.

Quế Lâm chẳng có gì xa lạ với Bác, một vùng đất nổi tiếng về cây quế và hoa quế, nhưng lần này đến Quế Lâm mang thân phận người tù, chẳng thấy rừng, thấy quế đâu.

Quế Lâm vô quế diệp vô lâm.

(Quế Lâm không quế cũng không rừng)

Một chút chơi chữ, đến Quế Lâm - rừng quế mà chẳng thấy quế cũng chẳng thấy rừng, chỉ thấy núi cao và sông sâu, chỉ thấy cây đa rủ bóng xuống buồng giam, ban ngày thì tối sầm, ban đêm thì im lìm thật đáng sợ.

Quế Lâm, không quế, có rừng đâu,

Chỉ thấy non cao lẫn nước sâu;

Ngục dưới bóng đa ghê sự thực,

Ngày thì âm đạm, tối u sầu.

Thì ra, không thấy quế, không thấy rừng cũng là tất nhiên thôi, vì con người đang mất tự do, đang bị đày đọa, chịu bao khổ cực. Ngẩng lên chỉ thấy núi cao, cúi xuống là dòng sông sâu. Trung tâm chú ý hẳn là cái nhà giam, nó làm ngăn cách, làm mờ đi tất cả.

Có một hình ảnh làm tù nhân ghê rợn được đặt giữa bài thơ đó là cái bóng cây đa, vừa thực vừa ảo. Bóng đa ấy phủ rợp nhà lao làm cho nhà lao tối tăm cả ban ngày và ban đêm và chính nó cũng đè nặng lên con người trong một tình thế, một hoàn cảnh đang bế tắc. Cái bóng đa ấy là một chi tiết thực, nhưng cũng là một ẩn dụ để nói về chế độ hà khắc, tàn ác, luôn luôn kìm kẹp, phủ bóng đen lên con người và xã hội, mà tiêu biểu là cảnh tối tăm, âm đạm của nhà tù, đồng thời qua đó thể hiện tâm trạng u buồn của

tác giả.

Trong tác phẩm Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch được kể rằng: “Cụ (tức Bác Hồ) đã trải qua gần ba mươi nhà tù xã và huyện. Cuối cùng cụ đến Quế Lâm. Lại bị giam gần một tháng rưỡi nữa. Sau này, một người bạn hỏi cụ: “Đời tù ở Quế Lâm cụ thấy thế nào?” “Cụ Hồ cười: “Nhắc lại làm gì chuyện cũ”.

(1) Bản dịch khác của Nam Trân:

Quế Lâm không quế, không rừng,
Sông sâu thăm thẳm, trập trùng núi cao,
Bóng đa đè nặng nhà ao,
Đêm sao lạnh ngắt, ngày sao tối sầm.

Bản dịch của Trần Đắc Thọ:

Quế Lâm không quế cũng không rừng,
Chỉ thấy sông sâu, núi trập trùng,
Ngục náu bóng đa coi dễ sợ,
Đêm chìm, ngày lại tối như bưng.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Nhập Lung Tiền - Tiền Vào Nhà Giam

入籠錢

初來要納入籠錢

至少仍須五十元

倘你無錢不能納

你將步步碰麻煩

Dịch âm Hán - Việt:

Sơ lai yếu nạp nhập lung tiền,

Chí thiếu nhưng tu ngũ thập nguyên;

Thảng nhĩ vô tiền bất năng nạp

Nhĩ tương bộ bộ bình ma phiền.

Dịch nghĩa:

Mới đến phải nộp khoản tiền vào nhà lao,

Ít nhất cũng năm mươi đồng;

Nếu anh không có tiền, không nộp được,

Mỗi bước đi anh sẽ gặp chuyện rắc rối.

Dịch thơ:

Mới đến nhà giam phải nộp tiền,

Lệ thường ít nhất năm mươi “nguyên”

Nếu anh không có tiền đem nộp,

Mỗi bước anh đi mỗi bước phiền(1).

NAM TRÂN dịch

MỚI ĐẾN NHÀ GIAM PHẢI NỘP TIỀN

Nếu ở nhà lao Nam Ninh, mọi sinh hoạt của người tù đều phải trả tiền:

Thối một nồi cơm trả sáu hào

Nước sôi mỗi chậu một đồng trao.

(Công kim - Tiền Công)

Muốn ngủ cho ngon giấc

Anh phải trả tiền nhiều.

(Lữ quán - Quán trọ)

ở nhà lao Tân Dương phải trả tiền đèn:

Vào lao phải nộp tiền đèn

Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu nguyên.

Đã là nghịch lý, trở trêu rồi, thì ở nhà lao Quế Lâm còn nghịch lý, trở trêu hơn, phải trả cả tiền khi vào nhà lao:

Mới đến nhà giam phải nộp tiền,
Lệ thường ít nhất năm mươi nguyên
(Nhập lung tiền - Tiền vào nhà giam)

(Sơ lai yếu nạp nhập lung tiền,
Chí thiếu nhưng tu ngũ thập nguyên)

Như vậy, ở các nhà tù dưới thời Trung Hoa dân quốc, các tù nhân khi bị bắt vào tù phải nộp ngay một khoản tiền đầu tiên “tiền vào nhà giam”, rồi mọi sinh hoạt đều phải trả tiền. Té ra nhà tù cũng là một nơi thu tiền như một quán trọ, cũng kinh doanh mà kinh doanh trên thân xác người tù.

Trường hợp người tù không có tiền, thì quả là khốn khổ, sẽ gặp bao nhiêu là ma phiền, mỗi bước anh đi, một bước phiền bao nhiêu chuyện rắc rối sẽ kéo theo. Sự vô lý, vô nhân đến thế là cùng. Chẳng cần tỏ thái độ, chẳng cần bình luận gì, sự việc thế nào ghi đúng như vậy, tự nó đã bộc lộ bản chất rồi.

(1) Bản dịch khác của Quách Tấn:

Vào lao phải nộp tiền giam,
Lệ thường ít nhất là năm chục đồng;

Vào rồi tiền chữa nộp xong,
Bước đi một bước mắc vòng phiền lo.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Chăm Hối Chăm Than

空空苦了四十天

四十天苦不勝言

現在又要解返柳

真是令人悶又煩

Dịch âm Hán -Việt:

Không không khổ liễu tứ thập thiên,

Tứ thập thiên khổ bất thăng nghiê (ngôn);

Hiện tại hựu yếu giải phản Liễu,

Chân thị linh nhân muộ hựu phiên.

Dịch nghĩa:

Cực khổ không đâu mất bốn mươi ngày rồi,

Bốn mươi ngày khổ khôn nói xiết;

Nay lại phải giải trở lại Liễu Châu,

Thực khiến cho người ta bực bội lại buồn phiền.

Dịch thơ:

Không đâu khổ đã bốn mươi ngày,

Bốn chục ngày qua xiết đọa đày;

Nay lại giải về Châu Liễu nữa,

Khiến người đã bực lại buồn thay. (1)

ĐỖ VĂN HÝ dịch

NAY LẠI GIẢI VỀ CHÂU LIỄU NỮA

Vào cuối tháng 12 năm 1942, từ Liễu Châu Bác bị giải đến Quế Lâm, bị giam ở đây 40 ngày. Thượng tuần tháng 2 năm 1943 lại bị giải trở lại Liễu Châu.

Bốn mươi ngày bị đày đọa ấy được nói rõ trong hai câu thơ đầu:

Không không khổ liễu tứ thập thiên

Tứ thập thiên khổ bất thăng nghiên (ngôn).

Tứ thập thiên (bốn mươi ngày trời) được lặp lại đến lần thứ hai như một sự dẫn giọng. Hẳn là bị giam ở đây khổ lắm Không đâu khổ đã bốn mươi ngày/ Bốn chục ngày qua xiết đọa đày. Khổ thật, mới đến nhà lao đã phải nộp tiền giam, nhất nhất mọi sinh hoạt đều phải nộp tiền. Chưa cần nói đến 40 ngày bị hành hạ, đày đọa như thế nào, chỉ riêng cái cảnh nhà giam này đã làm người tù ghê rợn: Bóng đa đê nặng nhà lao/ Đêm sao lạng ngắt, ngày sao tối sầm. Tất cả cứ đổ ập lên đầu người tù.

Bốn mươi ngày, văn phòng Quế Lâm của Ủy ban quân sự tra xét, nhưng vẫn không có kết luận cuối cùng, vì vậy, lại quyết định giải phản Liễu, tức bị giải trở lại Liễu Châu Hiện tại hựu yếu giải phản Liễu để cho

Đệ tứ chiến khu tiếp tục tra xét. Cứ vòng vo, trở đi trở lại, gây nên sự ức chế, không thể không bực bội và buồn phiền.

Chân thị linh nhân muôn hựu phiền.

Câu kết bài thơ bộc lộ trạng thái tâm lý đồng thời cũng là thể hiện thái độ. Và ta hiểu vì sao bài thơ được đặt tên?! (Chăm hỏi và chăm than)

(1) Bản dịch khác của Trần Đắc Thọ:

Không đâu, khổ bốn chục ngày liền,

Khổ bốn mươi ngày, nói chẳng nên;

Giờ lại giải quay về ngục Liễu

Khiến người đã bực lại thêm phiền.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Chăm Hối

柳州桂林又柳州

踢來踢去像皮球

含冤踏遍廣西地

不知解到幾時休

Dịch âm Hán - Việt:

Liễu Châu, Quế Lâm hựu Liễu Châu,

Dịch lai dịch khứ, tượng bì cầu;

Hàm oan đạp biến Quảng Tây địa,

Bất tri giải đáo kỷ thì hưu?

Dịch nghĩa:

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,

Đá qua đá lại như quả bóng da;

Ngậm oan đi khắp tỉnh Quảng Tây,

Không biết giải bao giờ mới thôi?

Dịch thơ:

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,

Đá qua đá lại, bóng chuyền nhau;

Quảng Tây đi khắp lòng oan ức,

Giải đến bao giờ, giải tới đâu? (1)

NAM TRÂN dịch

GIẢI ĐẾN BAO GIỜ, GIẢI TỚI ĐÂU?

Câu kết bài thơ là một câu hỏi và một dấu chấm hỏi cuối câu:

Bất chi giải đáo kỷ thì hưu?

(Giải đến bao giờ, giải tới đâu?)

Nếu ở bài thơ?! (Chấm hỏi và chấm than), dấu chấm hỏi nhằm thể hiện thái độ; sau dấu chấm hỏi là dấu chấm than, như một sự tự thán, tự mình nói với mình, bộc lộ tâm trạng một nỗi buồn phiền, thì ở bài thơ? (Chấm hỏi) này chỉ một dấu? (dấu chấm hỏi) làm đầu đề và dấu? ấy cũng được thể hiện ở câu kết bài thơ là hoàn toàn tỏ thái độ phản uất, căm tức đối với nhà cầm quyền Trung Hoa dân quốc. Bởi: Tại sao họ cứ giải vòng vo, hết nhà tù này đến nhà tù khác; từ Liễu Châu giải đến Quế Lâm, giờ lại giải trở lại Liễu Châu, con người mà cứ như quả bóng da, đá đi đá lại Dịch lai dịch khứ, tượng bì cầu.

Tại Quế Lâm, văn phòng Quế Lâm của Ủy ban quân sự, do không có căn cứ khép tội cụ Hồ là Hán gian, có mối liên hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chính quyền Quế Lâm đành coi cụ Hồ là Chính trị hiềm nghi phạm (Kẻ bị tình nghi là chính trị) nên trả lại Chính trị Bộ Đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu tiếp tục thẩm tra, truy xét.

Đã giải gần như khắp các nhà tù tỉnh Quảng Tây Hàm oan đạp biển Quảng Tây địa mà vẫn không được giải oan, minh oan.

Câu hỏi được đặt ra ở cuối bài thơ? Giải tới bao giờ, giải tới đâu là để cảnh tình chính quyền Trung Hoa dân quốc, không thể cứ giải mãi, khi không có căn cứ khệp tội, đã đến lúc phải giải quyết, phải trả lại

(1) Bản dịch khác của Quách Tấn:

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,

Chuyển tới chuyển lui tựa đá cầu;

Đi khắp Quảng Tây oan những ngậm,

Đi bao giờ đến, đến nơi đâu?

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Đáo Đệ Tứ Chiến Khu Chính Trị Bộ - Đến Cục Chính Trị Chiến Khu Iv

到第四戰區政治部

解過廣西十三縣

柱了十八個監房

試問余所犯何罪

罪在為民族盡忠

Dịch âm Hán Việt:

Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,

Trú liễu thập bát cá giam phòng;

Thí vấn dư sở phạm hà tội?

Tội tại vị dân tộc tận trung!

Dịch nghĩa:

Giải khắp mười ba huyện tỉnh Quảng Tây,

Dừng chân qua mười tám nhà lao;

Thử hỏi ta phạm tội gì?

Tội tận trung với dân tộc!

Dịch thơ:

Quảng Tây giải khắp mười ba huyện

Mười tám nhà lao đã ở qua;

Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi

Tội trung với nước với dân à.(1)

NAM TRÂN dịch

TỘI TRUNG VỚI NƯỚC VỚI DÂN À

Vậy là đã sáu tháng Bác bị giải liên tục qua 13 huyện của các nhà lao gần như khắp tỉnh Quảng Tây. Bị bắt ở Túc Vinh hạ tuần tháng 8-1942 đến trung tuần tháng 12-1942 Bác bị giải đến nhà giam tại Cục Chính trị chiến khu IV tức Đệ tứ chiến khu chính trị bộ đóng ở Liễu Châu. Sau đó Bác bị giải đến Quế Lâm và bây giờ là tháng 2 - 1943, Bác bị giải trở lại Liễu Châu. Bài thơ Đáo Đệ tứ chiến khu chính trị bộ (Đến Cục Chính trị chiến khu IV) Bác viết khi bị giải đến đây.

Đến Liễu Châu lần này, Bác đã bị giải qua 13 huyện của tỉnh Quảng Tây, giam tại 18 nhà lao khác nhau. Hai câu thơ đầu của bài thơ như là một sơ kết 6 tháng tù đầy, nó vạch rõ cái chính quyền vô nhân ấy đã hành hạ người tù như thế nào.

Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,

Trú liễu thập bát cá giam phòng;

(Giải khắp mười ba huyện tỉnh Quảng Tây,

Ở tới mười tám phòng giam.)

Theo thứ tự ghi chép trong Ngục trung nhật ký thì 13 huyện mà Bác bị giải đến là: Thiên Bảo (nay là Đức Bảo), Tĩnh Tây, Điền Đông, Quả Đức (nay là Bình Quả), Long An, Đồng Chính (nay là Phù Tuy), Nam Ninh, Vũ Minh, Tân Dương, Thiên Giang (nay là thị trấn Thiên Giang), Lai Tân, Liễu Châu, Quế Lâm. Còn 18 nhà lao là các nhà giam của 13 huyện kể trên và những nhà giam khác như nhà giam CHS, Túc Vinh, Long Tuyền, Bình Mã, Ung Ninh, Cấm bế thất...

Tuy nhiên, chủ đề bài thơ không phải nhằm kể khổ mà từ thực tế bị giải, bị giam ở các nhà giam nhiều nơi như vậy mà chính quyền, luật pháp không kết được tội chứng tỏ người tù không có tội gì. Không có tội mà cứ bị giải, bị giam, không thể không uất ức, phẫn nộ. Câu thơ:

Thí vấn dư sở phạm hà tội?

(Thử hỏi ta phạm tội gì?)

Chúng tỏ sự phẫn nộ đã đến cao độ. Hỏi cũng để mà hỏi thôi, chứ cái chính quyền sở tại này đâu có phân biệt phải trái. Hỏi cũng để tự trả lời, tự tỏ rõ, tự khẳng định:

Tội tại vị dân tộc tận trung!

(Tội tận trung với dân tộc!)

Tận trung với dân tộc mà có tội ư? Hai câu cuối lời thơ danh thếp. Đó cũng là hai câu thơ tự bào chữa cho mình, hai câu thơ thể hiện khí khách của người yêu nước yêu dân, của người cách mạng. Trần Huy Liệu, khi nhắc đến cái “tội” yêu nước đã dẫn ra vế câu đối của Hoàng Trọng Mậu: Ái quốc hà cô, duy hữu tinh thần chung bất tử (Yêu nước tội gì, chỉ có tinh

thần là không chết) và một thanh niên yêu nước bị bắt cũng đã lớn tiếng bằng câu thơ: Bắt ta, ta có tội tình chi/ Yêu nước ta can đạo luật gì để tự điếu mình khi giặc Pháp đem ra xử bắn.

Không biết có phải những bộc lộ trong thơ và trong khi bị tra hỏi mà ở Đệ tứ chiến khu chính trị bộ lúc đầu Bác bị giam tại nhà giam của Cục Chính trị (Chính trị bộ cấm bế thất) khổ cực cũng không kém gì những nơi khác, nhưng sau đó "được hưởng "chế độ chính trị", có đủ cơm ăn, mười lăm phút buổi sáng và mười lăm phút buổi chiều ra nhà vệ sinh, có người gác. Không bị gông, không bị xích. Thỉnh thoảng cụ có thể đọc một tờ báo hoặc một quyển sách" (2). Tuy nhiên, Bác bị giam ở đây một thời gian khá dài nữa mới được trả tự do.

(1) Bản dịch của Quách Tấn:

Mười ba huyện Quảng Tây giải khắp

Mười tám nơi ngục thất vào ra

Tội chi? Có phải chẳng là

Với giống nòi với nước nhà tận trung.

(2) Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Chính Trị Bộ Cấm Bế Thất - Nhà Giam Của Cục Chính Trị

政治部禁閉室

二尺闊兮三尺長

四人住此日彷徨

要伸伸腳也不可

因為人多少地方

Dịch âm Hán - Việt:

Nhị xích khoát hề tam xích trường,

Tứ nhân trú thử nhật bàng hoàng;

Yếu thân thân cước dã bất khả,

Nhân vị đa nhân, thiếu địa phương.

Dịch nghĩa:

Hai thước rộng và ba thước dài,

Bốn người suốt ngày quanh quẩn trong đó;

Muốn duỗi chân một tí cũng không được,

Bởi người đông mà đất lại chật.

Dịch thơ:

Ba thước chiều dài hai thước rộng,

Bốn người chen chúc ở bên trong;

Duỗi chân một tí cũng không thể,

Nhà hẹp mà người lại quá đông(1)

HUỆ CHI dịch

NHÀ GIAM HẸP MÀ NGƯỜI LẠI QUÁ ĐÔNG

Bị “đá” trở lại Liễu Châu để Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu tiếp tục tra xét. Sở dĩ Bác bị giải về Liễu Châu là do vận động tích cực của Đảng ta lấy danh nghĩa Phân hội Việt Nam của Hiệp hội Quốc tế chống xâm lược, đã gửi hai bức điện đến Trùng Khánh cho Tân Khoa, Viện trưởng Viện lập pháp của Chính phủ Quốc dân Đảng Trung Quốc và Thông tấn xã TASS Liên Xô ở Trùng Khánh cực lực phản đối yêu cầu thả “Hồ đại biểu”, đồng thời bà con Việt kiều đấu tranh cùng với nhiều nhân vật trong chính trị giới của Trung Quốc can thiệp nên Bác được chuyển về nhà giam của Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu.

Lần này Bác không bị giam ở nhà ngục Liễu Châu mà giam tại nhà giam quân nhân, trong bài thơ Bác gọi là Cấm bế thất (phòng giam kín). Cấm bế thất, theo trong tác phẩm Vừa đi đường vừa kể chuyện: “Không phải là một trại giam chính cống mà chỉ là một phòng giam nhỏ hẹp ngay bên cạnh đội cảnh vệ của tướng Phát Khuê”.

Phòng giam nhỏ hẹp mà giam tới bốn người Tứ nhân trú thử thì quả là quá chật chội đến nỗi không chừa quây được, muốn duỗi chân một tí cũng

không được Yếu thân thân cước dã bất khả. Mỗi nhà tù phải chịu đựng những khổ sở khác nhau, những cách hành hạ khác nhau.

Tại Cấm bế thất này, có một chuyện hi hữu được kể trong Vừa đi đường vừa kể chuyện: “Bác gây được cảm tình với vài người lính gác. Mỗi bữa ăn xong thừa rau bí luộc, họ đưa cho Bác để “cải thiện sinh hoạt” phần nào. Điều tốt nhất là mỗi ngày họ bí mật quăng cho Bác một tờ Liễu Châu nhật báo, đó là món ăn tinh thần. Nhờ đó mà Bác theo dõi được tin tức chiến sự”.

Như vậy tại Cấm bế thất chật chội, gò bó, bức bối về thân thể nhưng về tinh thần Bác đã có mối giao lưu với bên ngoài, với những người tốt, tuy là bí mật, nhưng nhờ vậy vật chất được cải thiện, tinh thần được mở rộng. Đây là một may mắn.

(1) Bản dịch khác của Nam Sơn:

Ba thước chiều dài, hai thước rộng,

Bốn người giam (đó) thực bàng hoàng;

Duỗi chân một chút không sao được

Khám hẹp người đông, khó đủ đường.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Mông Ưu Đãi - Được Ưu Đãi

蒙優待

吃夠飯菜睡夠氈

又給零錢買報煙

主任涼公優待我

我心感激不勝言

Dịch âm Hán - Việt:

Ngật câu phạn thái, thụy câu chiên,

Hựu cấp linh tiền mãi báo, yên;

Chủ nhiệm Lương Công ưu đãi ngã,

Ngã tâm cảm kích bất thăng nghiên (ngôn).

Dịch nghĩa:

Ăn đủ cơm rau, ngủ đủ chăn đắp,

Lại cho tiền mua báo, mua thuốc hút;

Chủ nhiệm họ Lương ưu đãi ta,

Lòng ta cảm kích không thể nói xiết.

Dịch thơ:

Ăn có cơm rau, ngủ có mền,

Báo xem, thuốc hút: cấp cho tiền;

Ông Lương chủ nhiệm đãi ta hậu,

Cảm kích lòng ta, nói chẳng nên.(1)

HUỆ CHI dịch

CHỦ NHIỆM HỌ LƯƠNG ƯU ĐÃI TA

Tại nhà giam quân nhân của Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu, lúc đầu cụ Hồ phải chịu khổ cực không kém gì các nhà giam khác, nhưng sau những lần xét hỏi, có lần do Cục trưởng trực tiếp, vẫn không có chứng cứ gì để kết tội. Hơn nữa, qua những lần tiếp xúc trực tiếp như vậy, họ nhận rõ nhân cách của cụ nên ngày một nới lỏng. Cụ không còn là tù phạm mà là hiềm nghi Chính trị nên không bị ngược đãi như trước mà được đối đãi tử tế hơn. Trong Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch nói khá rõ: “Ở đây (tức là nhà giam quân nhân - LXĐ) Cụ được hưởng “chế độ chính trị”, có đủ cơm ăn, mười lăm phút buổi sáng và mười lăm phút buổi chiều ra nhà vệ sinh, có người gác. Không bị gông, không bị xích. Thỉnh thoảng Cụ có thể đọc một tờ báo hoặc một quyển sách. Một hôm Cục trưởng Cục Chính trị đến cắt tóc ở trong phòng người gác, ông này hạ lệnh người gác cho phép Cụ đi dạo nửa giờ trong sân nhỏ, cắt tóc cho Cụ và cho Cụ tắm nước nóng. Đức Phật tổ đại từ đại bi tốt biết bao! mấy hôm sau ghé lặn gần một nửa.” Cũng chính ở đây “trong nhà tù này Cụ Hồ được biết ở Liễu Châu có tổ chức Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội (2). Cụ được biết nhiều hơn nữa. Cụ được biết rằng mình bị cầm tù lâu hơn nữa vì người ta nghi cụ sang Trung Quốc để phá tổ chức đó”.

Bài thơ Mông ưu đãi - Được ưu đãi Bác kể về những sự việc cụ thể về sự ưu đãi:

Ngật câu phạn thái, thụy câu chiêm,

Hựu cấp linh tiền mãi báo, yên.

Ăn đã có cơm rau, ngủ có mền,

Báo xem, hút thuốc: cấp cho tiền.

Sự ưu đãi ưu đãi ngã này là do chủ nhiệm Lương Công (Ông chủ nhiệm họ Lương) tức Lương Hoa Thịnh, Chủ nhiệm Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu. Bác viết bài thơ Mông ưu đãi để tỏ lòng biết ơn Chủ nhiệm Lương Hoa Thịnh. Lòng biết ơn này được diễn tả bằng một câu thơ chân thành tự đáy lòng cảm kích không thể nói hết lời.

Ngã tâm cảm kích, bất thăng nghiên,

(Cảm kích lòng ta, nói chẳng nên.)

(1) Bản dịch khác của Hoàng Ngân:

Ăn đủ thức ăn, chăn đủ ấm,

Báo xem, thuốc hút được chi tiền;

Ông Lương chủ nhiệm dành ưu đãi,

Cảm kích, lòng ta nói chẳng nên.

(2) Tổ chức này có 2 người lãnh đạo là Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần, họ dựa vào sự giúp đỡ của Quốc dân Đảng mà sống.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Triều Cảnh - Cảnh Buổi Sớm

朝景

太陽每早從山上

照得全山處處紅

只為籠前有黑影

太陽未照到籠中

Dịch âm Hán - Việt:

Thái dương mỗi tảo tòng sơn thượng,

Chiếu đắc toàn sơn xứ xứ hồng;

Chỉ vì lung tiền hữu hắc ảnh,

Thái dương vị chiếu đáo lung trung.

Dịch nghĩa:

Mỗi buổi sớm mặt trời nhô lên từ đỉnh núi,

Chiếu khắp núi, nơi nào cũng đỏ rực;

Chỉ vì trước nhà tù có bóng đen,

Mặt trời chưa rọi được vào trong ngục.

Dịch thơ:

Đầu non sớm sớm vàng dương mọc,

Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng;

Chỉ bởi trước lao còn bóng tối,

Mặt trời chưa rọi thấu vào trong.(1)

NAM TRÂN dịch

MẶT TRỜI CHƯA RỌI THẤU VÀO TRONG

Cảnh buổi sớm, mặt trời mọc, đất trời bừng sáng mãi mãi là một ấn tượng lưu giữ trong mọi người. Trong tù, người tù không được thấy cảnh buổi sáng mặt trời mọc, mà chỉ nhờ chút ánh sáng nhỏ nhoi len lỏi vào các khe nhà tù mà cảm nhận buổi sáng mặt trời đang lên, bình minh

đang đến.

Nếu như, ở bài thơ Tảo (Buổi sớm), Bác cảm nhận, nhận biết một cách gián tiếp về cảnh mặt trời mọc không phải từ phía chân trời mà nó nhô lên phía đầu tường chiếu tới nhà lao.

Thái dương mỗi tảo tòng tường thượng,

Chiếu trước lung môn, môn vị khai;

(Mỗi sớm, mặt trời vượt lên khỏi đầu tường,

Chiếu trước cửa nhà lao, cửa chưa mở.)

Thì ở bài thơ Triều cảnh (Cảnh buổi sớm) không phải là cảm nhận mà là sự hình dung lại cái mình chứng kiến, cái đã biết:

Thái dương mỗi tảo tòng sơn thượng,

Chiếu đăc toàn sơn xứ xứ hồng;

(Mỗi buổi sớm, mặt trời nhô lên từ đỉnh núi,

Chiếu khắp núi, nơi nào cũng đỏ rực)

Hình dung mặt trời buổi sớm với những tia sáng đỏ rực chiếu khắp núi non đất trời, mọi người được hưởng thụ sinh khí và cảnh đẹp tràn đầy sự sống của buổi sớm, không gian rộng lớn bên ngoài nhà tù để đối lập với cảnh buổi sớm vẫn tối tăm, u ám của nhà tù.

Chỉ vị lung tiền hữu hắc ảnh

Thái dương vị chiếu đăc lung trung.

(Chỉ vì trước nhà tù có bóng đen,

Mặt trời chưa rọi được vào trong ngục)

Mặt trời chưa rọi được vào trong ngục là một sự thực bởi ngày đêm nhà tù đều bị bóng đen bao phủ, cửa nhà tù ngày đêm đóng kín, chỉ được mở khi thật cần thiết. Thơ của hiện thực, thơ của tâm trạng.

Triều cảnh (Cảnh buổi sớm) là bài thơ thứ ba về hình ảnh mặt trời trong tập Ngục trung nhật ký sau hai bài Tảo, Tảo tình.

(1) Bản dịch khác của Quách Tấn:

Vàng hồng sớm sớm lên non,

Non xanh chổn chổn màu son nhuộm đều;

Cửa lao đen tối quá nhiều,

Văng hồng chưa chiếu được vào thấu trong.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

**Ngũ Khoa Trường, Hoàng Khoa Viên - Khoa Trường Họ Ngũ, Khoa
Viên Họ Hoàng**

伍科長黃科員

伍科長與黃科員

兩人見我太可憐

慇懃慰問和幫助

這像冬寒遇暖天

Dịch âm Hán Việt:

Ngũ khoa trường dữ Hoàng khoa viên,

Lưỡng nhị kiến ngã thái khả liên;

Ân cần ủy vấn hòa bang trợ,

Giá tượng đông hàn ngộ noãn thiên.

Dịch nghĩa:

Khoa trường họ Ngũ và khoa viên họ Hoàng,

Hai người hai bận đến thăm thấy tình cảnh

của ta rất đáng thương;

Ân cần thăm hỏi và giúp đỡ,

Thật giống như mùa đông rét mướt

gặp được ngày nắng ấm.

Dịch thơ:

Họ Ngũ trường khoa với họ Hoàng,

Thấy ta cùng cực động lòng thương;

Ân cần thăm hỏi và cứu giúp,

Như nắng bừng lên giữa giá sương.(1)

HUỆ CHI dịch

ÂN CẦN THĂM HỎI VÀ CỨU GIÚP

Với nhân cách của Bác và cách đối xử của Chủ nhiệm Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu Lương Hoa Thịnh, nên các viên cai quản tù, cũng như các viên chức của Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu đều tỏ ra tôn trọng và giúp đỡ Bác hết lòng với những gì mà họ có thể làm được. Tuy vẫn còn bị giam nhưng đã khác trước, Bác được hưởng “chế độ chính trị”.

Bài thơ Ngũ khoa trưởng, Hoàng khoa viên (Khoa trưởng họ Ngũ, Khoa viên họ Hoàng), Bác viết để tỏ lòng biết ơn hai vị viên chức này.

Ngũ khoa trưởng tên thực là Ngũ Can Hoa, đại tá tham mưu của Bộ Tư lệnh Đệ tứ chiến khu và Khoa viên họ Hoàng là những người chịu trách nhiệm quản lý Hồ Chí Minh, hai người hai bận vào nhà giam thăm Bác đều áy náy về tình cảnh đáng thương của Bác còn bị giam giữ Lương nhị kiến

ngã thái khả liên. Xin được lưu ý hai từ lưỡng nhị là gián ngữ của cụm từ Lưỡng nhân nhị thử nghĩa là hai người hai lần, chứ không phải như một số bản dịch nghĩa và dịch thơ lưỡng nhị kiến ngã hai người (cùng) đến thăm ta. Trước tình cảnh Bác còn bị giam giữ, cả hai đều ân cần và đã giải quyết một số khó khăn cụ thể trong đời sống hàng ngày của Bác

Bác thực sự cảm động, ghi nhận thái độ và tấm lòng của hai vị, như một sự may mắn, đã đem đến cái ấm áp tình người. Bác mượn hình ảnh chuyển vần của thiên nhiên để bày tỏ lòng mình với sự biết ơn:

Giá tượng đông hàn ngộ noãn thiên.

(Thật giống như mùa đông rét mướt gặp được ngày nắng ấm)

Sau này Ngũ Can Hoa được phái sang Việt Nam giải giáp quân Nhật, có đến thăm Bác. Hôm ấy trời rét, Bác đã tặng ông chiếc áo len Bác đang mặc, ông ấy rất cảm động.

(1) Bản dịch của Trần Đắc Thọ:

Khoa trưởng Ngũ, khoa viên Hoàng,

Thăm ta hai bận, lòng thương vô vàn;

Ân cần giúp đỡ, hỏi han,

Như ngày ấm giữa đông hàn giá sương.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức
www.dtv-ebook.com

Hạn Chế

限制

沒有自由真痛苦

出恭也被人制裁

開籠之時肚不痛

肚痛之時籠不開

Dịch âm Hán - Việt:

Một hữu tự do chân thống khổ,

Xuất cung đã bị nhân chế tài;

Khai lung chi thì đồ bất thống,

Đồ thống chi thì lung bất khai.

Dịch nghĩa:

Không có tự do thực thống khổ,

Đến chuyện đi tiêu cũng bị người hạn chế;

Lúc mở cửa ngục, bụng không đau,

Đến lúc bụng đau, ngực không mở.

Dịch thơ:

Đau khổ chi bằng mất tự do,

Đến buồn đi ỉa cũng không cho;

Cửa tù khi mở, không đau bụng,

Đau bụng thì không mở cửa tù.(1)

NAM TRÂN dịch

ĐAU KHỔ CHI BẰNG MẤT TỰ DO

Ý kiến của các nhà nghiên cứu, phê bình thơ Hồ Chí Minh đều có điểm gặp gỡ nhau là, thơ Ngục trung nhật ký rất linh hoạt, đa dạng, không bị gò bó, câu thúc, không chịu sự chi phối nào, thơ rất tự nhiên, đúng là nhật ký, có sao ghi vậy, có những sự việc, hiện tượng chẳng có chất thơ gì mà vẫn thành thơ, mà lại thơ hay, nhớ đời. Ví như bài thơ Hạng chế (Bị hạn chế) chẳng hạn.

Câu chuyện được kể trong thơ chỉ là một chuyện nhỏ nhất trong sinh hoạt hàng ngày, chuyện đi vệ sinh, chẳng hề có chút thơ nào, vậy mà lại đi vào thơ rất tự nhiên, thoải mái, nôm na, chân thật như chính cuộc sống.

Đau khổ chi bằng mất tự do,

Đến buồn đi ỉa cũng không cho;

Cửa tù khi mở, không đau bụng,

Đau bụng thì không mở cửa tù.

Cố Phó Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng nhận xét: “Tôi không ngờ Bác giản dị quá đến như vậy”. Giản dị là một đức tính cao quý của Bác, giản dị cũng là nét đặc trưng nghệ thuật của thơ Bác. Những từ Hán - Việt nô nê mách quẻ, theo quan niệm truyền thống, đặc biệt thơ cổ là tối kỵ, uế tạp, nhưng với Bác, giản dị đã trở thành bản lĩnh, mà bản lĩnh của Bác cao hơn văn chương thơ phú nên nó cứ tự nhiên, y nhiên không thể khác được, văn chương giản dị là vậy.

Chế độ nhà tù chứa đựng biết bao nhiêu là sự trở trêu, hài hước từ cái lớn đến cái chi tiết nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Ở bài thơ Hạn chế này, Bác kể lại tình huống có thật thường xảy ra, đó là sự trở trêu giữa “cung” và “cầu” của tù nhân trong sự giam hãm của nhà tù. Trong tình huống này, sự việc này làm nổi bật mâu thuẫn của sự vật, mâu thuẫn giữa người tù và nhà tù, vừa bi vừa hài, vừa khổ sở vừa buồn cười, oái oăm, hài hước, đắng cay. Nhưng... bài thơ không dừng ở sự trở trêu ấy, chiều sâu và cái lớn của nó được đặt ra là, ý thức về cái mất mát lớn nhất của con người là mất tự do. Mất tự do là mất tất cả:

Đau khổ chi bằng mất tự do

Đến buồn đi ỉa cũng không cho

Rõ là đã nói đến đấy, đến tận cùng nỗi đau khổ mất tự do của người tù từ một chi tiết thực, gây ấn tượng mạnh, tác động mạnh là thế.

(1) Bản dịch khác của Hoàng Đĩnh:

Không có tự do, đau khổ thật!

Bị người hạn chế cả đi cầu!

Cửa tù khi mở không đau bụng,

Không mở cửa tù, lúc bụng đau.

Bản dịch của Quách Tấn:

Khổ nào bằng mất tự do

Đến điều đại tiện cũng lo chế tài

Bụng không đau ngục mở hoài,

Đến khi đau bụng ngục cài chặt then.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Cửu Vũ - Mưa Lâu

久雨

久天下雨一天晴

可恨天公沒有情

鞋破路泥污了腳

仍須努力向前行

Dịch âm Hán - Việt:

Cửu thiên hạ vũ, nhất thiên tình,

Khả hận thiên công một hữu tình!

Hài phá, lộ nê, ô liễu cước,

Nhưng tu nỗ lực hướng tiền hành.

Dịch nghĩa:

Chín ngày mưa liền, một ngày tạnh,

Đáng giận ông trời thật vô tình!

Giày rách, đường lầy, chân lấm hết,

Nhưng vẫn phải gắng sức đi lên phía trước.

Dịch thơ:

Một ngày hừng nắng, chín ngày mưa,

Trời thật vô tình, đáng giận chưa!

Giày rách, đường lầy, chân lấm láp,

Vẫn còn dẫn bước dậm đường xa. (1)

NAM TRÂN dịch

VẪN CÒN DẪN BƯỚC DẶM ĐƯỜNG XA

Đã có những bài thơ Bác nói về nỗi khổ cực của cảnh bị giải tù, giải hết nơi này đến nơi khác, cứ triền miên như vô định - giải cả ban ngày, giải cả ban đêm, khi trèo non, lúc lội suối đi trong mưa dầm, trong nắng gắt, trong gió rét thấu xương mà đường đi đâu có bằng phẳng, mà gồ ghề, khúc khuỷu, chân sưng, giày rách, thụt hố sâu. Cái cảnh khổ đó là do con người hành hạ nhau, do chế độ nhà tù hà khắc gây ra. Thì, ở bài thơ Cửu vũ (Mưa lâu) cái khổ của người tù khi bị giải Hải phá, lộ nê, ô liễu cước, giày rách, đường lầy, chân lấm láp lại do Ông trời - Thiên công vô tình góp phần hành hạ, Bác có ý khả hận (đáng giận) ngầm trách, nhưng trách là trách vậy, trách cái vô tình thôi, chứ Bác đã trải qua, Bác rất hiểu, thiên nhiên thời tiết vùng này cũng khắc nghiệt lắm Cửu thiên hạ vũ, nhất thiên tình, chín ngày mưa chỉ có một ngày tạnh, cho nên cái khổ bị giải, đường lầy, giày rách... là tất nhiên.

Khổ là vậy, khổ vì con người, khổ cả vì “Ông cao xanh”, cả hai cái khổ cùng cộng lại, nhưng kết bài thơ đâu có dừng ở cái khổ, cái chịu đựng thụ động của người tù mà bộc lộ sự nỗ lực vượt hoàn cảnh, vượt tình thế, luôn hướng về phía trước:

Nhưng tu nỗ lực hướng tiền hành.

(Vẫn phải gắng sức đi lên phía trước)

Cửu vũ là thơ của ý chí, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng biến thụ động thành tự chủ, làm chủ mình là như thế.

(1) Bản dịch khác của Trần Đắc Thọ:

Mưa chín ngày liền, một bữa tạnh,

Ông xanh đáng giận, quá vô tình!

Đường lầy, giày rách, chân bàn lấm,

Tiến bước càng nên gắng sức mình.

Bản dịch của Quách Tấn:

Một ngày hửng, chín ngày mưa,

Vô tình! Trời đáng giận chưa hời trời?

Đường bùn giày rách tả tơi

Dù lấm láp vẫn chẳng lơi dậm trường.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Tích Quang Âm - Tiếc Ngày Giờ

惜光陰

蒼天有意挫英雄

八月消磨桎梏中

尺壁寸陰真可惜

不知向口出牢籠

Dịch âm Hán - Việt:

Thương thiên hữu ý tảo anh hùng,

Bát nguyệt tiêu ma cốc trất trung;

Xích bích thốn âm chân khả tích,

Bất tri hà nhật xuất lao lung.

Dịch nghĩa:

Trời xanh cố ý hãm anh hùng,

Tám tháng mòn mỏi trong chốn gông cùm;

Tấc bóng quý hơn thước ngọc, thật đáng tiếc,

Chẳng biết ngày nào thoát khỏi vòng lao tù.

Dịch thơ:

Trời xanh cố ý hãm anh hùng,

Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng,

Tắc bóng nghìn vàng, đau xót thực,

Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung? (1)

NAM TRÂN dịch

BAO GIỜ THOÁT KHỎI CHỖN LAO LUNG

Tích quang âm (Tiệc ngày giờ) được viết vào ngày 29 tháng 4 năm 1943, tính từ hạ tuần tháng 8 - 1942 Bác bị bắt, đến thời điểm làm bài thơ này đã là tám tháng mòn mỏi chốn gông cùm Bát nguyệt tiêu ma cốc trất trung.

Trong tù, Bác đếm từng ngày, mong sớm được minh oan, sớm được ra tù. Ngục trung nhật ký đã ghi lại rất cụ thể các mốc của những chặng đường bị giải, bị chuyển lao, các mốc thời gian nhìn lại những tháng ngày qua và cả các mốc của quá trình diễn biến tâm trạng, nghĩ suy trước thực trạng tù đày.

Nếu như bài thơ Tứ cá nguyệt liễu nói rõ mình đã bị giam Bốn tháng rồi với biết bao khổ cực nhưng không nao núng tinh thần, không chịu lùi một phân; ở bài Đáo Liễu Châu là sự hồi tưởng lại những ác mộng qua mấy nhà tù với muôn nghìn cay đắng không thể không buồn nên đã thoáng chút vương sầu là thế; đến bài Tích quang âm thì thực sự Tiệc ngày giờ lắm. Thời gian thôi thúc, thời gian thúc ép đã được đặt ra nghiêm túc, phải suy nghĩ không thể cứ để thời gian trôi đi một cách đáng tiếc Xích xích thốn âm

chân khả tích (Tắc bóng quý hơn thước ngọc, thật đáng tiếc). Xích bích thốn âm là Bác mượn thành ngữ Trung Quốc có nghĩa là một thước ngọc bích không quý bằng một tắc bóng mặt trời: Tắc bóng, tiếc thay, hơn thước ngọc. Người xưa đo thời gian bằng cách đo bóng của chiếc cọc, tắc bóng tượng trưng khoảnh khắc ngắn ngủi của thời gian. Sách Hoài Nam Tử ghi: “Cổ thánh nhân bất phí chi bích trọng chôn chi âm, thời nan đắc nhi dị thất dã (Nên bậc thánh nhân không phí thước ngọc mà xem trọng tắc bóng, vì thời giờ khó được mà dễ mất). Việt Nam có thành ngữ “Tắc bóng nghìn vàng” cũng có nội dung như trên.

Tiếc ngày giờ cũng là khao khát tự do cháy bỏng.

Khi đã nghĩ đến tự do, quan tâm đến thời gian mà thời gian thiết thực, hữu ích lại đang bị bỏ qua trong tình cảnh bị giam hãm, tù túng thì không thể không phản ứng, không thể không bất bình nên đã dẫn đến câu kết:

Bất tri hà nhật xuất lao lung.

(Chẳng biết ngày nào thoát khỏi vòng lao tù)

Câu thơ Bất tri hà nhật xuất lao lung lấy từ câu thơ trong bài thơ nổi tiếng Chí thành thông thánh của nhà chí sĩ Phan Chu Trinh làm năm 1905, nhằm thức tỉnh sĩ phu hưởng ứng phong trào Duy Tân cứu nước. Trong hoàn cảnh tù đày (cả Phan Chu Trinh và Hồ Chí Minh), những người tù đau đáu một niềm khao khát thoát khỏi chốn lao tù để tiếp tục sự nghiệp cứu nước.

Đối với Hồ Chí Minh còn là thể hiện sự bất bình, nhưng theo cách của Bác, không nổi đóa, không ồn ào mà điềm tĩnh, tự tin đặt ra câu hỏi với mình (để tìm cách giải quyết) đồng thời cũng là một thông điệp, một cách phản ứng đến đối phương buộc phải giải quyết:

Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung.

(1) Bản dịch của Nguyễn Sĩ Lâm

Trời xanh có ý ước anh hùng,

Mòn mỏi trong lao tám tháng ròng;

Tấc bóng, tiếc thay, hơn thước ngọc,

Ngày nào mới thoát chốn lao lung.

Bản dịch của Quách Tấn:

Trời xanh cố hãm anh hùng,

Tám tháng mòn mỏi thân trong buộc dàm,

Nghìn trùng một tấc quang âm,

Ngày nào tháo xích bẻ cùm được đây.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Độc Tưởng Công Huấn Từ - Độc Lời Giáo Huấn Của Ông Tưởng

讀蔣公訓詞

百折不回向前進

辜臣孽子義當然

決心苦幹與硬幹

自有成功的一天

Dịch âm Hán - Việt:

Bách chiết bất hồi, hướng tiền tiến,

Cô thần nghịệt tử, nghĩa đương nhiên;

Quyết tâm, khổ cán dữ ngạch cán,

Tự hữu thành công đích nhất thiên.

Dịch nghĩa:

Trăm nghìn gian khó không lùi,

vẫn cứ tiến về phía trước

Phận tôi con bơ vơ nhà tan nước mất,

cái nghĩa phải như vậy;

Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,

Ắt sẽ có một ngày thành công.

Dịch thơ:

Gian khó không lùi, vẫn tiến lên,

Thù nhà nợ nước, nghĩa đương nhiên;

Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,

Nhất định thành công sẽ có phen.(1)

ĐỖ VĂN HỸ dịch

NHẤT ĐỊNH THÀNH CÔNG SẼ CÓ PHEN

Tướng công tức Tướng Giới Thạch, Tổng tư lệnh quân đội Quốc dân đảng, đã có thời kỳ Quốc Cộng hợp tác.

Huấn từ: lời chỉ bảo(chỉ giáo) một vấn đề gì đó

Tướng Công huấn từ trong bài thơ này là những lời phát biểu của Tướng Giới Thạch quyết kháng chiến đến cùng trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, Bác đã đọc được những lời huấn từ trên các tờ báo xuất bản ở Đệ tứ chiến khu, trong đó có tờ Trần trung nhật báo.

Tướng công huấn từ những gì?

Thứ nhất, dù trăm nghìn khó khăn trong cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật cũng quyết không lùi bước, tiến về phía trước Bách chiết bất hồi, hướng tiền tiến. Trung Quốc có thành ngữ Bách chiết bất hồi nghĩa là gặp khó mấy cũng không lùi bước. Thành ngữ này có nguồn gốc từ thành ngữ

bách chiết bất nao, lấy từ sách Văn bia Thái úy Huyền Kiêu của Thái Ung đời Hán: “Cao minh trác dị, vi chúng kiệt hùng, kỳ tính tât hoa thượng phát, hữu bách chiết nhi bất nao” (Cao sáng khác thường, anh hùng hào kiệt hơn đời, tính ông tài hoa mà mộc mạc, gặp trăm ngàn cản trở cũng không lay chuyển). Kỳ Quân đời Thanh trong Duyệt vi thảo đường bút ký đã chuyển dùng thành bách chiết bất hồi: “Thử sinh quật cường, khả vị chí cực, nhiên quý cánh tỵ chi. Cái chấp ảo chi khí, bách chiết bất hồi, diệc túc dĩ thẳng chi dã (Quật cường đời này đã đến tột bậc, nên quý cũng phải tránh xa. Với khí thế đó, trăm nghìn cản trở không lùi, đủ để thẳng vậy), đó là lẽ đương nhiên của những cô thần nghiệt tử.

Theo cụ Trần Đắc Thọ cô thần nghiệt tử, Bác lấy ý ở một đoạn trong chương Tân tâm, quyển 7, sách Mạnh Tử, nguyên văn Mạnh Tử viết: “Nhân chi hữu đức tuệ thuật trí giả, hăng tồn hồ sấn tât. Độc cô nghiệt tử kỳ thao tâm dã nguy, kỳ lự hoạn dã thâm, cố đạt”. Nghĩa là: “Những người có đức và sáng suốt thường được nung đúc ở trong cảnh đau đớn và hoạn nạn. Riêng hạng bề tôi không có phe cánh thế lực và con cái của vợ thứ, nàng hầu, phải khéo giữ gìn tâm ý trong cơn nguy khốn, phải biết phòng ngừa hoạn nạn một cách sâu xa, cho nên họ đạt ở đời”. Đoạn dẫn trên của Mạnh Tử có hai vế, vế trước nói về những người tài đức, vế sau nói về số phận những người không may mắn, hãm hiu, thua thiệt. Tuy nhiên trong bài thơ, Bác chỉ mượn lời Mạnh Tử để ám chỉ cảnh ngộ không đáng có của mình, mà không có ý nhận mình là cô thần nghiệt tử.

Thứ hai, khi gặp gian khó không lùi mà quyết tâm, kiên trì và cố gắng thì nhất định sẽ thành công.

Quyết tâm, khổ cán dữ ngạnh cán,

Tự hữu thành công đích nhất thiên.

Mặc dù đường lối, chính kiến, tư tưởng của Tưởng công khác với Bác và ngay cả chính quyền của ông ta vô cơ bắt và giam giữ Người, nhưng

những gì mà Tưởng công đúng, Bác ghi nhận, mà ghi nhận trong một hoàn cảnh không bình thường khi mình đang phải chịu đựng. Đây là một quan điểm, một thái độ rạch ròi, đúng đắn ở một tầm cao, để lại cho chúng ta một bài học về nhận thức, về đạo đức và cách ứng xử.

(1) Bản dịch của Nguyễn Thế Nữ:

Trăm cản không lùi, cứ tiến lên,

Cô thần nghịệt tử nghĩa đương nhiên;

Quyết tâm làm chắc và làm mạnh,

Thắng lợi có ngày cũng phải nên.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Lương Hoa Thịnh Tướng Quân Thăng Nhậm Phó Tư Lệnh

梁華晟將軍升任副司令

昔日麾軍湘浙地

今年抗敵緬滇邊

顯赫威名寒敵膽

為公預誦凱旋篇

Dịch âm Hán - Việt:

Tích nhật huy quân Tương, Chiết địa,

Kim niên, kháng địch Miến, Điền biên;

Hiển hách, uy danh hàn địch đảm

Vị công dự tụng khải hoàn thiên.

Dịch nghĩa:

Ngày trước chỉ huy quân đội ở đất Tương và Chiết,

Năm nay chống giặc nơi biên giới Miến và Điền;

Uy danh lừng lẫy làm kẻ thù mất mật,

Vì ông, xin ca trước khúc ca thắng trận trở về.

Dịch thơ:

Đốc quân ngày trước vùng Tương, Chiết,

Chống giặc năm nay mạn Miến, Điền;

Lừng lẫy uy danh, thù mất mật,

Mừng ông, ca trước khái hoàn thiên.

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

MỪNG ÔNG, CA TRƯỚC KHẢI HOÀN THIÊN

Trung tướng Lương Hoa Thịnh là Chủ nhiệm Cục chính trị Đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây đã có lần trực tiếp xét hỏi Bác và có những ưu đãi với Bác khi bị giam giữ ở nhà giam của Cục chính trị. Tiếp xúc với vị tướng quân này Bác hiểu ít nhiều cuộc đời binh nghiệp của ông, Bác khâm phục tài năng và đức độ của ông. Tháng 5 - 1943 ông được thăng chức Phó Tư lệnh (Trương Phát Khuê là Tư lệnh trưởng) Bác đã làm bài thơ Lương Hoa Thịnh tướng quân thăng nhậm Phó Tư lệnh (Tướng quân Lương Hoa Thịnh được thăng chức Phó Tư lệnh), ca ngợi cuộc đời binh nghiệp tài ba của ông.

Tích nhật, huy quân Tương, Chiết địa

Kim niên, kháng địch Miến, Điền biên

Tương, Chiết là hai địa danh, Tương là tên gọi khác của tỉnh Hồ Nam, Chiết là tên gọi tắt tỉnh Chiết Giang. Hai tỉnh này nằm ở phía đông nam Trung Quốc; còn Miến là Miến Điện (Mianma), Điền là tên gọi khác tỉnh Vân Nam. Ngày trước Lương Hoa Thịnh cầm quân, điều binh khiển tướng ở hai miền Hồ Nam và Chiết Giang. Năm nay chống địch ở biên giới Miến

Điện và ở Vân Nam. Ở đâu, chiến trường nào ông cũng lập chiến công hiển hách, uy danh lừng lẫy làm quân thù sợ mất mật:

Hiển hách uy danh hàn địch đảm

Với tài ba và những chiến công, giờ đây được thăng chức cao hơn, Bác tin rằng tướng quân Lương Hoa Thịnh sẽ hoàn thành xuất sắc chức trách được giao nên kết bài thơ là câu thơ mừng, câu thơ chúc, câu thơ gửi gắm niềm tin.

Vị công dự tụng khải hoàn thiên

Trung Quốc thường dùng Khải tuyền, cũng như Việt Nam dùng Khải hoàn. Khải tuyền hay khải hoàn đều cùng có nghĩa là mừng chiến thắng trở về. Nguyên nghĩa câu thơ là: Vì ông, xin ca trước khúc ca thắng trận trở về, được dịch thơ:

Mừng ông, ca trước khải hoàn thiên.

Hoặc

Vì ngài, mừng trước khúc khải hoàn.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Tặng Tiểu Hầu (Hải) - Tặng Chú Hầu (Hải)

贈小候 (海)

幼兒學也壯兒行

上忠黨國下忠民

儉勤勇感和廉正

無附梁公教育情

Dịch âm Hán - Việt:

Ấu nhi học dã, tráng nhi hành,

Thượng trung đảng, quốc, hạ trung dân;

Kiệm cần, dũng cảm hòa liêm chính,

Vô phụ Lương công giáo dục tình.

Dịch nghĩa:

Bé thì phải học, lớn lên sẽ thực hành,

Trên trung với Đảng và nước, dưới trung với dân;

Cần kiệm, dũng cảm và liêm chính,

Chớ phụ cái tình dạy dỗ của ông Lương.

Dịch thơ:

Bé thì phải học, lớn thì hành,

Với dân, đảng, nước, dạ trung hành;

Kiệm cần, dũng cảm và liêm chính,

Chớ phụ ông Lương dạy dỗ mình.

ĐỖ VĂN HỸ dịch

CHỚ PHỤ ÔNG LƯƠNG DẠY DỠ MÌNH

Theo Giáo sư Hoàng Tranh, Trung Quốc, người có nhiều công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh, bài thơ Tặng Tiểu Hầu (Hải). Tặng chú Hầu (Hải) được Bác Hồ viết tặng một người trẻ tuổi tên là Hầu Hải. Từ lời lẽ của bài thơ cho thấy Hầu Hải là một nhân viên của Cục chính trị Đệ tứ chiến khu, giúp việc trực tiếp cho Chủ nhiệm Lương Hoa Thịnh, Hầu Hải cũng là người mà Hồ Chí Minh tiếp xúc tương đối nhiều khi bị giam ở nhà giam của Cục này.

Hầu Hải làm việc dưới quyền một người tốt, nhất định chịu ảnh hưởng và tiếp thu được những đức tính tốt của người chủ, đã thực hiện đầy đủ về những ưu đãi của Lương Hoa Thịnh đối với Hồ Chí Minh.

Với chàng thanh niên trẻ tuổi này, Bác tôn trọng và có lời khuyên nhủ chân thành như lời khuyên thanh thiếu niên nước mình.

Mở đầu lời khuyên Bác lấy ngay một câu trong sách Tam tự kinh, cuốn sách giáo khoa vỡ lòng cho con trẻ: Ấu nhi học, Tráng nhi hành (Bé thì học, lớn thì hành). Câu thơ của Bác như sau:

Ấu nhi học dã tráng nhi hành

(Bé thì phải học, lớn lên sẽ thực hành)

để đi đến lời khuyên với Hầu Hải, lời khuyên đối với người tốt, với người đang phấn đấu, cần phải tu dưỡng và rèn luyện để có được những phẩm chất cao quý:

Thượng trung đẳng, quốc, hạ trung dân

Kiệm cần, dũng cảm hòa liêm chính.

Với dân, đảng, nước dạ trung thành

Cần kiệm, dũng cảm và chân chính

Đây cũng chính là một cách đền đáp, không phụ công với người đã giúp đỡ mình, dạy dỗ mình, gây dựng cho mình. Ở ai một chút không quên.

Phải nói rằng, Bác có một tình cảm đặc biệt đối với tướng quân Lương Hoa Thịnh. Đã ba lần trong thơ Ngục trung nhật ký Bác nhắc tới vị tướng này.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức
www.dtv-ebook.com

Thu Cảm

秋感

熊到山峰晚十點
蟲聲斷續慶秋來
囚人不管秋來未
只管囚籠何時開
去歲秋初我自由
今年秋首我居囚
倘能裨益吾民族
可說今秋值去秋

Dịch âm Hán - Việt:

Hùng đảo sơn phong vãn thập điểm,
Trùng thanh đoạn tục khánh thu lai;
Tù nhân bất quản thu lai vị,
Chỉ quản tù lung hà thì khai.

Khứ tuế thu sơ ngã tự do,
Kim niên thu thủ ngã cư tù;
Thảng năng tì ích ngô dân tộc,
Khả thuyết kim thu trị khứ thu.

Dịch nghĩa:

Sao Bắc Đẩu lên đến đỉnh núi đã mười giờ đêm,
Tiếng trùng dứt nổi mừng tiết thu sang;
Người tù chẳng kể thu đến hay chưa,
Chỉ cần biết cửa tù bao giờ mở.
Đầu thu năm ngoái ta tự do,
Đầu thu năm nay đi ở tù;
Ví bằng giúp ích cho dân tộc,
Thì có thể nói thu nay cũng sánh ngang thu trước.

Dịch thơ:

Bắc đẩu mười giờ ngang đỉnh núi,
Dế kêu khoan nhặt đón mừng thu;
Thân tù đâu biết thu sang chưa,
Chỉ thiết hôm nao mở cửa tù.
Năm ngoái đầu thu ta tự do,

Năm nay thu đến ta trong tù;

Ví bằng giúp ích cho dân tộc,

Thu trước thu này, há kém nhau.

NAM TRÂN và BĂNG THANH dịch

THÂN TÙ ĐÂU BIẾT THU SANG CHỮA

Ngục trung nhật ký có đến bốn bài thơ thu, mỗi bài một tâm trạng khác nhau. Bài Thu cảm (Cảm thu) thể hiện tâm trạng bức bối vì đã ở tù một năm trời, từ mùa thu năm trước đến mùa thu năm nay, thời gian cứ dằng dằng trôi đi, đã thành day dứt thường trực, theo dõi, ngóng trông, chờ đợi đến khắc khoải ngày thoát tù, được trả lại tự do.

Bây giờ đây đã là trung tuần tháng 8 - 1943, vẫn biết rằng mùa thu đang đến, vẫn dõi theo sao Bắc Đẩu đã nằm ngang đỉnh núi lúc mười giờ: Hùng đảo sơn phong vẫn thập điểm(1), vẫn lắng nghe và cảm nhận tiếng dế kêu khoan nhặt đón mừng thu Trùng thanh đoạn tục khánh thu lai. Vẫn biết thế, sắc thái thu, âm thanh mùa thu, đủ cả đấy nhưng không có tâm thế thưởng thu như Trung thu năm trước: Ngục trung nhân đã thưởng Trung thu, mà là:

Tù nhân bất quản thu lai vị

Lai vị có nghĩa là đến chưa, đến hay không, không quan tâm: Thân tù đâu biết thu sang chưa. Cái quan tâm, cái tập trung chú ý, choán hết cả tâm trí lúc này là:

Chỉ quản tù lòng hà thì khai

(Chỉ cần biết cửa tù bao giờ mở)

Bốn câu thơ, hai câu đầu rõ là mùa thu đang đến, hai câu sau là tâm trạng người tù, một tâm trạng thực Tù nhân bất quản thu lai vị (Người tù chẳng kể thu đến hay chưa) đã phản ánh đúng hoàn cảnh và tâm trạng người tù, làm nên thần thái bài thơ.

Từ tâm trạng bức bối tù đầy, quá khứ trở về, hồi ức lại, từ đầu thu năm ngoái đến đầu thu năm nay Khứ tuế thu, Kim niên thu mà thân phận con người đã quá khác xa nhau:

Khứ tuế thu sơ ngã tự do

Kim niên thu thủ ngã cư tù.

(Năm ngoái đầu thu ta tự do

Năm nay thu đến ta trong tù)

Nhưng người tù Hồ Chí Minh không bao giờ dừng trước hoàn cảnh, khuất phục hoàn cảnh, cho dù tâm trạng có bức bối, buồn sâu, uất ức đến đâu vẫn vươn lên, vẫn ước mong, vẫn đặt hy vọng ở tương lai, ở phía trước, vẫn thường trực trong mình luôn luôn vì dân tộc, vì tổ quốc. Chính vì thế hai câu kết của bài thơ Thu cảm mang tinh thần lạc quan, trên ý nghĩa thời gian, quá khứ có thể có ý nghĩa tương đương với hiện tại, tự hỏi mình, tự đo lòng mình:

Ví bằng giúp ích cho dân tộc

Thu trước thu này, há kém nhau.

(1) Đây là lần thứ hai Bác nhìn Bắc Đẩu năm ngang. Lần đầu, mới vào tù, một đêm lạnh Dạ lãnh không ngủ được, ngóng ra ngoài cửa sổ nhìn sao Bắc Đẩu đã năm ngang: Khuy song Bắc Đẩu dĩ hành thiên:

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Nhân Đồ Ngã - Nhân Lúc Đói Bụng

因肚餓

從前送飯天天早

現在開餐遲又遲

況復時間不一定

十十一或十二時

Dịch âm Hán - Việt:

Tòng tiền tổng phạm thiên thiên táo,

Hiện tại khai xan trì hựu trì;

Huống phục thời gian bất nhất định,

Thập, thập nhất, hoặc thập nhị thì.

Dịch nghĩa:

Trước đây ngày ngày đưa cơm rất sớm,

Bây giờ bữa ăn đã muộn lại càng muộn;

Huống chi lại thêm thời gian không nhất định,

Lúc thì mười giờ, lúc lại mười một giờ, hoặc mười hai giờ.

Dịch thơ:

Ngày ngày từ trước cơm đưa tới,

Bữa bữa giờ đây cứ chậm hoài;

Huống nữa thời gian không nhất định,

Mười giờ, mười một hoặc mười hai.(1)

NAM TRÂN dịch

HUỐNG NỮA THỜI GIAN KHÔNG NHẤT ĐỊNH

Bài Nhân đổ ngã (Nhân lúc đói bụng) đúng là thơ nhật ký, ghi lại sự việc thường nhật, theo đúng trình tự, tình tiết một cách khách quan, trung thực, không thêm bớt gì.

Có thể diễn dịch như sau được chăng.

Câu 1: Kể về trước đây:

Tòng tiền, tống phạt thiên thiên tảo

Trước đây, ngày ngày cơm bữa sớm đưa đúng buổi sớm

Câu 2: Kể về hiện tại:

Hiện tại khai xan trì hựu trì.

Bây giờ thì cơm bữa sớm đã đưa muộn, không những thế ngày càng quá muộn.

Câu 3: Lời nhận xét:

Huống phục thời gian bất nhất định

Như vậy là, về thời gian việc đưa cơm buổi sáng không quy định là giờ nào.

Câu 4: Dẫn chứng bằng bằng chứng cụ thể:

Thập, thập nhất, hoặc thập nhị thì.

Lúc thì mười giờ, lúc mười một giờ, thậm chí mười hai giờ cũng được, cũng không sao, rất tùy tiện.

Bốn câu thơ kể sự việc đúng như đã xảy ra. Kể, nhưng không phải chỉ để mà kể, khách quan từ bốn câu thơ ấy cho thấy một thực trạng nhà tù của chính quyền Trung Hoa dân quốc rất tùy tiện, muốn làm sao cũng được chẳng quy định, chẳng ai kiểm soát. Cơm bữa sớm mà đưa lúc mười giờ, lúc mười một giờ, lúc mười hai giờ thì còn gì là cơm buổi sớm nữa. Nhân lúc đói bụng, mà chắc là cái đói bụng này, xảy ra thường xuyên, lặp đi lặp lại nên đã thành đề tài của thơ.

(1) Bản dịch khác của Nguyễn Sĩ Lâm:

Trước kia cơm bữa ngày ngày sớm,

Cơm bữa gần đây, chậm chậm hoài;

Lại nổi thời gian không nhất định,

Mười giờ, mười một hoặc mười hai.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Trần Khoa Viên Lai Thám - Khoa Viên Họ Trần Tới Thăm

陳科員來探

一年只見兵和警

今日看見儒雅人

雅人使我心興奮

我髮黑反兩三分

Dịch âm Hán - Việt:

Nhất niên chỉ kiến binh hoà cảnh,

Kim nhật khan kiến nho nhã nhân;

Nhã nhân sử ngã tâm hưng phấn,

Ngã phát hắc phản lưỡng tam phân.

Dịch nghĩa:

Quanh năm chỉ thấy lính và cảnh sát,

Hôm nay mới nhìn thấy người nho nhã;

Người nho nhã khiến lòng ta phấn chấn,

Tóc ta đen trở lại hai ba phần.

Dịch thơ:

Lính tráng tuần canh nhìn nhẵn mặt,

Hôm nay mới được gặp văn nhân;

Người trông nho nhã, ai không thích,

Mái tóc ta xanh lại mấy phần.(1)

HUỆ CHI dịch

MÁI TÓC TA XANH LẠI MẤY PHẦN

Tại nhà giam của Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu, mọi thứ khắc nghiệt của nhà tù đã được nói lỏng với Hồ Chí Minh, Người được hưởng những ưu đãi nhất định, các viên chức cấp cao của Đệ tứ như Lương Hoa Thịnh, Hầu Chí Minh đã có những cuộc tiếp xúc, thăm hỏi. Khoa viên họ Trần (theo Giáo sư Hoàng Tranh là khoa trưởng) cũng đã tới thăm Bác và để lại trong Bác một ấn tượng đẹp và Bác đã làm bài thơ Trần khoa viên lai thám biểu lộ tình cảm, cảm tưởng của mình về khoa viên họ Trần và những cảm xúc tự nhiên về sự đời.

Bài thơ được viết trong sự hưng phấn, kích thích mạnh

Kim nhật khan kiến nho nhã nhân

Nhã nhân sử ngã tâm hưng phấn.

(Hôm nay mới nhìn thấy người nho nhã

Người nho nhã khiến lòng ta hưng phấn)

Người nho nhã là người có dáng vẻ thanh tao, tao nhã, có học thức (kiểu nho sĩ thời trước). Trong cảm quan, nhìn nhận của Bác, Khoa viên họ Trần là người như thế. Nếu dịch là văn nhân e chưa sát nghĩa, văn nhân cũng là người có học thức nhưng là để chỉ những người biết làm văn, làm thơ (khách văn nhân). Khi bất ngờ gặp được người nho nhã, Bác hưng phấn tự thổ lộ chân thực lòng mình, đó là, cả một năm nay chỉ Nhất niên chỉ kiến binh hòa cảnh (Quanh năm chỉ thấy lính và cảnh sát), mà những người này họ chỉ thực hiện chức năng công vụ một cách lạnh lùng, chỉ một mực xét hỏi, khép tội. Cứ ngày này qua ngày khác, phải trực tiếp với họ, chẳng có thiện cảm gì, chán ngấy, nay gặp được người tao nhã, thanh tao đến thăm, tự mình thấy phấn chấn.

Bài tứ tuyệt đã dành đến ba câu để kể về con người, sự việc và tâm lý rất thực, cũng là tâm lý thường tình như bất cứ ai:

Quanh năm thấy lính cùng cảnh vệ

Nay người nho nhã đến thăm ta

Lòng ta mừng gặp người nho nhã.

Nhưng cái bất ngờ, cái khác thường khi câu thơ thứ tư xuất hiện:

Ngã phát hắc phản lưỡng tam phân

(Mái tóc ta đen trở lại hai ba phần)

Phát hắc phản nghĩa là tóc xanh lại. Tóc biểu hiện rõ về tình trạng tinh thần và thể chất con người. Khi tinh thần và thân thể bị dày đọa, tinh thần bị giày vò cùng cực thì tóc nhanh bạc. Khi tinh thần và sức khỏe được cải thiện thì tóc xanh lại dần. Quanh năm chỉ toàn gặp lính cảnh sát dày đọa con người, tóc Bác đã bạc đi nhiều, nay gặp người nho nhã, dù chỉ lần đầu tiên, tinh thần phấn chấn hẳn tóc xanh lại hai ba phần.

Ôi, chỉ cần thấy người nho nhã, cũng tức là cái đẹp của cuộc sống xuất hiện, dù tuổi đã nhiều vẫn cảm thấy như được trở lại tuổi trẻ Tóc ta đen lại được vài ba. PGS. Đặng Anh Đào cảm nghĩ: “Ôi vờn tới cái vô hạn, tới tuổi xanh, bất diệt thật rất dễ mà cũng thật khó”. Cái thần tình của bài thơ, làm nên giá trị của bài thơ chính là ở câu thơ này.

(1) Bản dịch khác của KD:

Quanh năm thấy lính cùng cảnh vệ,

Nay người nho nhã tới thăm ta;

Lòng ta mừng gặp người nho nhã,

Tóc ta đen lại được vài ba.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

**Hầu Chủ Nhiệm Ân Tặng Nhất Bộ Thư - Chủ Nhiệm Họ Hầu Tặng
Một Bộ Sách**

侯主任恩贈一部書

頃乘主任送書來

讀罷精神覺頓開

領袖偉言如在耳

天邊轟動一聲雷

Dịch âm Hán - Việt:

Khoảnh thừa chủ nhiệm tổng thư lai,

Độc bãi tinh thần giác đốn khai;

Lãnh tụ vĩ ngôn như tại nhĩ,

Thiên biên oanh động nhất thanh lôi.

Dịch nghĩa:

Vừa rồi được chủ nhiệm đem sách đến cho,

Đọc xong, thấy tinh thần đột nhiên mở mang;

Lời lãnh tụ như còn văng bên tai,
Khác nào một tiếng sấm ầm vang nơi chân trời.

Dịch thơ:

Sách ngài chủ nhiệm mới đưa sang,
Đọc đoạn, tinh thần chột mở mang;
Còn văng bên tai lời lãnh tụ,
Chân trời một tiếng sấm rầm vang.

ĐỖ VĂN HỸ dịch

CÒN VẮNG BÊN TAI LỜI LÃNH TỰ

Hầu chủ nhiệm, tức chủ nhiệm họ Hầu, tên thật là Hầu Chí Minh, được bổ nhiệm giữ chức Chủ nhiệm Cục chính trị Đệ tứ chiến khu khi Lương Hoa Thịnh thăng chức Phó tư lệnh.

Theo hồi ký của đồng chí Lê Tùng Sơn và theo hồi ức của Hầu Chí Minh thì thiếu tướng Hầu Chí Minh là người có nhiều thiện cảm với Hồ Chí Minh. Hầu Chủ nhiệm đã có những lần đến tận phòng giam thăm Hồ Chí Minh, ông đã tặng Hồ Chí Minh Nhất bộ thư (Một bộ sách), đó là bộ sách Tam dân chủ nghĩa của Tôn Trung Sơn (1).

Hồ Chí Minh đã đọc bộ sách này ngay trong nhà giam, nhận thấy đây là bộ sách hữu ích nên đã dịch ra tiếng Việt đồng thời đã làm bài thơ Hầu chủ nhiệm ân tặng nhất bộ thư (Chủ nhiệm họ Hầu tặng một bộ sách) thay cho lời cảm ơn khi được ân tặng.

Bài thơ bốn câu, mở đầu là một câu kể:

Khoảnh thừa chủ nhiệm tổng thư lai.

(Vừa rồi được chủ nhiệm đem sách đến cho)

Ba câu sau là phát biểu về tác động của bộ sách sau khi đọc:

Độc bãi tinh thần giác đốn khai

Lãnh tụ vĩ ngôn như tại nhĩ

Thiên biên oanh động nhất thanh lôi.

(Đọc xong, thấy tinh thần đột nhiên mở mang;

Lời lãnh tụ như còn văng bên tai

Khác nào một tiếng sấm âm vang nơi chân trời.)

Như vậy, cuốn sách Tam dân chủ nghĩa của Tôn Trung Sơn đã được Hồ Chí Minh đánh giá cao. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từng lăn lộn hoạt động trong phong trào Cộng sản Quốc tế, người đã từng trải, có nhiều thực tế từ nhiều nước, lại là người đang trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đánh đổ đế quốc, phong kiến, giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân nên đã nhận thực và tiếp thu những gì là đúng đắn, tích cực của bộ sách không kể tác giả của nó theo chủ nghĩa nào. Với Hồ Chí Minh, bộ sách thực sự có ích.

(1) Tôn Trung Sơn (còn có tên là Tôn Dật Tiên, Tôn Văn) là nhà dân chủ cách mạng Trung Quốc, ông nêu ba nguyên tắc, coi đó là cương lĩnh chính trị, là học thuyết Tôn Văn: Một là “nguyên tắc dân tộc” (Độc lập dân tộc), hai là: “nguyên tắc dân quyền” (Thành lập nền cộng hòa), ba là: nguyên tắc dân sinh (Thủ tiêu tình trạng bất bình đẳng xã hội). Chủ nghĩa

Tam dân được tóm gọn: Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc.

Lê Nin đã đánh giá cao cương lĩnh dân chủ cách mạng của Tôn Trung Sơn nhưng cũng phê phán quan niệm không tưởng cho rằng có thể ngăn ngừa được Chủ nghĩa tư bản Trung Quốc.

Về quan điểm Triết học của Tôn Trung Sơn, ông giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa ý thức và vật chất một cách duy vật, nhưng khi giải thích hiện tượng xã hội thì nhìn chung ông là một nhà duy tâm.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Mông Thượng Lệnh Chuẩn Xuất Lung Hoạt Động

蒙上令准出籠活動

久閑兩腳軟如綿

今試行行屢欲顛

片刻已聞班長喊

返來不准再遲延

Dịch âm Hán - Việt:

Cửu nhàn lưỡng cước nhuyễn như miên,

Kim thí hành hành lũ dục điên;

Phiến khắc dĩ văn Ban trưởng hám:

“Phản lai, bất chuẩn tái trì diên”

Dịch nghĩa:

Nhàn rồi lâu ngày, hai chân mềm như bông,

Nay mới thử đi vài bước đã lão đảo mấy

lần chực ngã

Chốc lát đã nghe Ban trưởng gọi to:

“Quay lại, không được dềnh dàng nữa!”

Dịch thơ:

Nghỉ lâu, chân tựa bông mềm nhũn,

Đi thử, hôm nay muốn ngã quay;

Chốc lát đã nghe cai ngục quát:

“Không rềnh ràng nữa, phải vào ngay.”(1)

ĐỖ VĂN HỸ dịch

ĐI THỬ, HÔM NAY MUỐN NGÃ NHÀO

Đã vào cuối tháng 8-1943, như vậy Bác đã bị ngồi tù một năm rồi, các bộ phận của cơ thể đều rệu rạo, sức khỏe giảm sút nghiêm trọng (Bác cũng đã kể rõ trong Vừa đi đường vừa kể chuyện). Khi được lệnh cho đi lại ngoài buồng giam thì hai chân đi lại rất khó, nên mở đầu bài thơ Mông thượng lệnh chuẩn xuất lung hoạt động (Được lệnh trên cho đi lại ngoài buồng giam), Bác viết:

Cửu nhàn lưỡng cước nhuyễn như miên

(Nay mới thử đi vài bước đã lão đảo mấy lần chực ngã)

Nhuyễn như miên là thành ngữ Trung Quốc nghĩa là nhũn như bông, (Việt Nam có thành ngữ tương đương: Mềm như bún, yếu như sên), Bác dùng thành ngữ này để nói về đôi chân yếu đi lại khó khăn do thời gian dài bị giam trong tù. Chân yếu đến nỗi, mới đi thử vài bước đã lão đảo mấy lần chực ngã Kim thí hành hành lữ dục điền.

Tuy được ra ngoài đi lại nhưng cũng chỉ hạn định về thời gian. Vừa mới đẩy thôi, chỉ chốc lát, Ban trưởng đã gọi:

Phiến khắc dĩ văn Ban trưởng hám:

“Phản lai, bất chuẩn tái trì diên”.

(Chốc lát đã nghe Ban trưởng gọi to:

“Quay lại! Không được dềnh dàng nữa!”)

Về chữ hám theo cụ Trần Đắc Thọ có hai thanh: âm thanh và thượng thanh. Tùy theo cách phát âm mà nghĩa có khác nhau. Đọc theo âm thanh từ này có nghĩa là kêu, gọi, đọc theo thượng thanh từ này có nghĩa là Cao giọng gọi gấp. Căn cứ vào ý nghĩa bài thơ, chữ hám cần được đọc theo thượng thanh và phát âm là hám. Vì vậy nếu dịch 喊 là quát hoặc gào thì cần cân nhắc lại, bởi vào thời điểm này, Bác đã được hưởng chế độ ưu đãi, các viên chức cao cấp của Đệ tứ rất tôn trọng Bác, lẽ nào Ban trưởng lại hống hách quát hoặc gào như vậy.

(1) Bản dịch khác của Quách Tấn:

Ngồi lâu mềm nhũn đôi chân

Hôm nay đi thử lắm phần lao đao

Đương đi nghe chúa ngục gào:

Hãy dừng lại, hãy quay vào, nhanh lên.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Thu Dạ - Đêm Thu

秋夜

門前衛士執槍立

天上殘雲傍月飛

木虱縱橫如坦克

蚊蟲聚散似飛機

心懷故國干塘路

夢繞新愁萬縷絲

無罪而囚已一載

老夫和淚寫囚詩

Dịch âm Hán Việt:

Môn tiền vệ sĩ chấp thương lập,

Thiên thượng tàn vân bàng nguyệt phi,

Mộc sắt tung hoành như thản khắc,

Mân trùng tự tán tự phi ki (cơ);

Tâm hoài cố quốc thiên đường lộ,

Mộng nhiều tâm sâu, vạn lữ ti;

Vô tội nhi tù dĩ nhất tải,

Lão phu hoà lệ tả tù thi.

Dịch nghĩa:

Trước cửa lính gác cầm súng đứng,

Trên trời đám mây tàn bay bên vầng trăng;

Lũ rệp bò ngổn ngang như xe tăng,

Đàn muỗi lúc tụ lúc tán như máy bay;

Lòng nhớ cố quốc cách xa nghìn trùng,

Giấc mộng vấn vương mối sâu mới

như vạn mối tơ;

Vô tội mà ở tù đã một năm nay,

Già này hòa nước mắt viết thơ tù.

Dịch thơ:

Trước cửa lính canh bông súng đứng,

Trên trời trăng lướt giữa làn mây;

Rệp bò ngang dọc như xe cóc,

Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay;

Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ,

Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay;

Ở tù trọn thân vô tội,

Hoà lệ thành thơ tả nỗi này. (1)

NAM TRÂN dịch

HÒA LỆ THÀNH THƠ TẢ NỖI NÀY

Theo cách truyền thống, phân tích, thẩm bình bài thơ thất ngôn bát cú thường theo niêm luật: khai, thực, luận, kết. Với bài thơ Thu dạ (Đêm thu) có thể tìm đến cách tiếp cận khác theo mạch tư duy và âm hưởng thơ chẳng.

Nếu chia đoạn, bài thơ được chia làm hai đoạn và có thể coi như hai bài thơ tương đối độc lập, ý thơ và cách thức thể hiện khác nhau khá rõ rệt.

Bốn câu thơ đầu (đoạn 1, bài 1) kể và tả cảnh thực, cảnh như thế nào kể và tả như thế ấy. Bên ngoài phòng giam lính gác cầm súng đứng trước cửa (Chấp thương lập), trên trời mây tàn di chuyển theo vầng trăng lặn Môn tiền vệ sĩ chấp thương lập/ Thiên thượng tàn vân bạng nguyệt phi. Có một chút xót xa ẩn bên trong do cảnh tượng khêu gợi, nhưng qua đi rất nhanh, nhường chỗ cho đùa vui trào phúng toát ra từ hai câu thơ nối tiếp miêu tả cảnh bên trong phòng giam, vừa thực lại vừa hài, đó là lũ rệp bò ngổn ngang như xe tăng và đàn muỗi lúc tụ lúc tán như máy bay: Mật sắt tung hoành như thản khắc / Mân trùng tụ tán tự phi ky (cơ). Mật sắt tiếng Quảng Đông là con rệp, thản khắc: phiên âm tiếng Anh, tank là xe tăng, phi ky (cơ) là máy bay. Ví con rệp là xe tăng, con muỗi là máy bay mặc sức tung hoành tấn công người tù thì rõ ràng là trào phúng rồi. Trào phúng đã át đi cái xót xa ban đầu, trào phúng đã chiếm lĩnh làm thành âm hưởng chủ đạo của đoạn thơ.

Bốn câu thơ tiếp theo (đoạn 2, bài 2) chuyển hướng theo một ngã rẽ bất ngờ, từ âm hưởng trào phúng chuyển sang âm hưởng trữ tình, từ tả kết hợp với kể chuyển sang tự biểu hiện về nỗi lòng da diết nhớ thương Tổ quốc, mà Tổ quốc thì cách xa nghìn trùng, khiến lòng buồn như vạn mối tơ rối bời, cứ thường trực trong người, cứ vấn vương trong mộng. Đẳng đẳng đã ở tù trọn một năm, thời gian không phải ngắn, hơn nữa chẳng tội tình gì mà phải tù, cứ giải đi giải lại vòng vo, quay quặt, kêu mãi cũng không thấu, thật là cay đắng, trong khi đó bao công việc lớn đang chờ, đồng chí ngóng đợi, hỏi không đau buồn sao được. Những câu thơ ứa nước mắt. Tâm hoài cố quốc thiên đường lộ / Mộng nhiều tâm sầu, vạn lữ ti / Vô tội nhi tù dĩ nhất tải / Lão phu hoà lệ tả tù thi. Trong xa cách ngàn trùng, nỗi lòng nhớ thương đất nước đau đáu suốt ngày đêm đã bộc lộ tư tưởng lớn ôm trùm toàn bài thơ.

Lão phu hoà lệ tả tù thi

(Già này hoà nước mắt viết thơ tù.)

Lô gích phát triển của bài thơ dẫn đến câu kết không làm bất ngờ nhưng lại gây xúc động lớn, ứa nước mắt, lắng sâu và gợi những suy nghĩ về một dòng chảy ngầm xuyên suốt cả tập Ngục trung nhật ký.

Cả tập thơ không hề thấy Bác khóc, Bác nén tiếng khóc sau nụ cười. Có lúc đau khổ quá, tột cùng thì lấy tiếng hát át tiếng khóc, Ngục trung hại bệnh chân tâm khổ/ Bản ứng thống khốc khước cuồng ca (Ở tù mắc bệnh càng đau khổ/ Đáng khóc mà ta cứ hát tràn). Chỉ đến bài thơ Thu dạ sắp kết thúc tập thơ mới thấy duy nhất, bắt gặp một lần chữ lệ (nước mắt), ngầm kỹ thì hóa ra cả tập thơ, bài nào cũng có nước mắt, viết bằng nước mắt, Hòa nước mắt viết thơ tù. Bác là nhà cách mạng vĩ đại, là vĩ nhân, là anh hùng dân tộc, với ý chí mãnh liệt, kiên cường không chịu lùi một phân trước những gian khổ, những nguy nan, nhưng Bác vẫn là con người như bao con người, thân thể và tinh thần cũng chịu đau đớn, buồn khổ như mọi người, cũng rơi nước mắt, cũng tràn lệ. Chữ lệ ở đây mang nhiều ý nghĩa. Chữ lệ

cũng như chữ thép, cũng chỉ duy một lần trong câu: Nay ở trong thơ nên có thép, nhưng cả tập thơ, tất cả các bài thơ trong tập đều mang chất thép, toát ra tinh thần thép. Chất thép đó được tôi luyện trong đấu tranh, trong gian khổ. Chất thép đó cũng được tôi luyện bằng nước mắt, sinh ra trong nước mắt. Đó là chất thép, đó là nước mắt Bác Hồ.

Lão phu hòa lệ tả tù thi

Quách Mạt Nhược, Trung Quốc cảm nhận: “Đây là nước mắt của người anh hùng, nước mắt của người chiến sĩ. Nước mắt này không nhỏ vì mình, mà là vì hàng nghìn hàng vạn con người bị đau khổ”.

Tuổi già, nước mắt, thơ tù. Câu thơ, tứ thơ chứa đựng sự xót xa, nỗi đau buồn cao độ. Trong cảnh mất nước nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã từng: "Nói ra thì nước mắt trào / Tấm lòng ưu ái biết bao giờ rồi," những tấm lòng cao cả gặp nhau. Tuy âm hưởng xót xa, đau buồn là âm hưởng chủ đạo của bài thơ, nhưng hoàn toàn không bi lụy, không hề chán nản mang tâm lý thất bại mặc dù nhiệm vụ trọng đại đối với đất nước đang tiến hành chưa thành công. Cái xót xa, cái đau buồn ở đây là biểu hiện tinh thần, tấm lòng yêu nước tha thiết đến vô cùng, chính vì vậy mà luôn luôn tự chủ, trào phúng cái cảnh ngộ khổ đau của nhà tù gây ra mà mình phải chịu đựng. Cái buồn cao cả, sáng trong. Từ cái buồn này khiến ta liên hệ ngay đến mấy câu thơ của nhà thơ Tố Hữu: Buồn ta, là của muôn đời / Buồn ta không chảy thành đôi lệ hèn / Buồn ta lửa ấy đang nhen / Buồn ta ấy rượu lên men say nồng. Nỗi buồn đáng trân trọng.

Hai đoạn thơ, hai trạng thái tình cảm, tương đối độc lập với nhau, nhưng không tách rời nhau mà hoà hợp, hài hoà với nhau, đoạn 1 là tiền đề của đoạn 2, lại được nối liền từ một mạch ngầm chạy dọc toàn bài, đó là tinh thần yêu nước, là nỗi buồn nhớ nước khôn nguôi.

Một đêm thu buồn - đêm thu nhớ nước.

(1) Bản dịch của Trần Đắc Thọ:

Lính canh trước cửa tay cầm súng.

Trăng sáng trên trời mây quyện đưa.

Ngang dọc, rệp bò như thiết giáp.

Tụ tan, muỗi đảo tự phi cơ.

Nhớ hung nước cũ, nghìn trùng cách,

Vương vấn sâu nay, vạn mối tơ.

Vô tội, ngồi tù năm đã trọn.,

Già này hoà lệ viết thành thơ.

Bản dịch của Quách Tấn:

Lính canh trước cửa tay cầm súng

Đeo nguyệt mây tàn bay lừng lơ

Rệp tủa dọc ngang đoàn thiết giáp

Muỗi bay thưa nhạt toán phi cơ.

Nghìn trùng cố quốc lòng nhung nhớ

Muôn sợi tâm sâu mộng vương tơ

Xiềng xích ngót năm thân chẳng tội

Mực tù hoà lệ chép nên thơ.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Tình Thiên

晴天

事物循環原有定

雨天之後必晴天

片時宇宙解淋服

萬里山河晒錦氈

日暖風清花帶笑

樹高枝潤鳥爭言

人和萬物都興奮

苦盡甘來理自然

Dịch âm Hán Việt:

Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,

Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;

Phiến thời vũ trụ giải lâm phục

Vạn lý sơn hà sái cảm chiên;

Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,
Thụ cao chi nhuận điều tranh nghiên (ngôn);
Nhân hoà vạn vật đô hứng phấn,
Khổ tận cam lai, lý tự nhiên.

Dịch nghĩa:

Sự vật vẫn xoay vốn định sẵn,
Sau ngày mưa tấp đến ngày nắng;
Trong chốc lát, vũ trụ đã cởi bộ áo ướt,
Muôn dặm non sông phơi màu chần gấm;
Trời ấm, gió nhẹ, hoa chúm chím cười,
Cây cao, cành mượt, chim đua hót;
Người cùng muôn vật đều phấn chấn,
Hết khổ đến sướng là lẽ tự nhiên.

Dịch thơ:

Sự vật vẫn xoay đà định sẵn
Hết mưa là nắng hứng lên thôi;
Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;
Trời ấm hoa cười chào gió nhẹ,

Cây cao, chim hót rộn cành tươi;

Người cùng vạn vật đều phơi phới.

Hết khổ là vui vốn lẽ đời.

NAM TRÂN dịch

NGƯỜI CÙNG VẠN VẬT ĐỀU PHƠI PHỚI

Bài thơ mở là quy luật của tự nhiên:

Hết mưa là nắng ửng lên thôi;

và đóng là quy luật của con người, của cuộc đời:

Hết khổ là vui vốn lẽ đời.

nhưng không phải là bài thơ triết lý. Cái thuyết Sự vật vận xoay (Tuần hoàn luận) không phải là trung tâm cảm hứng của nhà thơ. Cái bao trùm là:

Người cùng vạn vật đều phơi phới

Phơi phới một niềm vui.

Nói sao hết niềm vui phơi phới này. Có hiểu những đêm Bác băng khuâng thao thức nhòm qua song cửa sắt nhà tù đợi trời sáng, những đêm để lòng mình theo vời vợi mảnh trăng thu, những đêm trăn trở với cánh sao vàng trong mộng - những đêm không ngủ được nặng trĩu suy tư, mới thấu hết niềm vui của Bác khi sắp thoát khỏi cảnh Xích với gông, Giam hãm trong tù ngục. Chính vì thế mà bài thơ Trời hửng rất vui, rất thoáng. Vui và thoáng ở trong lòng đã toả ra và thấm cả cỏ cây, sông núi ...

Quang cảnh trời hửng choán hết cả bài thơ. Sau cơn mưa, trong chốc lát vũ trụ đã thay quần áo ướt, muôn dặm núi sông trải chẵn gấm ra phơi.

Trời ấm, gió êm, hoa cười chúm chím, cây cao cành mượt, chim hót rộn ràng. Thật là một bức tranh kỳ thú sống động:

Phiến thời vũ trụ giải lâm phục,

Vạn lý sơn hà sái cấm chiêm;

Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,

Thụ cao chi nhuận điệu tranh nghiên (ngôn);

(Đất trời một thoáng thu màn ướ,

Sông núi muôn trùng trái gấm phơi;

Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,

Cây cao, chim hót rộn cành tươi.)

Cảnh mở ra chiều rộng, ngút tầm mắt. Sau cơn mưa, chỉ một thoáng thôi, nghĩa là rất nhanh: mây đen và âm u tan đi; đất, trời, sông, núi trải ra như hoa thêu gấm dệt và sự sống ủa cả dậy. Với Sông núi muôn trùng trái gấm phơi và hoa cười chào gió, chim hót rộn cành thì đúng là một vũ trụ bao la, rực rỡ và náo nức. Viết được những câu thơ như thế phải ở trạng thái tâm hồn rất khoẻ, rất vui. Không gian, thời gian, cảnh vật, âm thanh đều thoáng đạt và tràn trề sức sống. Thơ liền mạch, viết một thôi.

Đây là bốn câu thơ tươi thắm nhất, sáng khoái nhất viết về thiên nhiên so với các bài thơ thiên nhiên trong toàn bộ tập Ngục trung nhật ký. Nhưng hẳn là, những câu thơ của Bác không dừng lại ở vẽ tranh thiên nhiên đơn thuần. Nếu thế sẽ rơi vào chủ nghĩa duy mỹ không đúng với con người Bác và hoàn cảnh của Bác lúc bấy giờ; hoặc thiên nhiên chỉ là sự vờn xoay trong trời đất, chỉ là vòng chính khí thông thường thì lại quần quanh với

triết lý của người xưa. Thiên nhiên ở đây rất động, phơi phới, hiện ra dưới con mắt của con người nắm vững quy luật:

Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;

Phiến thời vũ trụ giải lâm phục,

Vạn lý sơn hà sái cảm chiêm;

Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,

Thụ cao chi nhuận điều tranh nghiên (ngôn);

Nhân hoà vạn vật đô hứng phần,

Hết mưa là nắng ửng lên thôi;

Đất trời một thoáng thu màn ướt,

Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;

Trời ấm hoa cười chào gió nhẹ,

Cây cao, chim hót rộn cảnh tươi;

Người cùng vạn vật đều phơi phới,

Những câu thơ có sức gợi lạ kỳ. Chỉ hé mở một chút mà hiện ra cả thế giới. Cảnh đang vận động trong thế động, trong thế đi lên cũng như con người đang vận động đến tự do. Ở đây con người và thiên nhiên không có sự cách ngăn. Cái chấn song sắt của nhà tù chẳng có tác dụng gì nữa, đã tan lả tả dưới ý chí và tâm hồn vĩ đại của tù nhân - thi nhân. Phải là cái nhìn lạc quan lắm mới có cảnh vật ấy được. Là bức tranh mà cũng là tiếng hát - tiếng hát đòi tự do, hay đúng hơn là tiếng hát đón tự do:

Người cùng vạn vật đều phơi phới.

Phơi phới vì cảnh trời tươi đẹp sau cơn mưa. Phơi phới vì lẽ đời "hết khổ là vui", hết tù tội là tự do. Phơi phới của người đã truyền sang cho vạn vật. Người và cảnh hoà hợp, phơi phới là vậy.

Bài thơ được viết vào mùa thu 1943, chẳng bao lâu, Bác trở về với tự do; chẳng bao lâu - hai năm sau - mùa thu 1945, Bác thay mặt quốc dân đồng bào đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại vườn hoa Ba Đình, tuyên bố trước thế giới: Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và thực sự đã thành một nước tự do, độc lập:

Đất trời một thoáng thu màn ướn,

Sông núi muôn trùng trái gấm phơi;

Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,

Cây cao, chim hót rộn cành tươi,

Người cùng vạn vật đều phơi phới

Hết khổ là vui vốn lẽ đời.

Bài thơ là một niềm vui, một niềm tin, một dự cảm trên cơ sở của một cái nhìn biện chứng. Từ thực tế con người mà thể nghiệm thiên nhiên và từ thiên nhiên để thể hiện lòng người. Cũng cần nói thêm, câu cuối của bài thơ, nguyên văn là: Khổ tận cam lai lý tự nhiên (Hết khổ là vui vốn lẽ đời), tưởng như triết lý của nhà Phật: hết đắng cay đến ngọt bùi, hết khổ đến sướng. Sách Phật, chữ Phật giúp cho con người hướng thiện, nhưng lại không chỉ ra hành động thực tế cho con người mà lại buông xuôi, nằm chờ. Thơ Bác khẳng định lẽ thường tình trong đấu tranh. Cái nguyên lý định, cái lý tự nhiên mà Bác nói đến mang một chất mới, một sinh khí mới - cái chủ động của con người. Bài thơ chứng tỏ người làm thơ nắm chắc quy luật của tạo hoá và làm chủ được tình thế dưới một cảm quan cách mạng, cảm quan lịch sử sáng rõ, một tình cảm nhuần tươi cho nên bài thơ nói chân lý mà

không khô khan, nó tươi nguyên như sự sống. Một chủ nghĩa lạc quan - biện chứng xuyên suốt.

Bài thơ là một chỉnh thể thống nhất. Toàn bộ khí lực của bài thơ dồn chứa vào việc thể hiện Người cùng vạn vật đều phối phối. Hai câu mở đầu là quy luật của tự nhiên, câu kết là quy luật cuộc sống con người, bốn câu giữa thể hiện cái phối phối của thiên nhiên qua đó thể hiện cái phối phối của lòng người. Kết cấu bài thơ chặt chẽ theo đúng niêm luật của thể thơ thất ngôn bát cú. Hai câu đầu mở ý cho bốn câu giữa, bốn câu giữa tiếp nối lô gích cho hai câu đầu, câu thứ bảy dồn lại, nén lại tứ thơ và đẩy lên đỉnh cao để bật ra câu kết khái quát. Kết cấu chặt chẽ như vậy nhưng bài thơ không gò bó, mà tứ thơ thoáng, phối phối như tâm hồn người viết đang rạo rức, thoáng và lạc quan. Rất cổ điển mà cũng rất hiện đại.

Trời hừng! bài thơ vang lên như khẳng định, như đón chào một tương lai không xa. Trời hừng! Đó là dự cảm khoa học, là lời tiên tri về sự tất yếu cái sẽ xảy ra, sẽ tới - thế đi của con người, đất nước và cách mạng.

Trời hừng! Trời hừng rồi! ... sáng rồi, Bác của chúng ta sẽ thoát tù, cách mạng Tháng Tám thành công. Khả năng tiên tri của con người có tầm nhìn xa quả là vĩ đại.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Khán “Thiên Gia Thi” Hữu Cảm - Cảm Tưởng Đọc “Thiên Gia Thi”

看千家詩有感

古詩偏愛天然美

山水煙花雪月風

現代詩中應有鐵

詩家也要會衝鋒

Dịch âm Hán Việt:

Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ,

Sơn, thủy, yên, hoa, tuyết, nguyệt, phong;

Hiện đại thi trung ưng hữu thiết,

Thi gia dã yếu hội xung phong

Dịch nghĩa:

Thơ xưa nghiêng về yêu cảnh đẹp thiên nhiên,

Núi, sông, khói, hoa, tuyết, trăng, gió;

Trong thơ thời nay nên có thép,

Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Dịch thơ:

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,

Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;

Nay ở trong thơ nên có thép,

Nhà thơ cũng phải biết xung phong. (1)

NAM TRÂN dịch

NAY Ở TRONG THƠ NÊN CÓ THÉP

Bác Hồ làm bài thơ Khán “Thiên gia thi” hữu cảm này sau khi Ngã tổ tù thi bách kỷ niên (Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi).

Thiên gia thi (Thơ nghìn nhà) là tuyển tập những bài thơ cận thể và cổ thể ngắn gọn, xúc tích, dễ hiểu, dễ nhớ của các nhà thơ nổi tiếng đời Đường, đời Tống, là sách nhập môn cho những người bắt đầu học làm thơ mà Bác đã đọc. Tập thơ Thiên gia thi đã gợi cho Bác nhiều suy nghĩ, nhất là Bác đã trải qua hai thực tế: thực tế tù đầy và thực tế làm thơ với biết bao trăn trở, suy tư, cảm xúc, nghị lực, ý chí, tinh thần và trách nhiệm đối với con người, đối với cuộc sống đã tạo nên những ý tưởng lớn cho bài Khán “Thiên gia thi” hữu cảm.

Bài thơ bốn câu. Câu thơ đầu là lời nhận xét về thơ xưa - Cổ thi (thơ cổ điển) Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ, nghĩa là Thơ xưa nghiêng về yêu thích cảnh đẹp thiên nhiên. Câu thứ hai minh họa, bổ sung làm rõ nghĩa, đủ ý cho câu một bằng sự liệt kê, cứ mỗi từ là một sự vật hoặc hiện tượng thiên nhiên quen thuộc mà thơ xưa thường miêu tả vẻ đẹp của Sơn, thủy, yên, hoa, tuyết, nguyệt, phong (Núi, sông, khói, hoa, tuyết, trăng, gió).

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,

Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;

Khi thăm thơ, đã có những ý kiến cho rằng hai câu thơ trên và bài thơ Khán “Thiên gia thi” hữu cảm, Bác phê phán, công kích thơ xưa, đối lập thơ xưa và thơ nay, thơ nay có lập trường chính trị còn thơ xưa chỉ là trăng với hoa, mây và gió...; quan điểm nghệ thuật tách rời cuộc sống này cần phải rũ bỏ. Nhưng nếu tiếp cận kỹ lưỡng văn bản bài thơ thì không phải như vậy. Bác vốn rất am hiểu thơ ca cổ điển Trung Quốc. Đối với thơ xưa, Bác chỉ nhận xét thôi chứ không hề có ý phê phán, công kích. Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ, thần thái và trọng lượng của lời nhận xét chủ yếu nằm ở hai chữ thiên ái, nghĩa là yêu thích một cách thiên lệch. Thơ xưa nghiêng về yêu thích thiên nhiên một cách thiên lệch. Đáng tiếc bản dịch của Viện văn học 1960, người dịch đã bỏ sót chữ thiên nên câu thơ được dịch là Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp, vô tình đã gây nên sự hiểu lầm không đáng có. Những năm gần đây, câu thơ đã được dịch sát ý hơn Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp, tuy nhiên hai chữ thường chuộng vẫn chưa toát hết ý hai chữ thiên ái. Như vậy, theo Bác, thơ xưa thường nghiêng về tình yêu vẻ đẹp của thiên nhiên Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông. Điều này không chỉ có ở các nhà thơ thuộc trường phái sơn thủy mà nó tồn tại ở cả các nhà thơ tả thực, các nhà thơ lãng mạn du tiên, các nhà thơ biên tái... với mức độ khác nhau, đều ít nhiều tìm đến thiên nhiên, miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên. Bác không phủ nhận thơ viết về thiên nhiên. Có nhà thơ nào mà không rung động trước một đêm trăng đẹp, một bông hoa hé nụ, một cánh chim chiều bay về cuối chân trời, một bến sông quê lặng lẽ ẩn mình dưới bóng cây cổ thụ, một rặng núi xa xa mờ sương khói. Đó là thiên nhiên và đó cũng là tình người, tình đời, tình non nước. Nhà thơ Tam nguyên Trần Bích San khi qua đèo Hải Vân đã viết một câu thơ để đời Văn vô sơn thủy phi kỳ thú có nghĩa là văn thơ không có hồn của núi sông thì sao có khí lạ. Nếu không có một tâm hồn rộng mở, lắng nghe được bước đi của

thời gian, sự chuyển vần của vũ trụ... thì làm sao có thể thành thơ và thơ hay được.

Tuy nhiên, theo Bác nếu thơ nay chỉ dừng lại ở sự ca ngợi, phản ánh cái đẹp của Sơn, thủy, yên, hoa, tuyết, nguyệt, phong như thơ xưa thì chưa đủ. Bác mong muốn Hiện đại thi trung ưng hữu thiết (Thời nay trong thơ nên có thép). Trong thơ nay nên (ưng) thêm một chất mới mà thơ xưa chưa có, đó là thép. Phải thấy rằng Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông vào thơ là đẹp, mà thép vào thơ càng đẹp. Thiên nhiên kêu gọi mỹ cảm cho con người, đấu tranh xã hội để giải phóng con người, phát huy mọi khả năng của con người càng mang lại cho con người mỹ cảm lớn. Thơ ca, trong đó có thơ viết về thiên nhiên và cả thơ viết về tình yêu - những đề tài muôn thuở cần có thép, bởi thơ ca bao giờ cũng hướng con người tới cái đích hoàn thiện, hoàn mỹ. Cuộc đời con người bao giờ và lúc nào cũng khao khát lẽ sống cao đẹp. Cuộc đời đòi hỏi trong thơ có thép, một thứ thép được tôi luyện tự bên trong bản thân nhà thơ. Chất thép phải do nhà thơ dày công tu dưỡng mọi mặt mới có được, mới tạo nên được chữ thép trong thơ, chứ không phải như có người đã nghĩ là chỉ dựa vào đề tài.

Về thép trong thơ và thép trong thơ Bác Hồ hẳn là một đề tài của một công trình nghiên cứu công phu, khoa học mới mong lý giải thấu triệt về quan điểm, nội dung, cách thức thể hiện thép trong thơ như thế nào. Khi đọc tập thơ Ngục trung nhật ký, nhà văn - nhà nghiên cứu nổi tiếng Trung Quốc, Quách Mạt Nhược, có một nhận xét sâu sắc: “Toàn bộ hơn một trăm bài thơ, hơn 2.700 chữ, chỉ có một chữ thép này (2). Nhưng nếu chúng ta đọc kỹ thì hầu như bài nào cũng có thép, câu nào cũng có thép. Vì sao vậy? Bởi vì người làm thơ có tinh thần thép” (3). Chữ thép trong câu thơ Nay ở trong thơ nên có thép có một nghĩa rộng và cũng trong một ngữ nghĩa rộng, không thể hiểu một cách gò bó, hạn hẹp hoặc tách nó đứng độc lập, cứng nhắc mà nó nối liền nhau trong cả bài thơ, thấm thấu trong tình cảm, cảm xúc, trong nội dung và nghệ thuật biểu hiện của thơ. Tinh thần thép không hề mâu thuẫn gì với tình cảm đối với thiên nhiên. Cách nhìn nhận, phản

ánh thiên nhiên cũng biểu hiện tinh thần thép. Điều Bác Hồ mong muốn Hiện đại thi trung ưng hữu thiết là như vậy. Thơ nay nên như vậy và cần phải như vậy. Muốn làm được như vậy, Bác đã chỉ ra nhà thơ phải biết xung phong Thi gia dã yếu hội xung phong.

Phải biết xung phong là một sứ mệnh mới của nhà thơ, Nhà thơ phải đứng ở mũi nhọn của cuộc sống, đấu tranh, chiến đấu cho chân lý, bảo vệ và phát huy cái đẹp của cuộc sống; phải ý thức đầy đủ thơ là vũ khí, nhà thơ là chiến sĩ, thơ phải phụng sự đắc lực cho việc phò chính trừ tà. Phải biết xung phong không hề đối lập và mâu thuẫn gì với vẻ đẹp thiên nhiên trong thơ mà còn làm cho thơ hữu ích, gần gũi và có tác dụng tích cực hơn, mãnh liệt hơn đối với con người và cuộc sống. Hai câu thơ:

Nay ở trong thơ nên có thép,

Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Bác nói về cái cần thiết phải bổ sung cho thơ hiện nay, đồng thời khẳng định vai trò trách nhiệm của nhà thơ trong cuộc sống là thế.

Bốn câu thơ ngắn gọn, hàm súc. Hai câu đầu Bác nhận xét về cái vốn có, đã có của thơ xưa; hai câu sau Bác mong muốn về cái nên có, phải có của thơ nay. Cái vốn có, đã có và cái nên có, phải có của thơ bổ sung cho nhau góp phần hoàn chỉnh một quan niệm thơ. Bài thơ Khán “Thiên gia thi” hữu cảm (Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”) là bài thơ thứ ba trong Ngục trung nhật ký, sau bài Khai quyển (Mở đầu tập thơ nhật ký) và Bất miên dạ (Đêm không ngủ) là những bài thơ Bác phát biểu quan niệm của Bác về thơ.

(1) Bản dịch của Quách Tấn:

Thơ xưa yêu đẹp thiên nhiên

Yêu trăng yêu gió yêu miền nước sông

Thơ nay cần có thép nung

Nhà thơ phải biết xung phong mới là.

(2) Nay ở trong thơ nên có thép.

(3) Hồ Chí Minh tác giả, tác phẩm, ngôn từ nghệ thuật, NXB Giáo dục, 1997, tr.476.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức
www.dtv-ebook.com

Tức Cảnh

即景

樹梢巧畫張飛像

赤日長明關羽心

祖國終年無信息

故鄉每日望回音

Dịch âm Hán - Việt:

Thụ sao xảo họa Trương Phi tượng,

Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm;

Tổ quốc chung niên vô tín tức,

Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.

Dịch nghĩa:

Ngọn cây khéo vẽ hình Trương Phi,

Mặt trời hồng sáng mãi lòng Quan Vũ;

Tròn năm không được tin tức gì về Tổ quốc,

Mong thư trả lời của quê nhà hàng ngày.

Dịch thơ:

Cành lá khéo in hình Dực Đức

Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công;

Năm tròn cổ quốc tấm hơi vắng,

Tin tức bên nhà bữa bữa trông.(1)

NAM TRÂN dịch

NĂM TRÒN CỔ QUỐC TẤM HƠI VẮNG

Bài thơ Tức cảnh Bác viết vào đầu tháng 9-1943, chỉ một thời gian rất ngắn nữa, Bác được trả tự do.

Hai câu đầu của bài tứ tuyệt được viết bằng trí tưởng tượng và liên tưởng:

Thụ sao xảo họa Trương Phi tượng

Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm.

(Ngọn cây khéo vẽ hình Trương Phi

Vầng hồng sáng mãi lòng Quan Vũ)

Trương Phi và Quan Vũ là hai danh tướng nhà Thục Hán thời Tam Quốc. Trương Phi (còn có tên là Trương Dực Đức) nổi tiếng về tính cương trực và dũng cảm, Quan Vũ (Quan Văn Trường, Quan Công) nổi tiếng về các đức tính: tín, nghĩa, trung, dũng. Hai người cùng Lưu Bị kết nghĩa anh em “Đào viên kết nghĩa”. Trong lịch sử và trong đời sống tinh thần Trung

Quốc, hai tướng Trương Phi, Quan Vũ được nhân dân rất sùng kính, là biểu tượng đẹp đẽ, biểu tượng sống được lưu truyền, ai ai cũng biết.

Điều chắc chắn hình ảnh hai vị tướng để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm khảm Bác, nên từ trong tù nhìn ra thấy những ngọn cây lá tua tủa, Bác đã tưởng tượng giống như khuôn mặt cương nghị của Trương Phi với bộ râu quai nón oai hùng. Và, khi nhìn mặt trời đỏ rực, Bác liên tưởng đến tấm lòng son sắt, trung nghĩa của Quan Vũ, liên tưởng đến mình cũng đang ấp ủ lòng trung son sắt với Tổ quốc, với nhân dân, dù mình đang trong cơn hoạn nạn nhưng lúc nào cũng hướng về Tổ quốc thân yêu.

Tổ quốc chung niên vô tín tức,

Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm

(Tròn năm không được tin tức gì về Tổ quốc

Mong thư trả lời của quê nhà hàng ngày)

Thời gian ở trong tù, đã có mấy lần, mặc dù điều kiện ngặt nghèo, Bác vẫn tìm được cách thông tin cho các đồng chí bên nhà, viết chữ bằng nước cơm bên lề tờ báo Trung Quốc rồi gửi về nước, chỉ cần dùng Iốt bôi lên thì nội dung sẽ hiện ra. Nhưng có thể do chế độ nhà tù quá nghiêm ngặt đối với Bác, nên hồi âm không đến được với Bác, trong lúc ngày ngày ngóng trông tin tức từ Tổ quốc, nên Bác đã gửi gắm nỗi lòng mình qua câu thơ chủ lực:

Tổ quốc chung niên vô tín tức.

Câu thơ được dịch là Năm tròn cố quốc thăm hơi vắng, rất đáng tiếc từ Tổ quốc được chuyển ngữ là Cố quốc. Tuy cố quốc cũng là nói Tổ quốc, nhưng hai chữ Tổ quốc trong bài thơ có một ý nghĩa đặc biệt. Trong tập Ngục trung nhật ký, khi nói về Tổ quốc Bác đã dùng: Việt địa (đất Việt), Nam thiên (trời Nam), cố hương, non sông,... chỉ duy nhất một lần trong bài thơ Tức cảnh này Bác mới dùng hai chữ Tổ quốc. Đây chính là nhãn tự

của bài thơ, thần thái của bài thơ. Rất mong có bản dịch giữ nguyên được hai chữ Tổ quốc.

(1) Bản dịch khác của Quách Tấn:

Tượng Trương Phi đầu cây khéo họa,

Vàng hồng soi tấc dạ Quan Công;

Năm tròn tin nước vắng không,

Ngày ngày sốt ruột chờ mong tin nhà.

NHẬT KÝ TRONG TÙ VÀ LỜI BÌNH

Lê Xuân Đức

www.dtv-ebook.com

Kết Luận “Ngục Trung Nhật Ký”

結論

幸晤英明侯主任

而今又是自由人

獄中日記從今止

深謝侯公再造恩

Dịch âm Hán Việt:

Hạnh ngộ anh minh Hầu Chủ nhiệm,

Nhi kim hựu thị tự do nhân.

“Ngục trung nhật ký” tòng kim chỉ,

Thâm tạ Hầu Công tái tạo ân

Hoàn

29 - 8 - 1942

10 - 9 - 1943

Dịch nghĩa:

May mắn gặp được chủ nhiệm họ hầu sáng suốt,

Mà nay ta lại là người tự do;

“Nhật ký trong tù” chấm dứt từ đây,

Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông Hầu.

Dịch thơ:

Sáng suốt, nhờ ơn Hầu Chủ nhiệm,

Tự do trở lại với mình rồi;

Ngục trung nhật ký từ đây dứt,

Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người. (1)

Hết

29 - 8 - 1942

10 - 9 - 1943

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch

“NGỤC TRUNG NHẬT KÝ” GHI BÀI CHÓT

Kết luận là bài thơ thứ 133, bài thơ cuối cùng khép lại tập Ngục trung nhật ký: “Ngục trung nhật ký” tòng kim chỉ (Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây)

Bài thơ mang nhiều ý nghĩa. Trước hết là lời cảm tạ tự đáy lòng của Bác đối với Hầu Chủ nhiệm về Công ơn tái tạo - tái tạo ân, Bác thoát cảnh tù đầy. Hầu Chủ nhiệm tức Chủ nhiệm Hầu Chí Minh là Thiếu tướng Chủ

nhệm Cục Chính trị Đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu thay Trung tướng Lương Hoa Thịnh được thăng chức Tư lệnh phó đệ tứ chiến khu.

Kết luận là bài thơ thứ hai Bác viết về Hữu Chủ nhiệm. Cả hai bài thơ đều có chữ ân: ân tặng, tái tạo ân thể hiện Bác ghi tạc ân sâu của Hữu Chủ nhiệm người tặng sách, người trực tiếp khẩn trương thực hiện quyết định trả tự do cho Bác. Theo GS. Hoàng Tranh, khi Hữu Chí Minh về họp ở Trưng Khánh, nhận được lệnh của nhà cầm quyền về việc thả Hồ Chí Minh. Khi về Liễu Châu, Hữu Chí Minh đã thi hành ngay quyết định trên, trực tiếp trả tự do ngay cho Hồ Chí Minh.

Mở đầu bài thơ 4 câu, Bác ca ngợi sự anh minh (sáng suốt) của Hữu Chủ nhiệm và cái hạnh ngộ (may mắn) của Bác trong đoạn đời khó khăn, khổ ải đã gặp được con người này: Hạnh ngộ anh minh Hữu Chủ nhiệm (May mắn gặp được chủ nhiệm họ Hữu sáng suốt). Câu kết là lời cảm tạ từ đáy sâu lòng mình về công ơn tái tạo Thâm tạ Hữu Công tái tạo ân (Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông Hữu). Hẳn không cần phải nói gì thêm, ba chữ tái tạo ân đủ nói lên tấm lòng biết ơn sâu nặng như thế nào của Bác đối với người mà Bác mang ơn.

Hai câu giữa, câu hai và câu ba: Nhi kim hựu thị tự do nhân/ Ngục trung nhật ký tòng kim chỉ (Mà nay ta lại là người tự do/ Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây) là tiếp nối trọn ý cho câu một, đồng thời đây cũng là lời kết cho một ý tưởng lớn, cho một chặng đường đầy thử thách đã qua. Bây giờ đây Bác trở lại là người của tự do đúng nghĩa của nó, tự do tinh thần và cả tự do thân thể. Bước chân vào nhà tù và suốt thời gian 377 ngày bị giam cầm, hai chữ tự do luôn đeo đẳng, thường trực trong Bác. Trong hơn 100 bài thơ của Ngục trung nhật ký đã có 13 bài trực tiếp nói đến hai chữ tự do: Khai quyển, Nhập Tĩnh Tây huyện ngục, Ngộ hậu, Trung thu, Lộ thượng, Cảnh binh đảm trụ đồng hành, Tha tướng đào, Đáo trưởng quan bộ, Thanh minh, Hạn chế, Bất miên dạ, Thu cảm và bài thơ Kết luận này. Mười ba bài thơ chung một tiếng nói xúc động, quyết liệt, đanh thép về tự do: Tự do

nhân (người tự do), tự do thiên (trời tự do), tự do cảnh (cảnh tự do), tự do nhật (ngày tự do), tự do lâm thượng (tự do thượng ngoạn)... Tự do lên đến đỉnh cao, khách tự do thần tiên trên trời có biết chăng trong nhà lao cũng có khách tiên. Tự do thiên thượng thần tiên khách, / Tri phủ lung trung dã hữu tiên. (Ngọ hậu). Ngục tù đã không thể giam hãm được ý chí đấu tranh cho tự do, tinh thần tự do của Bác. Tự do đã chiến thắng ngục tù, Bác đã là người tự do Tự do trở lại với ta rồi - Nhị kim hựu thị tự do nhân, cũng đồng thời “Ngục trung nhật ký” từ đây dứt. Câu thơ “Ngục trung nhật ký” tòng kim chỉ, cụ Trần Đắc Thọ có lời dịch khá ý nhị và thú vị: “Ngục trung nhật ký” ghi bài chót.

Kết luận là bài thơ chót, bài thơ cuối cùng kết thúc tập Ngục trung nhật ký - Bài thơ của một tấm lòng, của đạo đức cao cả, sự mẫn tiệp và ý chí mãnh liệt bộc lộ một bản lĩnh văn hóa cả chiều sâu bề rộng và tầm cao.

Một tập thơ, mở đầu là bài Khai quyển, kết thúc là bài Kết luận. Chinh chu, trước sau trọn vẹn. Đúng là tư duy Hồ Chí Minh, hồn thơ Hồ Chí Minh.

(1) Bản dịch của Trần Đắc Thọ:

May gặp Hầu Công, người sáng suốt.

Nay ta lại được tự do rồi.

“Ngục trung nhật ký” ghi bài chót,

Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người.

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Lời Tác Giả](#)

[Bài Thơ Đề Từ](#)

[Khai Quyển Mở Đầu Tập Nhật Ký](#)

[Thế Lộ Nan - Đường Đời Hiểm Trở](#)

[Vãn - Chiều Hôm](#)

[Đỗ Phạm - Tù Cờ Bạc](#)

[Nạn Hữu Mạc Mỗ - Bạn Tù Họ Mạc](#)

[Diên Đông](#)

[Sơ Đáo Thiên Bảo Ngục - Mới Đến Nhà Lao Thiên Bảo](#)

[Quả Đức Ngục - Nhà Ngục Quả Đức](#)

[Long An Lưu Sở Trưởng - Sở Trưởng Long An Họ Lưu](#)

[Đồng Chính](#)

[Nạn Hữu Đích Chỉ Bị - Chiếc Chăn Giấy Của Người Bạn Tù](#)

[Long An - Đồng Chính](#)

[Nhai Thượng - Trên Đường Phố](#)

[Trưng Bình Gia Quyển- Gia Quyển Người Bị Bắt Lính](#)

[Giải Trào - Pha Trò](#)

[Vãng Nam Ninh - Đi Nam Ninh](#)

[Điệt Lạc Hụt - Chân Ngã](#)

[Nam Ninh Ngục - Nhà Ngục Nam Ninh](#)

[Nạp Muộn - Buồn Bực](#)

[Nhất Cá Đỗ Phạm “Ngạnh” Liễu - Một Người Tù Cờ Bạc “Chết Cứng”](#)

[Cấm Yên - Cấm Hút Thuốc](#)

[Dạ Bán Vãn Khóc Phu - Nửa Đêm Nghe Tiếng Khóc Chồng](#)

[Công Kim - Tiên Công](#)

[Thế Nạn Hữu Mẫn Tả Báo Cáo - Viết Hộ Báo Cáo Cho Bạn Tù](#)

[Lại Sang - Ghê Lở](#)

[Song Thập Nhất - Ngày 11 Tháng 11](#)

[Cảnh Báo \(Thập Nhất Nguyệt Thập Nhị Nhật\) - Báo Động \(Ngày 12 Tháng 11\)](#)

[“Lữ Quán” - “Quán Trọ”](#)

[Tảo Tình - Năng Sớm](#)

[Việt Hữu Tao Động Ung Báo, Xích Đạo Tấn 14.11](#)

[Anh Phóng Hoa Đoàn - Đoàn Đại Biểu Anh Sang Thăm Trung Hoa](#)

[Giải Vãng Vũ Minh \(Thập Nhất Nguyệt Thập Bát Nhật\) - Giải Đi Vũ Minh \(Ngày 18 Tháng 11\)](#)

[Bào Hương Cầu Nhục Thịt - Chó Ở Bào Hương](#)

[Đăng Quang Phí - Tiền Đền](#)

[Ngục Trung Sinh Hoạt - Sinh Hoạt Trong Tù](#)

[Quách Tiên Sinh - Tiên Sinh Họ Quách](#)

[Thiên Giang Ngục - Ngục Thiên Giang](#)

[Tháp Hỏa Xa Vãng Lai Tân - Đạp Xe Lửa Đi Lai Tân](#)

[Tha Tướng Đào - Anh Ấy Muốn Trốn](#)

[Đảo Liễu Châu - Đến Liễu Châu](#)

[Cử Bất Đệ Giải - Giam Lâu Không Được Chuyển](#)

[Liễu Châu Ngục - Nhà Ngục Liễu Châu](#)

[Đảo Trường Quan Bộ - Đến Dinh Trường Quan](#)

[Đảo Quế Lâm - Đến Quế Lâm](#)

[Nhập Lung Tiền - Tiền Vào Nhà Giam](#)

[Chấm Hối Chấm Than](#)

[Chấm Hối](#)

[Đảo Đệ Tứ Chiến Khu Chính Trị Bộ - Đến Cục Chính Trị Chiến Khu IV](#)

[Chính Trị Bộ Cấm Bế Thất - Nhà Giam Của Cục Chính Trị](#)

[Mông Ưu Đãi - Được Ưu Đãi](#)

[Triêu Cảnh - Cảnh Buổi Sớm](#)

[Ngũ Khoa Trường, Hoàng Khoa Viên - Khoa Trường Họ Ngũ, Khoa Viên Họ Hoàng](#)

[Hạn Chế](#)

[Cửu Vũ - Mưa Lâu](#)

[Tích Quang Âm - Tiệc Ngày Giờ](#)

Độc Tướng Công Huấn Từ - Độc Lời Giáo Huấn Của Ông Tướng

Lương Hoa Thịnh Tướng Quân Thăng Nhậm Phó Tư Lệnh

Tặng Tiểu Hầu (Hải) - Tặng Chú Hầu (Hải).

Thu Cảm

Nhân Đồ Ngã - Nhân Lúc Đói Bụng

Trần Khoa Viên Lai Thám - Khoa Viên Họ Trần Tới Thăm

Hầu Chủ Nhiệm Ân Tặng Nhất Bộ Thư - Chủ Nhiệm Họ Hầu Tặng Một Bộ

Sách

Mông Thượng Lệnh Chuẩn Xuất Lũng Hoạt Động

Thu Dạ - Đêm Thu

Tình Thiên

Khán “Thiên Gia Thi” Hữu Cảm - Cảm Tưởng Đọc “Thiên Gia Thi”

Tức Cảnh

Kết Luận “Ngục Trung Nhật Ký”